

15 THÁNG 3 NĂM 1972

BACH KHOA

năm mười sáu

TỪ TRÌ *cuộc Hoa đu của Tổng thống Hoa-kỳ*
Richard Nixon * NGUYỄN GIA TƯỜNG *trở về nguồn*
dề làm gì ? * NGUYỄN HIẾN LÊ *nguy cơ xuất nảo* *
TẠ TỶ *nói về nghệ thuật tạo hình* * VÕ QUANG
YẾN *ngôn ngữ hóa học* * TOAN ÁNH *chơi câu đối*
Tết * NGUYỄN VĂN XUÂN *Quang Trung trên sân*
khẩu Việt-Nam * VÕ THỊ THANH ROÒN *các phương*
pháp nhin ăn đề trị bệnh ở Việt-nam * LÊ VĂN
THIỆN *chinh phụ bây giờ* * ĐỊNH NGUYÊN *mùa*
lạnh * TRẦN HUIỀN ÂN *cát rừng* * LÊ VĂN TRUNG
giọt nước mắt mùa xuân * ĐOÀN BẮNG HỮU
hóa kiếp tôi * VŨ HỮU ĐỊNH *ngày xuân thiêng* *
YASUTAKA TSUTSUI *bình minh của quái nhân* *

SINH HOẠT *thời sự*
thế giới * *thời sự khoa*
học * *thời sự văn nghệ*

365

TẠP CHÍ BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Sáng lập: HUỖNH VĂN LANG Chủ nhiệm: LÊ NGỘ CHÂU
HOÀNG MINH TUYNH Chủ bút:
Thư ký: TÔN THẤT HÀM Quản lý: NGHIÊM NGỌC HUÂN
Tòa soạn: NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ BÁO

MỖI SỐ	70đ.
SÁU THÁNG	770đ.
MỘT NĂM	1500đ.

Cao nguyên và Miền Trung, thêm cước phí máy bay 50 đ. một năm.

Ngoại quốc đường thủy: thêm cước phí 360 đ. một năm.

Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, hoặc Tạp chí Bách-Khoa Thời-Đại trương mục 54.262 Tổng ngân khố Việt-Nam.

Bưu chi phiếu xin chuyển cho Tạp chí Bách Khoa Thời 160 Phan đình Phùng Saigon, Trương mục 27-46, Trung Khu Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt san BÁCH-KHOA

1 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1300đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-ly Tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

Số 365 ngày 15-3-1972

TỪ TRÌ cuộc Hoa du của Tổng thống Hoa kỳ Richard Nixon	05
VÕ QUANG YẾN cách thông đạt của loài cá : ngôn ngữ hóa học	13
NGUYỄN GIA TƯỜNG trở về nguồn đề làm gì ?	17
NGUYỄN HIỂN LÊ nguy cơ xuất não	23
TẠ TỶ nói về nghệ thuật tạo hình	29
TOAN ÁNH chơi câu đối Tết	35
NGUYỄN VĂN XUÂN Quang Trung trên sân khấu Việt-nam	41
VÔ THỊ THANH ROÒN các phương pháp nhịn ăn để trị bệnh ở Việt-nam	51
LÊ VĂN THIỆN chinh phục bảy giờ (truyện)	57
ĐỊNH NGUYỄN mùa lạnh (truyện)	63
TRẦN HUIỀN ÂN cát rừng (thơ)	69
LÊ VĂN TRUNG giọt nước mắt mùa xuân (thơ)	70
ĐOÀN BẰNG HỮU hóa kiếp tôi (thơ)	71
VŨ HỮU ĐỊNH ngày xuân thiêng (thơ)	72
YASUTAKA TSUTSUI bình minh những quái nhân (NGUYỄN CHÂU dịch)	73
SINH HOẠT	
TỪ TRÌ thời sự thể giới	77
TỬ DIỆP thời sự khoa học	80
THU THỦY thời sự văn nghệ	83

Chủ nhiệm : LÊ NGỘ CHÂU
 Chủ bút :
 Tòa soạn : 160, Phan Đình Phùng Saigon
 Điện thoại : 25.539
 H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
 21, Nguyễn Thiện Thuật—Saigon
 GIÁ : 70\$ Công sở : 140\$
 Cao Nguyên và Miền Trung
 thêm cước phí máy bay

Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Tình nước mặn truyện dài của Viên Linh, do Tân Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 143 trang có thêm 16 trang Tự-diễn Việt-nam do Vũ Bằng chủ biên với sự hợp tác của 16 giáo sư, ký giả, nhà văn, nhà thơ, khảo cứu gia, chính khách. Giá 80 đ.

— Theo chân thần tượng truyện thiếu nhi của Minh Quân và Mỹ Lan do Tuổi Hoa xuất bản và các tác giả gửi tặng. Sách dày 146 trang viết rất lôi cuốn. Bản đặc biệt. Giá 80đ.

— Người dung khác họ truyện thiếu nhi của Kim Hải do Tuổi Hoa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 96 trang, loại Hoa xanh. Giá 60 đ.

— Vọng tập thơ của Nguyễn Đức Sơn, do An Tiêm xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 73 trang gồm 60 bài thơ. Bản đặc biệt. Giá 200 đ.

— Di tích tập thơ của của Đắc Trung, Trúc Đăng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 96 trang gồm 2 phần: Tình rùng và Lâm chiến với 60 bài thơ. Bản đặc biệt. Giá 160 đ.

— Một cõi đìu hiu, tập thơ của Đàm Xuân Cạn, do Đại nam Văn hiến xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 34 trang, gồm 28 bài thơ in ronéo khổ 21 x 26 phở biến hạn chế dành tặng thân hữu.

— Luyện thi và giải đề thi vào lớp Sáu (theo thể thức mới từ năm 1970) của Bùi văn Bảo và Phạm thị

Kim Chi, do Nhật Tảo xuất bản và soạn giả gửi tặng. Sách dày 222 trang gồm 15 đề thi đề tự luyện và 17 đề thi đã ra trong các kỳ thi có bài giải. Giá 150đ

Chim Việt Xuân 72, giai phẩm phát huy văn học nghệ thuật xuất bản tại Quảng trị, do Ô. Hồ Thế Vinh Chủ nhiệm kiêm Chủ bút. Mỗi số dày 98 trang gồm biên khảo, tùy bút, thơ, truyện. Số đặc biệt.

— Thiền luận, Quyền Trung, nguyên tác của Daisetz Teitaro Suzuki bản dịch của Tuệ Sĩ do An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 590 trang, phiên dịch công phu gồm 4 Luận: Tu tập công án; Mật truyền của Bồ-đề Đạt-ma; Bích nham tập và Vô môn quan; Tính kham nhẫn trong đời sống Đạo Phật. Ngoài ra còn phần phụ lục, 22 hình ảnh in rất đẹp có chú thích, và bảng phát âm đối chiếu về nhân danh, địa danh- Giá 800đ.

— Bọt biển và sóng ngầm, tập những bài bình luận thời cuộc mang một tên chung là: « Những ngày buồn nôn » của Lý Chánh Trung viết trên nhật báo Tin Sáng trong một năm từ 8-3-70 đến 4-3-71, do Đối Diện xuất bản, tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 320 trang, khổ 14x19 gồm 44 bài nhằm vào các đề mục: Cuộc tranh đấu của SVHS, Hòa bình, Chánh sách của Hoa-kỳ, Chánh quyền và đối lập, Nhân vật lịch sử v.v... Bản đặc biệt. Giá 350đ.

— Cho cây rừng còn xanh lá, Nhận định của Nguyễn Ngọc Lan, do Đối Diện xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 350 trang, khổ 14 x 19, gồm 54 bài bình luận thời cuộc hầu hết đăng trên nhật báo Tin Sáng trong 1 năm rưỡi từ 20-3-70 đến 1-10-71 nhằm các đề tài về Chiến tranh và Hòa bình (Dân tộc, Độc lập, Đế quốc Mỹ v.v...) Tôn giáo (Công giáo, Phật giáo) Sinh viên giới trẻ. Giá 360đ.

Cuộc Hoa-du của Tổng-thống Hoa-kỳ Richard Nixon

Cuộc Hoa-du của Tổng-thống Nixon mà dân-chúng thế-giới hằng chờ đợi đã diễn ra từ ngày 21-2 tới ngày 28-2-1972 trong một bầu không khí khá tốt đẹp và đã chấm dứt trong những điều kiện khả quan. Thật vậy, cuộc viếng thăm này tuy đầy tính cách thân-hữu nhưng « Liên-minh Hoa-Mỹ » mà người ta e ngại đã không ra đời. Nhưng dù

sao đi nữa thì chuyến đi Trung-Cộng của Tổng-thống Nixon cũng đã đánh dấu một kỷ-nguyên mới trong bang-giao quốc-tế bằng cách chấm dứt một tình trạng chiến-tranh lạnh kéo dài trên 20 năm giữa Hoa-kỳ và Trung-Cộng. Với tình hình mới tại Á-châu người ta cũng có một thế quân-bình mới. Thế quân-bình này hiện được dựa trên hai cột-trụ là Hoa-kỳ và Trung-Cộng.

I. MỘT KỶ-NGUYÊN MỚI CỦA BANG-GIAO QUỐC-TẾ

Từ 22 năm qua dữ-kiện căn bản của nền bang-giao quốc tế là sự thù hận giữa Trung-Cộng và Hoa-kỳ. Sau khi đảng Cộng-sản cướp chính quyền ở Bắc-kinh, chính-phủ Hoa-kỳ đã quyết tâm ủng-hoàng chính-phủ quốc-gia của Thống-chế Tưởng-Giới-Thạch sang nương náu tại Đài-loan. Trung thành với chính-sách này Hoa-kỳ đã luôn luôn từ chối không thừa nhận chính-thể Bắc-kinh, không thiết lập bang-giao và dùng quyền phủ-quyết để bác bỏ mọi đơn xin gia nhập Liên-Hiệp-Quốc của Trung-Cộng.

Năm 1950 khi Trung-Cộng gửi Chí-nguyên-quân sang Bắc-Cao tham chiến, quân đội Trung-Cộng đã trực tiếp đụng độ với quân đội Hoa-kỳ trên chiến trường Cao-ly. Từ đó hố sâu giữa hai nước càng ngày càng lớn hơn. Tại Hội nghị Genève 1954 về vấn-đề Đông-dương, Ngoại-trưởng Hoa-kỳ John Foster Dulles đã từ chối không chịu bắt tay Ngoại trưởng Trung-Cộng Chu-ân-Lai.

Vào các năm 1954, 1955 Trung-Cộng đã nhiều lần pháo kích các đảo lân cận Đài-loan trong khi Đài-loan được đệ-thất hạm-đội Mỹ bảo-vệ nên giữa Hoa-lục và Hoa-kỳ sự thù hận càng gia-tăng. Khi quân đội Mỹ được gửi sang tham chiến ở Việt-Nam, một số tướng lãnh Mỹ luôn luôn chủ trương oanh-tạc ngay lãnh thổ Trung-Cộng để phá vỡ hệ thống yểm trợ của nước này cho Bắc-Việt.

Về phía Trung-Cộng, người ta thấy chính phủ Bắc-kinh luôn luôn có những luận điệu đả phá Hoa-kỳ. Đảng Cộng-sản Trung-hoa luôn luôn chủ trương thực hiện Cách-mạng thế-giới. Theo họ giai-đoạn đầu của Cách-mạng thế-giới là lật đổ chế-độ tư-bản Mỹ, « lãnh-tụ của phong-trào đế-quốc trên thế-giới. »

Tình trạng căng thẳng này đã kéo dài đến tận khi ông Nixon loan báo ý định sang viếng Hoa-lục cho tới ngày nay, Hoa-kỳ là một đại-cường duy nhất chưa

có bang-giao chính thức với Trung Cộng.

Vào cuối thập-niên 1960 và đầu thập niên 1970, tình hình thế giới đã thay đổi hẳn. Hoa-kỳ không còn được các quốc-gia Tây-phương thừa nhận làm lãnh-tụ nữa. Khối Tây-phương rạn nứt khiến Hoa-kỳ mất một lực lượng yểm trợ hùng hậu, nên có một thái độ mềm dẻo hơn. Cùng một lúc sự rạn nứt của khối Cộng-sản cũng như cuộc tranh chấp Nga-Hoa đã khiến cho Trung-Cộng bị đe dọa nhiều hơn về phía Tây. Đối với Bắc-kinh, Nga-sô còn là một mối đe dọa trầm-trọng hơn là Hoa-kỳ. Do đó Trung-Cộng bắt đầu tìm cách nói chuyện với Mỹ.

Sau 7 tháng trời chuẩn bị, ông Nixon đã tới Bắc-kinh để mở màn cho một giai-đoạn mới của lịch-sử bang-giao quốc-tế. Quốc-kỳ Mỹ được treo cao tại phi-trường, hầu hết các lãnh tụ cao-cấp nhất của Trung-Cộng dưới sự hướng dẫn của Thủ-tướng Chu-an-Lai đã tề-tụ để đón tiếp ông bà Nixon, đoàn vệ-binh ưu tú của Hồng-quân Trung-hoa cũng được đưa tới để giàn chào. Tuy nghi thức trang trọng nhưng sự đón tiếp lại hết sức lạnh nhạt. Khi ông Nixon xuất hiện trên đầu thang máy bay ông đã vỗ tay hy vọng rằng theo đúng truyền thống Cộng-sản các nhân vật Cộng-sản sẽ vỗ tay trở lại. Nhưng họ không vỗ tay đáp lễ mà chỉ nghiêm trang đứng đợi dưới chân thang. Thủ-tướng Chu-an-Lai đón tiếp ông bà Nixon với bộ mặt nghiêm nghị không một nụ cười. Đoàn xe của Tổng-thống Hoa kỳ về tới cửa Thiên-an-môn mà cũng không được dân chúng cầm cờ đón mừng.

Lúc đầu phái đoàn Hoa-kỳ đã tỏ ra

hết sức thất vọng Chính phủ Bắc-kinh như muốn tỏ cho ông Nixon biết rằng nếu muốn thành công thì chính ông phải có những hành động để làm tan sự băng giá của chuyến đi này. Nhưng chỉ 3 giờ đồng hồ sau bầu không khí tại dinh Quốc-khách, nơi ông Nixon trú ngụ tại Bắc-kinh, bỗng thay đổi hẳn. Văn-phòng Mao-Trạch-Đông điện thoại cho biết họ Mao muốn được hội-kiến với ông Nixon ngay buổi chiều đầu tiên. Cuộc hội kiến Mao-Nixon chỉ được dự trù trong chương-trình và đến tận khi ông Nixon tới Bắc-kinh người ta cũng vẫn chưa biết là ông có được họ Mao tiếp hay không và nếu có thì cũng không rõ vào ngày nào. Họ Mao và ông Nixon đã nói gì với nhau không ai biết, nhưng trong các tấm ảnh được đăng trên các mặt báo người ta thấy cả hai ông đều tươi cười rạng rỡ.

Sau khi hội-kiến với Nixon, các lãnh tụ Trung-Cộng đã có một thái độ niềm nở tươi cười và ông Nixon cũng không ngớt có những cử chỉ để lấy thiện cảm của phe bên kia. Trong buổi dạ tiệc tại nhân dân Đại-sảnh do Chính-phủ Trung Cộng khoản đãi, ông Nixon đã nâng ly đề nghị hai dân-tộc Hoa-Mỹ cùng « khởi đầu một cuộc Vạn-lý trường-chinh. » Và trong những dịp khác ông còn đọc cả thơ của Mao-Trạch-Đông nữa.

Về phía Trung Cộng, người ta cũng cố hết sức tỏ ra thân hữu. Chu-an-Lai tuyên bố là ông Nixon « có lập trường vô-sản » Giang-Thanh, vợ của Mao-Trạch-Đông, cũng luôn luôn thấp tùng bà Nixon trong các cuộc thăm viếng hay trong các buổi lễ. Sự hiện diện của Giang-Thanh, người đại diện cho phe

cuồng tín Trung-Cộng, tỏ ra rằng tất cả các phe phái ở Trung-Cộng đều đồng lòng muốn giao-thiệp chặt chẽ với Hoa - kỳ. Ngoài ra các lãnh - tụ Bắc-kinh còn muốn cho ông bà Nixon có một hình ảnh tốt đẹp về Trung-Cộng. Trong cuộc viếng thăm các lăng-tẩm nhà Minh, ông bà Nixon đã chứng-kiến cảnh những đứa trẻ Trung-hoa, mặt mũi hồng hào, chơi đùa trong công-viên, những đứa bé gái buộc tóc bằng dây băng đủ màu nhẩy giầy trong khi những thiếu niên ngồi chơi bài với các cán bộ và dân chúng bình

thản ngồi nghe máy thu thanh transistor dưới trời mưa tuyết lạnh — 3⁰ (!) Nhưng ngay khi ông Nixon vừa đi qua thì trẻ con đã vội tháo băng màu và người lớn cũng xếp máy thu thanh để trả lại cho cán bộ,

Những sự-kiện trên đã tỏ cho người ta biết rằng Trung-Cộng thật sự mong muốn hòa giải với Mỹ và sẵn sàng đi tới nhượng bộ tối đa. Với sự hòa giải Hoa-Mỹ, một thể quân bình mới sẽ và có lẽ đang được thiết lập tại Á-châu.

II. MỘT THỂ QUÂN BÌNH MỚI TẠI Á-CHÂU

Hành động của các lãnh tụ Trung-Cộng đã làm cho phe thân Mao trên thế giới ngạc nhiên và đau đớn. Họ không ngờ rằng Mao-Trạch-Đông lại có thể ngay một ngày một lúc bỏ hẳn cả « chủ thuyết mác-xíc sáng-tạo » của mình để bắt tay với những người mà từ trước tới nay Mao vẫn coi là kẻ thù mà giai cấp vô sản phải triệt hạ. Phe Cộng-sản thân Mao ở Pháp gồm có những nhân vật nổi danh như văn hào Jean Paul-Sartre đều tỏ vẻ buồn rầu không một lời bình luận.

Các nước Cộng-sản Đông-Âu do Nga lãnh đạo cũng không dấu sự phẫn nộ. Đài truyền hình Nga chỉ nói tới cuộc Hoa-du của ông Nixon trong 30 giây và các lãnh tụ điện Kremlin đã gọi các cuộc hội đàm Hoa-Mỹ là những âm mưu chống Nga.

Về phía bạn của Mỹ người ta thấy Nhật tỏ vẻ lo âu nhất. Vì sợ Mỹ liên kết với Trung-Cộng, Nhật trong mấy

tháng đầu năm 1972 đã tìm cách nhích lại Nga và Bắc-Cao. Ngoài ra, để tỏ ra độc-lập với Mỹ, Nhật cùng một lúc đã thừa nhận Bangla Desh và thiết lập bang giao chính thức với Ngoại Mông mà không tham-khảo ý-kiến với Hoa-thịnh-Đốn.

Tại New Delhi bà Indira Gandhi Thủ-tướng Ấn-độ, đã tuyên bố là bà ngại rằng « các cuộc hội đàm thượng đỉnh ở Bắc-kinh đang thiết lập một hệ-thống quyền hành mới tại Á châu » và bà cảnh cáo rằng Ấn-độ sẽ coi như không bị ràng buộc bởi bất cứ một quyết-định nào nhằm thống-trị Á-châu.

Những mối lo sợ này hiện thời vô căn cứ vì sau 8 ngày viếng thăm Trung-Cộng ông Nixon đã ký với Chu-ân-Lai một bản thông-cáo chung, nhắc lại lập-trường của hai bên. Ngoài việc Hoa-kỳ thừa nhận là Đài-loan thuộc về Trung-hoa người ta chưa thấy Trung-Cộng và Hoa-kỳ đi tới một thỏa-hiệp nào

chúng tôi hai bên đã đạt một sự cộng tác nhằm chia nhau thống trị thế giới.

Tuy nhiên sau chuyến Hoa-du của ông Nixon, Trung Cộng đã ra khỏi vòng cô-lập mà họ phải chịu trong 22 năm qua. Trong khi Trung-Cộng ra khỏi vòng cô lập thì Hoa-kỳ lại chủ trương giảm thiểu mức can thiệp quân sự, do đó cả hai bên sẽ phải đi tới một công-thức hợp-tác nào đó để không bên nào có thể hoàn toàn làm chủ được Á-châu. Như vậy dầu muốn dầu không thì đời sống chính trị ở vùng này sẽ là một thể quân-bình dựa trên hai lực lượng Mỹ và Trung Cộng.

Người ta cho rằng có lẽ Trung-Cộng sẽ không tìm cách lợi dụng tình thế mới để thôn tính Á-châu. Trung-Cộng trong những năm tới sẽ tránh những hành động khiêu khích phe Tự do. Vì khiêu khích chỉ có nghĩa là đưa Nhật tới quyết định tái vũ trang và như vậy Trung-Cộng phải đương đầu với hai đối thủ cùng một lúc là Nhật và Hoa-kỳ. Cũng chỉ vì tránh khiêu khích Nhật mà Trung-Cộng cũng sẽ ngưng yểm trợ âm mưu bành trướng của phe Cộng-sản ở Đông-dương.

Về phía Mỹ, người ta cho rằng sau khi tạo thể quân bình với Trung-Cộng ông Nixon sẽ tìm cách đặt thể quân bình này trên một căn bản vững chắc hơn. Vì vậy ông sẽ tìm cách cộng-tác

với Nga theo một công-thức nào đó để thể quân bình Á-châu sẽ là một thể chân vạc Nga-Hoa-Mỹ. Cuộc Nga du của ông Nixon dự tính vào tháng 5-1972 sẽ là một dịp để ông Nixon trở tài thương thuyết.

oOo

Cuộc Hoa-du của ông Nixon đã là một thành công tuy kết quả chưa được rõ rệt. Ông đã thành công trong việc làm hòa dịu tình hình thế-giới một phần nào. Về phía quốc nội 73% dân chúng đã tán thành chuyến đi này. Biết như vậy nên ông Nixon đã triệt để khai thác các thành quả của mình bằng cách đem theo 87 ký giả. Dân chúng Mỹ đã được dịp theo dõi từng phút từng giây qua màn ảnh nhỏ các hoạt động của ông. Nếu chuyến Hoa-du chưa mang được kết quả cụ thể trên chính-trường quốc-tế thì nó cũng đã trao cho ông Nixon vai trò của một tài tử chính xuất sắc trong tấn tuồng bầu cử. Trong tuần báo Time người ta thấy có một bức hí họa vẽ Mao-trạch-Đông chỉ các ký giả, các máy quay phim bao quanh ông Nixon và nói: "Tất cả những cái này đều phí phạm nếu ông không được tái đắc cử vào cuối năm nay!"

TỪ MINH

Nhà xuất bản LÁ BỐI sẽ phát hành trong ngày đầu Xuân
Nhâm-Tý:

Mười khuôn mặt văn nghệ hôm nay
của TẠ TỰ

Sách dày 700 trang, biên khảo công phu, ấn loát thật đẹp.

Cách thông đạt của các loài cá :

Ngôn ngữ hóa học

Người Việt ta thường nói «câm như hến». Người Pháp thì lại bảo «câm như cá gáy». Quả thật hến cũng như cá không nói ra tiếng, không khóc ra lời. Nhưng những cuộc khảo cứu về cá đã cho thấy chúng hờn giận, đánh phá hay phân chia địa phận như trong một xã hội với những cá thể biết suy nghĩ. Nhiều nhận xét khác thì lại chứng minh chúng biết tìm đường, kiếm lối như biết hỏi han. Vậy thì chúng đã thông đạt với nhau. Bằng cách nào? Nhiều nhà động vật học đã bỏ công nghiên cứu và ngày nay đang tiến đến một mục tiêu tìm ra những hóa chất được cá dùng làm thông điệp.

Cá trê vận dụng quan năng hóa học

Một nhà khảo cứu ở Woods Hole Oceanographic Institution, bác sĩ T. H. Todd đã thực hiện nhiều thí nghiệm đặc sắc với một loại cá trê (poisson-chat, catfish hay bullhead). Cá trê có đầu to, mũi rộng, râu mép dài nhưng đôi mắt rất kém. Trái lại trên cơ thể nó có nhiều mấu chồi vị giác đồng thời những cơ quan thâu nhận khứu giác vô cùng linh động. Một con cá trê mù mắt vẫn tìm được mồi dễ dàng: đấy là nhờ mùi vị của đồ ăn. Vậy thì các cơ quan khứu giác ắt phải được dùng vào một công việc gì khác. Bác sĩ Todd sau nhiều năm

học hỏi đã tìm ra được vai trò của các cơ quan này.

Ông cho một con cá trê vào trong một bể cạn đã chứa một con cá trê khác, mù mắt. Hai con cá trê đánh pna nhau quá chừng nên ông phải vớt con cá trê mới bỏ vào ra ngoài. Sau đó ông bỏ vào bể cạn một loại cá khác thì chẳng có cuộc ẩu đả. Đáng khác cho vào bể cạn một ít nước trong ấy đã sống con cá trê địch thủ thì con cá trê mù mắt trên kia tỏ ra bị kích thích, còn nếu cho vào bể cạn nước bất cứ từ bể cạn nào đã nuôi cá khác thì chú cá trê ta vẫn đứng đưng. Giả thuyết được đưa ra là nước đã chứa đựng một «thông điệp hóa chất» có ảnh hưởng lên hành động của con cá trê. Hơn nữa nếu cho vào bể cạn nước trong ấy đã sống những con cá trê khác không phải là địch thủ trong trận giao chiến vừa qua thì con cá trê mù mắt chỉ bơi quanh tròn mà không thấy bị xúc động. Giả thuyết thứ nhì là không những nó đã thức biết được giống loại mà còn xác định được cả cá thể.

Trong thiên nhiên, cá trê thường chia địa phận của mình, cấm giữ không cho bạn đồng loại xâm nhập. Địa phận có thể là một cái lỗ bên bờ ao. Nếu cho hai con cá trê vào trong một cái ao thì mỗi con chiếm một địa phận ở đầu ao. Khi một trong hai con cá ấy bị bắt ra ngoài thì con kia đợi vài giờ mới đột nhập vào địa phận

bỏ trống. Nếu người ta cho vào một con cá trê khác thì tức khắc có cuộc đánh phá, còn nếu con cá trê bị vớt được thả vào lại thì ai trở về địa phận này, hòa bình tái diễn như trước kia. Tại sao? Phải chăng chúng đã biết nhau theo một « cơ chế hóa học » nào?

Bây giờ nếu cho vào bể cạn một lúc nhiều con cá trê thì trước tiên một cuộc va chạm bắt buộc phải diễn ra. Sau đó con cá trê mạnh nhất trở thành chúa tể thì chiếm đóng địa phận lớn nhất. Những con cá trê khác chia nhau những địa phận còn lại. Khi trật tự đã được thành lập mà người ta cho vào bể cạn một con cá trê mới thì tức khắc con cá trê chúa tể bảo vệ những bạn của giang sơn mình, cho chúng chạy lại núp trong địa phận của mình và ra đương đầu với địch thủ mới. Nhưng khi loạn lạc lại được dẹp yên thì mỗi con cá lại phải trở về địa phận mình. Tất cả những hành động này thao diễn cả với các cá trê mù mắt, cho nên người ta càng nghi vai trò của những « thông điệp hóa học ».

Một hôm tình cờ một con cá trê lớn nhảy ra khỏi bể cạn và rơi vào một bể cạn khác chỉ có toàn cá trê con. Con cá trê lớn đánh phá lung tung nên mấy con cá trê nhỏ bơi nhảy đủ phía và rơi ra ngoài chết gần hết, chỉ còn lại trong bể cạn hai con. Khi người ta vớt con cá trê lớn ra ngoài thì hai con nhỏ còn lại vội chia nhau hai địa phận. Nhưng hễ cho vào bể cạn nước đã nuôi con cá trê lớn thì chúng kiếm cách núp tránh, có khi cạnh nhau, và chỉ trở về địa phận mình mỗi khi « hóa

chất » hay mùi vị gì đó đã tiêu tan.

Bác sĩ Todd còn đây xa thí nghiệm để khảo sát quan năng hóa học của cá trê. Ông cho vào bể cạn một cái chậu để cho cá trê có chỗ ẩn núp. Sau đấy ông tập cho cá trê biết, trong khoảng năm giây đồng hồ, hoặc phải bơi lên mặt nước và há miệng thở, hoặc phải chạy trốn vào trong chậu tùy theo ông ta cho vào nước một hóa chất này hay một hóa chất khác. Hễ cá làm trúng thì được thưởng đồ ăn còn nếu làm trật thì bị điện giật. Sau 25 lần con cá trê làm trúng 95%, thế đủ biết nó thức biệt được hóa chất biết bao!

Cá hồi, lươn biển, định hướng, tìm đường

Trong thiên nhiên, người ta còn nhận xét nhiều quan năng hóa học khác của loài cá rất rõ ràng.

Ai cũng đã thường nghe nói đến chuyện con cá hồi (saumon) là một trong những loại cá di chuyển xa nhất. Cá hồi sinh trưởng trong suối ở núi rừng cao thâm, đến khi lớn khoảng năm phân thì bơi dần xuống biển. Từ suối này qua sông nọ, nó đạt đến biển cả và còn bơi xa nữa để đạt cho đến nơi đã định. Sau đó, đến thời kỳ sanh đẻ nó lại ngược đường trở về suối trước mà nó đã rời bỏ từ mấy năm nay. Từ biển qua sông, từ sông qua suối, như được tiếng gọi về nguồn hướng dẫn, nó không hề lầm lẫn và trở về lại đúng nơi sinh trưởng. Cuộc bơi về nguồn này đã gây ra trong cơ thể cá hồi những

thay đổi lớn. Với một lòng kiên quyết vô biên, nó đã vượt hàng ngàn cây số, có khi nhảy băng qua ghềnh, thác và không một khó khăn, trở ngại nào có thể ngăn chặn cuộc bơi trở về nơi «chôn đau, cắt rún». Một nhà ngư loại học đã đánh dấu nhiều con cá hồi nhỏ rồi đem thả ở một suối khác nơi nó sinh trưởng. Sau cuộc di thể, chúng trở về lại không phải nơi chúng ra đời mà là nơi chúng đã lớn lên trước cuộc hành trình.

Ở đây cũng đã có câu hỏi: làm sao cá hồi biết đường, định hướng trở về lại sông suối thời ấu niên? Thí nghiệm sau này đã đem lại một phần lời giải. Người ta bắt ba trăm con cá hồi, dùng bông bịt mũi một nửa rồi thả chúng ở một ngã sông: những cá không bị bịt mũi tìm ra ngay đường về suối mình còn những con kia thì bơi quanh mà không sao định hướng được. Vậy thì một chất gì đây có mùi đặc biệt đã hướng dẫn chúng. Bây giờ còn phải tìm cho ra chất ấy là gì, do cá hồi phát ra hay có sẵn trong nước. Hiện người ta chưa biết rõ nhưng chắc chất ấy phải thơm xa, mùi hương dễ lan rộng đối với lỗ mũi của cá. Thí nghiệm này đã chứng minh lỗ mũi nhạy của cá hồi: đem cá hồi bỏ vào trong một bể cạn chứa 1800 lít nước rồi đổ vào 40 lít nước lấy từ suối chúng ở, tức khắc chúng bị kích động, nghĩa là chúng đã cảm nhận một chất gì mặc dầu đã loãng đi 1/40.

Tuy nhiên, bí mật chưa hết. Nếu có hóa chất thì nó hướng dẫn cá tương

đối dễ dàng từ cửa sông lên đến suối vì càng lại gần mùi hương càng lớn lên, nhưng từ ngoài biển rộng làm sao chỉ lối cho nó lại đến cửa sông? Nhiều giả thuyết đã được đưa ra nhưng chưa có một giả thuyết nào được chứng minh rõ ràng. Cũng có thể một «luồng hóa học» đã định hướng cho cá đến gần cửa sông và từ đấy mùi hương của hóa chất tùy chỗ đậm loãng mà tiếp tục chỉ đường cho cá vào đúng sông mình.

Người ta cũng thường kể chuyện một loại lạch hay lươn biển (anguille) ở Âu châu và Mỹ châu sống ở nước ngọt mà khi sanh đẻ thì lại ra ngoài biển Sargasses cách xa bờ bên nay 13.000 và bờ bên kia 6000 cây số. Ở đấy trứng được đặt dưới biển sâu 400 thước. Bé lươn lớn lên thì bơi về lại quê cha đất tổ nhưng chẳng lăm lăm, cha Âu thì con về lại châu Âu, cha Mỹ thì con cũng lữ lượt kéo nhau về lại đất Mỹ. Người ta hiện chưa biết chắc chúng nó ngược dòng trở về lại nơi cha mẹ đã sống không nhưng đã nhận thấy cơ quan khứu giác của các loại lươn này rất linh động. Chúng đánh hơi như tường giỏi hơn cả chó săn.

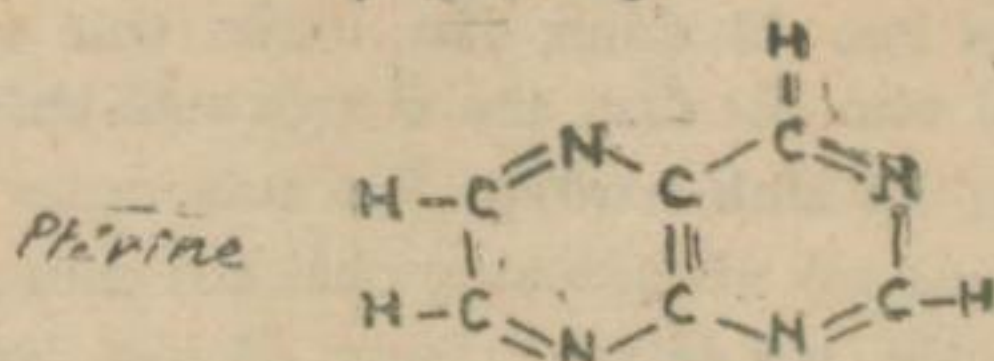
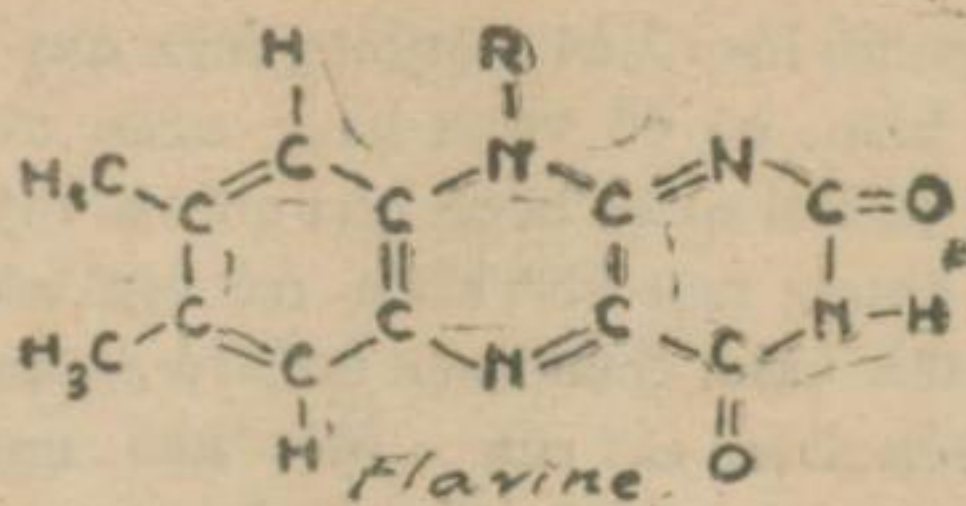
Có thể nói tương đối công tác của lươn biển còn khó hơn công tác của cá hồi vì từ biển về lại sông suối thấy như dễ hơn ra đại dương mà tìm cho ra được biển Sargasses. Khó khăn này, nhiều cá khác hay di thể như cá mòi (hareng), cá thu (morue) cũng đã giải quyết được. Nhưng ở các loại cá này người ta cũng chưa biết hóa chất có sẵn trong nước hay do cá phát ra.

Sinh vật độc bào phát tiết sinh tố

Ở nhiều loại cá khác như cá vai-ron sống ở Âu-châu hay ngay cả ở con cá thia đỏ ta nuôi ở nhà thì chúng đã phát ra hóa chất để tự vệ. Thật vậy, khi bị cá hay thú khác lại tấn công thì chính chúng đã cho tiết ra một hóa chất làm quấy rầy địch thủ. Các chuyên gia cho những hóa chất này là một loại pheromone nghĩa là những kích tố tiết ra ngoài cơ thể.

Những hóa chất lại này thường còn được tìm ra trong cuộc sống tính phái của nhiều loài cá. Con cá bống (gobie) sống ở cạnh bờ biển California chẳng hạn dễ hay gây sự với bạn đồng loại. Người ta cho nước đã chứa một con cá bống được vào bể cạn của một cặp cá bống thì chúng bị kích thích, nhất là con cá được vùng vẫy như muốn gây chiến với nước mới được đổ vào vì chính trong nước này đã có hóa chất do con cá được tiết ra.

Bác sĩ Todd khảo sát những loại cá biển nhỏ đã đưa lại nhận xét này về con cá blennie. Hai loại cá blennie cùng sống trong một bể cạn: các cá gần giống nhau về mặt cơ thể nhưng không có cuộc thụ thai giữa hai cá khác loại. Tuy vậy nếu để cá được và cá cái trong hải bể cạn khác nhau, nghĩa là chúng có thể thấy nhau mà không ngửi nhau được thì cá được bị kích thích mỗi khi thấy cá cái bên kia, dù là cá cái loại mình hay không. Như vậy là vì cá



được không phân biệt được bằng mắt: chúng chỉ thức biết được nhờ ngửi hay chạm một hóa chất đã tiết ra.

Ở nhiều loại cá sống ở đáy sâu đen tối thì hóa chất đã giúp chúng gặp nhau. Cũng như nhiều loại sâu, bướm, cá cái cho phát ra một chất có mùi hương đặc biệt mà chỉ có con cá được đồng loại biết cảm nhận.

Môn sinh-vật hóa-học các chất do cá phát tiết chỉ mới bắt đầu nhưng người ta đã chắc chắn chúng có thật. Vai trò của chúng trong những lãnh vực di thể, tính phái, thiết lập đẳng cấp cũng đã được chứng minh. Hiện người ta chỉ còn thức biết công thức của chúng. Trong nước biển, những loại flavine, pterine, acide aminé,... đều có thể mang thông điệp.

Nói rộng ra, nhiều giống loại khác ở dưới biển từ các giống sâu đến các loại cực bì (échinoderme) đều biết dùng "ngôn ngữ hóa học". Các con hải tinh (étoile de mer) chẳng hạn

(xem tiếp trang 22)

Trở về nguồn để làm gì?

Cố tri

Cách đây chưa lâu, một hôm dạo phố chơi, đột nhiên được gặp lại một ông bạn già. Ông sững người, thoát chiếu đôi mắt kiếng nghi ngờ. Nhưng : Đúng rồi !

— Tỉnh thoảng vẫn được nghe tin, mà sao từ ngày di cư vào đây chưa thấy lại chơi ? Thế nào, về hưu rồi chứ ?

Ông còn đồn luôn một hồi nữa :

— Bây giờ ở đâu ? Con cái ra sao, mấy cháu nội ngoại rồi ?

— Hỏi nhiều quá, trả lời sao kịp ? Xin hãy cho biết hiện bây giờ tiên sinh ở đâu để có dịp sẽ lại chơi.

— Gần đây thôi : đường Haute-feuille. Một cái Villa có lầu, rộng rãi lắm. Chỉ có hai vợ chồng già và một người làm. Các con (một gái, hai trai) ở cả ngoại quốc ; trưởng thành và có công ăn việc làm cả rồi. Thằng con út cũng vừa lập gia đình...

Rồi, vẻ mặt nghiêm trang, tay giơ ngón chỉ đứng thẳng (xin lưu ý) : « Avec une Vietnamiennne » ! (với một thiếu nữ Việt-Nam).

— Dạ. Quý hóa.

Ai dám bảo ông bạn già tôi không có tinh thần dân-tộc ? Và trong một công việc hệ trọng như lập gia đình, mà con ông biết chọn người đồng chủng làm bạn, thì quả thực là một thanh niên biết « trở về nguồn ».

« Trở về nguồn », đó là một đề tài gần đây được dư luận bàn đến khá nhiều. Âu cũng là dịp tốt để góp ý kiến.

Lập trường

« Trở về nguồn » phải chăng chỉ đề tự hào xuông với những huyền thoại cao đẹp như « Con Rồng cháu Tiên » ; hay gần sự thực hơn là có những anh hùng liệt sĩ trong quốc sử ? Công lao cứu nước an dân của chư vị ấy không ai dám phủ nhận. Nhưng không nên quên rằng hào quang của các ngài trong lịch sử, cũng như những gì gắn liền với tinh thần dân-tộc, đã bị xóa nhòa bởi 80 năm đô hộ của Thực dân, nối tiếp bởi gần 30 năm Cộng-sản xâm lấn. Bằng chứng là, khi nói đến giặc già loạn ly, người ta chỉ nghĩ đến hơn 20 năm tàn phá của Cộng sản, quên hẳn cái giai đoạn Pháp thuộc, được coi như giai đoạn thái bình dân tộc. Vậy mà trong giai đoạn ấy các vua chống đối (Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân) đã bị lưu đày biệt tích, và không biết bao nhiêu nhà ái quốc cách mạng đã bị diệt trừ hoặc công khai trên đoạn đầu đài, hoặc âm thầm trong tù ngục ; loại trừ đi một phần không nhỏ biểu tượng tinh túy Dân-tộc Việt-nam.

Mặt khác, đó cũng là giai đoạn Âu hóa, mà chế độ giáo dục Thực-dân chú trọng về khoa bảng xây dựng quyền hành và kỹ thuật khoa-học để

cung cấp nhân viên thừa hành. Đạo lý cổ truyền không cần biết đến, lòng ái mộ Tiên nhân, Quốc tổ, bị pha loãng mãi ra đến ý nghĩa gia đình, ý nghĩa quốc gia chẳng còn bao nhiêu. Những huyền thoại cao đẹp, những trang sử oai hùng, mặc dầu vẫn còn giá trị tài liệu, nhưng dưới ánh sáng Khoa học quốc tế rọi vào, chỉ còn là những bảo vật đáng được xếp vào tủ kính viện bảo tàng mà thôi. Nếu như muốn tự kỷ ám thị, cố đem trình diễn lại những mẫu mực xưa mà tâm hồn không còn được thấm nhuần lý tưởng cũ thì quả thực chỉ như mấy diễn xuất vụng về trên sân khấu, trên khung ảnh truyền hình. Thực tại ngoài đời sẵn sàng phủ nhận một cách phũ phàng, thêm xót xa tủi hổ cho kẻ muốn trở về nguồn.

Tuy nhiên, thời loạn ly, giặc giã, tạo bất an, cũng có cái khía cạnh quý giá. Nó cho thấy rất cụ thể cái nhu cầu thầm kín của lòng người. Hơn bao giờ hết, thời loạn, các chiêm tinh gia, các nhà toán số, xây dựng gia tài sự nghiệp rất mau lẹ ; đến các thầy bói, cô đồng tầm thường cũng phong lưu. Tại sao vậy ? Trong cảnh hỗn độn hàng ngày, chẳng những ý thức mỗi một mà tiềm thức cũng rối loạn toí bời. Tâm hồn bạc nhược thì mỗi khi đứng trước một sự kiện hệ trọng, không nắm vững mà phải giải quyết, tất phải đi cầu viện nơi kinh nghiệm hay học thức siêu việt, tức là cái kinh nghiệm của trăm ngàn thế hệ xa xưa. Tin theo được tức là trong tiềm thức, cá nhân

minh đã hòa đồng được với những thể hệ kia trong tạng thức cộng đồng dân tộc ; cho nên được thấy vững tâm hơn nhiều. Đó là cái nhu cầu an tâm nó đòi hỏi được thỏa mãn. Ai cũng có lúc cảm thấy có nhu cầu ấy, chẳng thể nói mạnh !

Chính cũng vì cái nhu cầu được an tâm ấy, mà nhất là trong thời loạn, tín đồ các tôn giáo càng quy tụ đông đảo, chặt chẽ chung quanh các vị lãnh đạo tinh thần của Tôn-giáo. Hơn nữa, số tín đồ gia tăng nhiều, mặc nhiên đặt ra cho giới lãnh đạo nhiều vấn đề mới, âu cũng là những thử thách buộc các ngài phải thích ứng với thời đại. Về phần tín đồ, sự thích ứng ấy đã được thể hiện phần nào bằng công trình tự lập ra một vài thể thức mới linh hoạt hơn của Tôn giáo cũ ; hoặc họ sốt sắng tham gia mấy Tôn giáo mới du nhập xứ sở này. Có thể nói rằng : sau cả trăm năm ngoại thuộc, chạy theo cuộc sống phi Đạo lý của nhà cầm quyền Thực-dân, dân-tộc Việt-nam đã được gần 30 năm chinh chiến thức tỉnh, mới nhận ra : niềm tin là yếu-tố cần thiết cho sinh lực tinh thần. Và đang đi tìm cho bằng được biện-pháp phục hồi đức tin truyền thống.

Một cố gắng đáng ghi

Còn nhớ, thời đệ nhị Cộng - hòa, khi một hiệp hội tư nhân được phép tổ chức ngày kỷ-niệm Quốc tổ Hùng-Vương, nghi lễ được cử hành nơi đài kỷ niệm trong vườn Bách - thảo. Công chúng đến dự lễ chỉ thừa thớt vài trăm người. Dưới một khía cạnh

thì lễ hành rất cảm động vì nỗi hiu quạnh cô đơn, trong một hoàn cảnh như bị bỏ rơi. Thế nhưng với nền đệ-nhị Cộng - hòa, lễ kỷ niệm thực sự được cử hành theo nghi thức Quốc lễ. Có Tổng-thống đứng chủ tế; vẻ trang trọng tôn nghiêm nổi bật hẳn lên.

Vậy mà có người nghiêm khắc còn bình phẩm: Lần đầu tiên T.T. Thiệu tham dự lễ Giỗ Tò, chẳng biết ông có tủi phận cô đơn không, chứ khán giả truyền hình theo dõi hơi bức mình. Sau khi kính cẩn niệm hương T.T. (khò nhục) tự tay cung tiến lễ vật khá nặng (bánh dày bánh chưng); mà toàn thể nhân viên Chính phủ cũng như quan khách cứ thản nhiên an tọa, nhàn lăm. Ai có kinh nghiệm xưa không khỏi liên tưởng nhớ lại quang cảnh thời các quan Tây cai trị được mời chứng kiến chia vui đình đám thờ dân lệ thuộc địa phương.

Thế nhưng từ lần Giỗ Tò đầu tiên ấy, nghi lễ kỷ niệm và sau cứ mỗi năm Quốc Tò được cử hành thêm nghiêm chỉnh và trọng thể hơn nữa. Có sự tham gia tích cực của các cấp chính quyền và quan khách. Không còn ai thấy bờ ngõ ngượng ngùng khi đến lượt tiến lên bàn thờ và niệm hương theo đúng nghi lễ. Đại chúng nô nức hành hương hoặc theo giới trên khung ảnh truyền hình. Thoải mái như đang tìm lại được cái gì đã đánh mất từ lâu. Đây là một thể thức « về nguồn » cần biết thưởng thức và khai thác một cách sáng suốt.

Niềm thoải mái ấy, mặc dầu khó mô tả, sẽ tác động vào tiềm-thức chung của cộng đồng dân tộc. Tiềm thức chung được nuôi dưỡng lành mạnh

như thế sẽ đem lại cho từng cá nhân, từng người, một niềm thông cảm rộng rãi với kẻ khác. Phải có những đợt sóng thông cảm lan tràn đi khắp nơi mới phá tan dần đi được những ty hiem nhỏ nhặt nhưng thâm độc mà có kẻ manh tâm cố tình nuôi dưỡng để thủ lợi bất chính. Hơn nữa, niềm thông cảm mà lan tràn được về quá khứ đến giòng họ tổ tiên, càng sâu bao nhiêu thì tâm lý cá nhân càng vững mạnh bấy nhiêu. Sở dĩ tâm lý người ta bỗng bình, dễ xoay chiều với quyền lợi trước mắt, là vì thâm tâm (tiềm thức) không còn liên hệ chặt chẽ với nguồn gốc cũng như với đồng bào đương thời.

Yếu tố u ẩn

Tại sao Ô. Nguyễn-văn-Thiệu đã tái đắc cử Tổng-thống với một lập trường chống Cộng-sản rõ ràng và cụ thể, mà vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong việc lập khối ủng hộ Chính-quyền ? Lại phía chống đối, cũng đâu đã thành lập nổi một mặt trận Đối-lập ? Sau mỗi bên chiến tuyến còn quá nhiều mâu thuẫn. Bởi vì ở bất cứ cự thuộc địa nào, Thực-dân đã phải chính thức rút lui, những họ còn để lại những yếu tố nằm vùng dưới nhiều hình thức, đặc biệt là quyền lợi thực tế này khác. Những yếu tố ấy kỳ thủy được đặt lên đầu Dân bị trị bằng quân lực ; ngày nay chúng nằm thu gọn trong tiềm thức một số người, kể cả trong giới được coi là lãnh đạo. Vì vậy số người ấy thường có khuynh hướng trở về cái vị trí « đặc-địa-thăng-

nhân" thời Thực-dân hoặc hậu-Thực-dân. Những phe phái họ lãnh đạo, thiếu một thế lực công nhiên chi phối, khó thỏa thuận được với nhau.

Nếu như chiến dịch "trở về nguồn" được công nhiên chấp nhận, liệu có thể đạt tới một cái gì không? Dưới thể thức Thiên-nhiên-học, Sử-Địa, Văn-học, Nghệ-thuật... mà kế hoạch "Trở về nguồn" được nghiên cứu tình hình, tất phải đem lại một cái nhìn bao quát toàn thể quá trình sinh hoạt của Dân-tộc. Vị trí, kích thước và ý nghĩa các thăng trầm của lịch-sử sẽ nói lên những cố gắng vươn lên của Dân-tộc để tồn tại. Cái nhìn bao quát ấy có thể dùng làm "Mẫu-số-chung" để so sánh các lập-trường, như Toán-học so sánh phân-số. Cái mẫu-số ấy có thể tác-dụng như một màng-lọc để loại trừ những độc-tổ chứa trong các lập-trường và tác-hại cho sinh-hoạt thực-sự xây-dựng Quốc-gia.

Phải nhờ có Mẫu-số-chung, những lập-trường vẫn được coi là sản phẩm quốc-gia mới được gạn lọc mãi đi, trong sinh-hoạt cộng-động. (nhất là ở Quốc-hội) để lần lần tiến tới được những tiêu-chuẩn thực-sự quốc-gia, thích ứng với thời-đại. Những bài Toán chính-trị thường không thể chính-xác lắm, cho nên ở đây cần có niềm thông-cảm dân-tộc giúp sức thúc đẩy, và chính niềm thông-cảm này mà không được Mẫu-số-chung kia soi sáng thì Dân-tộc dễ bị kẻ lưu manh lừa gạt.

Vấn đề Tự-giác

Di nhiên đối với người cổ chấp, vì ảnh hưởng ngoại lai đã xâm nhập quá sâu vào tiềm thức, và đã tự ý đặt mình vào địa-bàn hành động của địch mà chưa từng vấp phải sự ngược đãi nào thì sự tự-giác để chấp nhận một mẫu-số-chung và thông cảm với đồng bào, là thiên nan vạn nan. Lầm lỗi của họ chưa đem lại hậu quả đáng kể. Phải đợi cho thời thế biến chuyển nhiều hơn nữa, cho tâm trạng họ có thời giờ chín mùi.

Còn đối với đa số đồng bào đang còn sống trên đất nước này, đã từng trải bao gian nan cực khổ, xáo trộn về mọi mặt, và còn đang bị đe dọa ức bách đủ điều, thì niềm thông cảm được với nhau vẫn là khát vọng nơi đáy lòng mọi người. Nhiều người cũng thừa hiểu: niềm cảm vốn là tình cảm, dễ bị lừa dối, nên ngưỡng vọng của họ hướng về mẫu-số-chung khả dĩ nêu lên được những tiêu chuẩn xứng đáng.

Với chế-độ đại-nghị ngày nay, những đại-hội thường được tổ chức để thảo luận công khai thì tiêu chuẩn chính đáng sao không có thể tìm ra? Đành rằng người đời thường nói một đường làm một nẻo, nhưng cá nhân có thiện chí, muốn duy trì niềm thông cảm với đồng bào, muốn củng cố dư luận lành mạnh và muốn tìm người xứng đáng lãnh đạo, vẫn có thể học hỏi được nhiều và hành động cho tương lai đất nước. Rút lại, tương lai đó tùy

thuộc sự giác ngộ của cá nhân ; cá nhân bạn cũng như cá nhân tôi. Chúng ta phải tin rằng không gieo nhân (đầu nhỏ mọn) thì chẳng bao giờ được thấy kết quả.

Quyết định «trở về nguồn» (lấy vợ VN) của con ông bạn già nói trên kia là hậu quả quá trình sinh hoạt của gia tộc trên đất nước Tô-tiên, quá trình văn minh tàng trong tạng-thức Dân-tộc. Chắc chắn không phải là hậu quả của chế độ giáo dục thời bị trị, mà ông và con ông đã hấp thụ. Ngày nay trên đất nước người, sinh hoạt lẻ loi, quyết định của con ông chỉ là di tích còn sót lại trong tiềm thức, khó lòng nuôi dưỡng được lâu. Ông bạn hãnh diện, nhài, vì có lẽ chính ông cũng đã

có lúc lo ngại chẳng còn gì. Ông tự nghĩ : chính thân xác mình đây, rồi đây cũng chẳng còn gì, thì đầu con cháu có tướng Tô-tiên là người gồ-loa đâu có sao ? Hoặc giả ông lại nghĩ khác hẳn : biết đâu trong số con cháu mình, một ngày nào đó, lại chẳng có một B. Gourion, một M. Dayan, hay một G. Meir trở về tái thiết giang sơn Tô quốc ?

Bởi chừng trường hợp nào cũng có thể hoặc thế này, hoặc thế khác : cho nên trong cuộc ập lại ông bạn già kể trên, kể viết đây đành đứng chịu trận ; và nay nhắc đến trong bài này, phải khiêm tốn xin lỗi tất cả những ai tự thấy mịch lòng.

Đầu năm Nhâm-Tý 1972
NGUYỄN GIA TƯỜNG

Rượu bổ
QUINQUINA

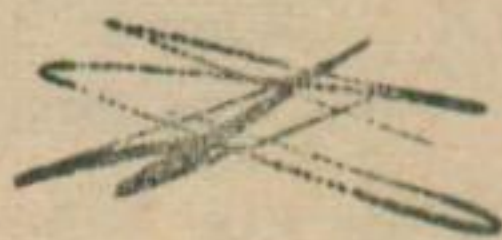


Quina '9'
CÔ ACIDE GLUTAMIQUE

*khởi vị,
ăn thêm ngon.*

BỔ OC
bồi dưỡng
cơ thể





KN 2071.8YT

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Ngôn ngữ hóa học

(Tiếp theo trang 16)

cho tiết ra một loại kích tố thần-kinh gồm có acide aminé, acide glutamique và acide aspartique. Hải tinh rất thích ăn thịt các loài nhuyễn thể. May thay các loài này có một cơ quan thâu nhận hóa học rất nhạy, có thể cảm thấy từ xa mùi hải tinh để chạy trốn. Trong một bể cạn chứa các con sên loại Tegu'a, người ta đổ vào một ít nước đã nuôi hải tinh, lập tức các con sên này kiểm cách ăn núp trốn tránh. Nếu đem cắt thiếu cơ quan thâu nhận hóa học kia thì chúng chẳng có tác động gì.

Những loại sên biển có đốt thì lại tiết ra một hóa chất để gây ra "điệu nhảy hôn lễ" trước lúc tiền hạch được phát ra dùng vào cuộc thụ tinh sẽ thao diễn. Cấu tạo các chất này thay đổi tùy từng loại, có lúc

là những peptide có lưu huỳnh. Cũng nên biết thêm có nhiều sinh vật độc bào như vi trùng tiết ra sinh tố cần yếu cho đời sống các phù du, trái lại nhiều loại rong biển thì phát ra những chất độc trừ khử vi trùng.

Như vậy, hóa chất thật đã đóng một vai trò quan trọng trong đời sống dưới nước. Người ta đã từng áp dụng dùng hóa chất để kêu gọi cá. Ngày mai hóa chất có thể dùng để lưu giữ cá, ảnh hưởng lên thái độ của cá, ngăn cản cá đánh nhau chẳng hạn,... Những công tác cần kíp nhất là kiểm cách thông hiểu cho được "ngôn ngữ hóa học" của loài cá.

VÕ QUANG YẾN

Tài liệu J.J. Barloy

SÁCH MỚI

Tạp chí Bách-Khoa đã nhận được của Việt-Mỹ Thư xã (V.A.A. Press) những sách sau đây, xin cảm ơn nhà xuất bản và xin giới thiệu cùng bạn đọc :

— Cách tổ chức và điều hành nền chánh trị Hoa-kỳ nguyên tác của David C. Doyle, bản dịch của Nguyễn Ngọc Nhạ, 205 trang. Giá 120đ.

— Hiến pháp tân tiến nguyên tác của K.C. Wheare, bản dịch của Nguyễn Quang, 194 trang. Giá 120đ.

— Những tác phẩm biến đổi thế giới, nguyên tác của R.B. Downs, bản dịch của Hoài Châu và Từ Huệ. Giá 200đ.

— Lịch sử Hoa-kỳ, nguyên tác của Franck L. Schoell, 604 trang. Giá 200đ.

— Những tài liệu căn bản về lịch sử Hoa-kỳ, nguyên tác của R. Morris. Giá 100đ.

— Cuộc đời bác sĩ Arrowsmith, nguyên tác của Sinclair Lewis, bản dịch của Bảo Sơn, 2 tập, 1000 trang, trọn bộ: 400đ.

— Những khía cạnh xã hội của phát triển kinh tế, nguyên tác của Bert F. Hoselitz, 183 trang. Giá 120đ.

— Giới thiệu nền pháp lý Hoa kỳ, nguyên tác của A. Farnsworth, bản dịch của Lê Hồng Chương, 410 trang. Giá 200đ.

Nguy cơ xuất nã

Cái hại của sự xuất nã

Xét các hình thức của hiện tượng xuất nã rồi, bây giờ chúng ta xét tới cái hại của nó.

Đĩ nhiên là hại trước hết cho các nước bị rút óc.

Ông Chorafas (sách đã dẫn) tính rằng, một sinh viên từ khi quá tuổi giáo dục cưỡng bách (1) cho tới khi đậu được bằng Bachelor of Science. (Cử nhân Khoa học) tốn cho nước Anh 6.000 Anh bảng, nghĩa là trên 70.000 quan Pháp năm 1968, non bốn triệu bạc Việt Nam hiện nay (1971) theo hối xuất song hành. Nếu là một sinh viên có bằng Tiến-sĩ Vật-lí thì tốn 16 000 Anh bảng, tức khoảng 200.000 quan Pháp, hay là 11 triệu bạc V.N. hiện nay.

Ở nước ta, chưa có ai làm những bài toán như vậy ; nhưng sáu bảy năm trước tôi nhớ trên báo, một giáo sư đại học bảo rằng mỗi bác sĩ đào tạo ở Sài-gòn, tốn mỗi năm cho quốc dân khoảng một triệu bạc, vậy trong sáu, bảy năm, tốn sáu, bảy triệu bạc.

Những sinh viên du học ngoại quốc tốn ít hơn vì được ngoại quốc đào tạo giùm. Tôi lấy thí dụ một sinh viên qua Pháp hay Đức học về ngành Vật-lí hay Hóa học, trung bình phải sáu năm mới được bằng cấp Kĩ-sư tương đương với bằng Master of Science của Mĩ, và tám

năm mới được một bằng cấp Tiến-sĩ tương đương với bằng cấp P.D. (Doctor of Philosophy) của Mĩ. Mỗi năm mỗi sinh viên tốn cho chính phủ 2.400 Mĩ kim, thảo hối xuất đặc biệt (tức hối xuất chính thức 118 đ. một Mĩ kim) thì vào khoảng 300.000 bạc Việt Nam ; sáu năm là một triệu tám trăm ngàn đồng, và tám năm là hai triệu bốn trăm ngàn đồng. Nếu tính theo hối xuất song hành (275 đ. một Mĩ kim) thì những con số đó phải nhân lên với 2,3.

Nhà kinh tế nào cũng bảo những số tiền đó là tiền đầu tư vào tương lai; kinh tế của quốc gia, cũng như tiền để xây cất, mua máy móc, lập phòng thí nghiệm vân vân...

Và ta thử tưởng tượng 3.500 kĩ thuật gia của ta làm việc ở Pháp hiện nay, với mấy ngàn kĩ thuật gia làm việc ở Mĩ, Gia-nã-đại, Nhật v...v... thiệt cho quốc gia bao nhiêu. Thiệt hại này còn lớn hơn nữa : những kĩ thuật gia đó nếu « một đi không trở về », làm việc cho nước ngoài ba bốn chục năm, làm lợi cho những nước đó bao nhiêu, có cách nào mà tính được ? Có tới cả trăm triệu bạc mỗi người không ? Mà cái lợi đó, đáng lẽ dân tộc mình phải được hưởng ?

Tôi đưa con số 100.000.000 đó ra là tính sơ sơ tổng số lương họ lãnh được trong suốt đời làm việc ở nước ngoài,

(1) Tôi không rõ tuổi đó là 16 hay 18

rồi đổi ra tiền Việt Nam hiện nay (tôi cho rằng người ta trả lương cho họ bao nhiêu, tức là họ làm lợi cho người ta ít nhất cũng được bấy nhiêu); nhưng thực ra chỉ một phát minh hay một sáng kiến của họ có thể làm lợi cho chủ nhân rất nhiều, chứ không phải chỉ bấy nhiêu.

Nhưng hai thiệt hại trên chỉ là về vật chất, thiệt hại về tinh thần mới vô kể. Theo ông Rondièrre (sách đã dẫn) thì tại những nước phát triển nhất, cứ một triệu dân có từ 500 tới 4.000 nhà khoa học; và cứ một nhà bác học thì có 5 hay 10 kĩ sư. Như Mĩ, năm 1963, dân số 185 triệu, cứ một triệu người có 1.000 nhà khoa học và 4.000 kĩ sư. Nga dân số 220 triệu, cứ một triệu người có 1.800 nhà khoa học và 20.000 kĩ sư. Miền Nam của ta hiện nay 17 triệu dân có được bao nhiêu nhà khoa học và bao nhiêu kĩ sư? Bằng một phần ngàn của họ không?

Giáo sư Kovda trong Ủy ban Văn hóa Liên Hiệp Quốc bảo không nước nào thực sự nghèo về tài nguyên: tại chưa tìm ra được tài nguyên đấy. Lẽn đó áp dụng vào Miền Nam của ta được. Trước kia ai cũng bảo chúng ta chỉ có ruộng mà không có mỏ. Ngày nay, nhờ khoa học tiến bộ, người ta đã tìm ra được mỏ dầu lửa, chưa biết chừng cả mỏ uranium, mỏ vàng... nữa. Vả lại không có tài nguyên này thì có những tài nguyên khác có thể bù lại mà trao đổi với các nước khác được. Vậy vấn đề không phải vì thiếu tài nguyên, mà thiếu các nhà tìm tòi, khảo cứu, các nhà khoa học, các kĩ sư. Một nước mới bắt đầu

phát triển như nước ta, đành phải nhờ các cường quốc giúp đỡ một số các nhà khoa học và kĩ sư, và chỉ khi nào tạo lấy được một số đủ dùng các nhà đó thì mới thực sự độc lập. Nếu cứ như hiện nay, đào tạo được mười người, mà chín người phục vụ cho nước ngoài, không hồi hương thì mấy thế kỉ nữa chúng ta mới thực sự độc lập được? Cái hố giữa các nước phú cường và các nước nghèo như nước ta sẽ mỗi ngày một sâu thêm, rộng thêm. Chúng ta sẽ vĩnh viễn ở vào tình trạng «thuộc địa» của Âu, Mĩ. Để cho tình trạng «xuất não» đó tiếp tục thì kinh tế sẽ bị sa lầy ngưng trệ, quốc gia không sao tiến bộ được. Điều đó mới bi đát.

Nguyên nhân của sự xuất não

Nguyên nhân của sự «xuất não» đó ở đâu? Lỗi về ai?

Phân biệt phương diện vật chất và phương diện tinh thần là điều hơi gượng ép, nhưng có lợi cho sự trình bày được sáng sủa, cho nên tôi dùng cách đó trong sự phân tích dưới đây.

Các bộ óc ở các nước nhỏ di cư qua các nước lớn, một số lớn là vì những lợi vật chất.

Trên kia tôi đã nói các xí nghiệp ở Mĩ trả cho các kĩ thuật gia Anh một số lương gấp đôi số lương ở Anh. So với các nước khác, số lương ở Mĩ còn cao hơn nhiều nữa. Chẳng hạn một giảng nghiệm viên ở Tokyo, mấy năm trước qua Mĩ làm việc, được lãnh 9.500 Mĩ kim mỗi năm, gấp mười số lương lãnh ở Nhật.

Một người Ý, chuyên về vi trùng học, khi tốt nghiệp Viện Công nghệ Massachusetts rồi, nuốt lời hứa với chính phủ Ý, viết thư cho những người đã bảo đảm cho ông ta, như sau: « Tôi không mong sống một đời xa hoa, lộng lẫy; nhưng năm nay tôi ba mươi hai tuổi, có hai bằng cấp, số lương người ta đề nghị với tôi ở Ý không làm sao cho tôi đủ sống được. »

Một y sĩ Anh, bốn mươi tuổi, chuyên về môn giải phẫu tim, xin qua Mĩ làm việc, chính quyền Anh muốn giữ lại, ông ta đáp:

« Tôi yêu tổ quốc lắm chứ, nhưng tổ quốc không có đủ phương tiện giữ tôi lại. »

Anh với Ý tuy nghèo hơn Mĩ nhiều, nhưng các nhà chuyên môn của họ sống đâu đến nỗi thiếu thốn. Và lại tuy Mĩ trả lương gấp đôi ở Anh, nhưng đời sống ở Mĩ cũng đắt hơn ở Anh, tính ra cũng chỉ bằng rưỡi lương ở Anh thôi.

Thực ra còn nhiều lợi vật chất khác: ở Mĩ được mau tăng lương, thăng chức hơn. Hễ có tài thì tiến rất mau, không như ở Tây Âu (Anh, Pháp, cả Tây-Đức nữa), cứ tiến lần lần từng bước một. Mĩ là một dân tộc trẻ, có tinh thần ganh đua rất mạnh, ai có cao vọng, có óc mạo hiểm, dám lãnh trách nhiệm thì có nhiều cơ hội để vượt lên; cho nên những người tài giỏi, còn trẻ ở Âu thích qua Mĩ làm việc nhất. Đúng như Mc. Namara đã nói: Óc cũng như tim, ở đâu được quý trọng thì hướng về đó.

Sự chênh lệch về cái lợi vật chất giữa Mĩ và Việt-nam, hoặc giữa Tây Âu và Việt-nam còn gấp mấy giữa Mĩ và Tây Âu nữa.

Đã có vài giáo sư Đại-học ở Sài-gòn nghe tiếng gọi của Mĩ mà bỏ quê hương vì ở Việt-nam họ được lãnh vài chục ngàn đồng, có dạy thêm, viết lách thêm nữa thì cũng chỉ kiếm thêm được vài chục ngàn nữa, còn qua Mĩ, họ được lãnh ngay một ngàn rưỡi Mĩ kim. Có người làm cho một ngân hàng lớn ở Sài-gòn, được lãnh 100.000đ một tháng, lại có nhà cửa để ở, bồi bếp để hầu (đều do ngân-hàng cung cấp) mà cũng bỏ qua Mĩ, vì Mĩ trả hai ngàn Mĩ-kim một tháng.

Các kĩ sư Việt-nam ở Pháp ra trường được năm sáu năm, dễ dàng kiếm được một việc làm từ 2.500 đến 3.500 quan một tháng (tức từ 140.000 đến 190.000 bạc V.N); mà về nước, chính phủ trả cho họ bao nhiêu? Hai ba chục ngàn? Họ có làm thêm ở ngoài thì cũng chỉ kiếm được khoảng số đó nữa, tổng cộng là năm sáu chục ngàn, chỉ bằng năm sáu ngàn năm 1960. Trong khi đó, một thợ chạy máy in thạo nghề kiếm dễ dàng được 50.000đ một tháng, một thợ nề tầm thường cũng kiếm được 30.000đ một tháng.

oOo

Nhưng nguyên nhân về tinh thần còn quan trọng hơn về vật chất, vì hai lẽ: những người vì cái lợi tinh thần mà làm việc cho nước ngoài là những người ít khi, chịu về mà họ lại thường là những người tài giỏi nhất, có lương tâm nghề nghiệp nhất, có óc cầu tiến nhất.

Tiến sĩ John Raison, một trong những nhà nổi danh nhất trên thế giới về ngành tim-phổi nhân tạo, bảo : « Không phải vì Mĩ trả lương tôi gấp đôi mà tôi bỏ Anh qua Mĩ. Nhưng tôi còn làm việc được hai chục năm nữa, mà ở Anh không có điều kiện cho tôi làm việc ».

Giáo sư Eduardo Cainiello, Viện trưởng Viện Vật-lí lí-thuyết (Physique théorique) ở Naples (Ý) tuyên bố : « Chính tôi khuyến khích các nhà tìm tòi trẻ tuổi bỏ xứ mà đi. Ở đây họ thiếu thốn đủ thứ, không thể làm việc được ».

Là vì những công việc nghiên cứu thí nghiệm, phát minh khoa học ngày nay cần những phòng thí nghiệm tối tân có rất nhiều dụng cụ, cần cả một nhóm nhà bác học, kĩ sư hợp tác với nhau (Mĩ phải dùng hàng ngàn bộ óc để chế tạo một hỏa tiễn lên cung trăng), cho nên tốn kém rất nhiều, không như thời Denis Papin hay ông bà Curie. Chỉ có Nga, Mĩ là có đủ phương tiện, Anh, Pháp, Đức cũng thiếu thốn, nói chi những nước như nước mình.

Vì vậy một sinh viên Việt Nam có bằng cấp kĩ-sư Vật-lí ở Pháp, trong dịp hè, về Sài Gòn thăm nhà, trước khi trở qua Pháp viết nốt luận-án tiến-sĩ, bảo tôi :

— Cháu phân vân quá, sang năm xong luận-án, không biết nên về hay ở lại Pháp làm việc. Cháu đã lựa ngành tìm tòi, nghiên cứu về Vật-lí, về đây thiếu phòng thí nghiệm, thiếu người hướng dẫn, thiếu bạn, thiếu sách, thiếu cả cái không khí thì làm gì được ? Đành phải dạy học, nghĩa là làm cái máy hát, năm

này qua năm khác cứ quay hoài một đĩa đó — tình trạng Đại-học Sài Gòn này như vậy — rồi làm công thêm cho một hãng ngoại quốc nào ư ? Cháu ghét những công việc đó lắm. Như cái máy, không có gì sáng tạo cả. Chỉ trong 5 năm trí óc sẽ cùn đi, lúc đó cháu mới ngoài 30 tuổi, cam tâm thành con người lạc hậu ư ? Mà ở lại Pháp thì còn cha mẹ già ở bên này, ai trông nom ?

Những thanh niên như vậy chỉ đòi hỏi một số lương đủ để sống một cách dễ chịu, chứ không ham đồng quan hay đồng đô-la. Họ cần trước hết những điều kiện để làm việc, để kiến thức cùng kinh nghiệm của họ được tăng tiến. Đã có vài tiến-sĩ khoa-học hăng hái về nước phục vụ, mà sau năm, sáu năm chán nản, muốn đi nữa, chỉ vì gia đình mà phải ở lại : nếu họ không hóa ra hư hỏng — nghĩa là ham danh vọng, tiền tài mà bán rẻ lương tâm — thì họ cũng mất hết nhiệt tâm mà « chữ nghĩa mớm dần cho trẻ hết ». Ở thời này, cứ mười năm, khoa học gần như đổi mới hết, họ không tiến thêm tức là thụt lùi, chẳng bao lâu sẽ thành con người bỏ đi.

Đừng nói các nhà khoa học muốn tìm tòi, phát minh, ngay các kĩ-sư giỏi hiện nay ở ngoại quốc về cũng không được dùng đúng khả năng của họ : đã có kĩ-sư mỏ làm ở sở Thủy-lợi, kĩ-sư canh nông làm ở sở Điện-địa, kĩ-sư công chánh làm ở hãng xi-măng...

Dù có đặt họ vào đúng chỗ, họ cũng không làm được gì : hoặc phải lo việc hành chánh nhiều quá, ít có cơ hội dùng khả năng chuyên môn ; hoặc phải

dạy những sinh viên mà sức học kém quá. Vả lại muốn làm việc cho đặc lực thì phải có chương trình rõ rệt, phải có người phụ-tá giỏi mà trong bảy, tám năm nay, chính phủ chẳng có một chương trình kiến thiết về kinh tế, về văn hóa gì cả, còn các công chức càng gần đây, tinh thần cùng khả năng càng sút ; chúng ta không thể trách họ được : họ đói, họ phải lái « xe lam » « xe ôm » để kiếm thêm tiền nuôi vợ con.

Lại thêm chính trị bấp bênh. Sau cuộc đảo chánh 1-11-1963, mấy nội-các thay phiên nhau nắm vận mệnh quốc gia, mỗi nội-các được dăm ba tháng, một năm. Mỗi lần đổi nội các là các cơ quan xáo trộn hết, các nhân viên chỉ huy thay đổi gần hết. Mấy năm nay tình trạng ổn định hơn một chút, nhưng còn chiến tranh thì sự bất ổn không thể nào tuyệt được : những miền ở xa thủ-đô bất kì lúc nào cũng vẫn còn có thể bị quấy rối ; nhất là cái việc quan trọng số 1, tức việc chấm dứt hay kéo dài chiến tranh không do chúng ta định đoạt mà do Mĩ, Nga, Trung - Cộng. Chúng ta luôn luôn phải ngó về Washington xem phong trào phản chiến của người Mĩ ra sao, phản ứng của chính quyền Mĩ ra sao, rồi ngó qua Moscou, qua Bắc-kinh xem họ có thái độ nào đối với Mĩ... Như vậy không làm sao thực hiện một chương trình dài hạn được ; đã có mấy chương trình kinh tế, giáo dục, thảo rồi lại phải bỏ.

Vì vậy các kĩ-thuật-gia Việt-Nam dù về nước mà khỏi phải ra mặt trận thì cũng không muốn về : họ nghĩ

rằng có về cũng chẳng giúp được gì nhiều cho nước, mà quả thực như vậy. Cho nên trách họ cũng oan cho họ. Nhất là chúng ta nên hiểu tâm-lí này của họ : ở ngoại quốc độ mười năm, một số gồm những người có nhiều khả năng về kĩ thuật, lấy cái tâm trạng của giới trung-lưu mới, mà Djilas trong cuốn *La nouvelle classe* (Calman Lévy 1970), gọi là « giai cấp tương lai » (*classe de l'avenir*). Giai cấp này do sự kĩ-nghệ-hóa phát sinh, gồm các nhà chuyên môn : kĩ sư, kĩ thuật gia, giáo sư, nghệ sĩ... không có chủ nghĩa gì cả, chống các ý-thức-hệ, không thích « làm chính trị », chỉ mong nâng cao mức sống, phát triển kĩ nghệ, được hưởng chế độ dân chủ, tự do, không ham giàu, nhưng cần một không khí kích thích sự làm việc, sự học hỏi : và có những trường tốt cho con cái học hành.

Một nhà chuyên môn Anh về điện tử đại ý bảo : Khoa học Anh, kĩ-nghệ Anh khó mà tiến bộ được, chỉ cần giữ được thực trạng là may. Trong mười năm nữa, Anh sẽ lạc hậu. Những nhà bác học, kĩ thuật gia Anh hiện nay dưới bốn chục tuổi, có con nhỏ, nếu sống ở Anh thì vài ba chục năm nữa, con họ không có tương lai gì cả. Cho nên dù riêng về phần tôi, tôi không có lí do gì để qua Mĩ, thì vì tương lai của các con tôi, tôi cũng phải qua Mĩ.

Tôi chắc rằng nhiều kĩ-thuật gia Việt-Nam ở ngoại quốc vào cái tuổi 30 — 40 cũng vì lí do đó mà không muốn hồi hương .

Giai cấp mới đó không thích làm chính trị, tinh thần quốc-gia khác chúng

ta xa, nếu không muốn nói là rất thấp. Họ cho những khẩu hiệu tả, hữu, cộng sản, tư bản chỉ là những danh từ gần mất hết thực chất, mất hết ý nghĩa; dù Đông hay Tây thì cũng phải trọng kĩ thuật và chỉ có kĩ thuật mới làm thay đổi xã hội, nhân loại được thôi: Đối với họ, sự tranh chấp nhau về ý thức hệ tới chém giết nhau là vô ý thức, là có tội lớn. Họ không đứng về phe này phe nọ, nhưng dĩ nhiên họ thích xã hội phương Tây hơn vì xã hội đó có tự do hơn.

Tôi biết một số thanh niên Việt-Nam ở Pháp vào hạng anh tuấn, có những

bằng cấp cao nhất của Pháp, được người Pháp coi là những kĩ thuật gia giỏi, tuy theo dõi tin tức chiến sự nước nhà, nhưng không muốn gia nhập đảng này, đảng khác; họ chỉ mong chiến tranh mau chấm dứt bằng cách này hay cách khác để họ về thăm nhà, và nếu quê hương biết trọng dụng thì họ sẽ phục vụ — đặc lực, tôi chắc vậy, miễn là họ có đủ phương tiện làm việc — bằng không thì họ lại ra đi, lại giúp việc cho nước ngoài.

(còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN-HIỂN-LÊ



Nói về nghệ thuật tạo hình

I.— KỸ THUẬT SƠN DẦU

Kỹ thuật, hai chữ đó nghe dân dị, song cũng thực cầu kỳ phức tạp. Bàn về kỹ thuật câu chuyện thật khô khan nhưng có Nghệ thuật nào tồn tại được không do kỹ thuật tạo nên ? Bởi vậy, khi nói đến kỹ thuật là nói đến vĩnh viễn, phương pháp diễn trình cùng phương tiện cần thiết cho sự xây dựng tác phẩm,

Trong sơn dầu, kỹ thuật quyết định phần lớn giá trị bức tranh. Các họa sĩ làm sơn dầu hay quên hoặc không để ý đến sự khác biệt và tính chất không bền bỉ của màu, nhất là phương pháp cần thiết để bảo tồn tác phẩm. Có rất nhiều cách làm việc, cũng như có lắm lối đi trên ngã, đường Hội họa. Theo kinh nghiệm người ta nên rút kinh nghiệm vết x lầy của kẻ đi trước để tránh sự sa hố và đề hiệu thêm lần nữa thế nào là kỹ thuật đặt màu ? Bức « Radeau de la Méduse » của họa sĩ Théodore Géricault (1791-1824) chỉ nhằm lẫn về kỹ thuật pha trộn màu sắc mà — (Có lẽ ngày nay, nếu họa sĩ đó sống lại được, đề nhìn nhận đau xót về tác phẩm của mình bị thời gian tiêu hủy) — một tác phẩm vĩ đại vẽ bằng máu và nước mắt với bao nhiêu công khó, hiện đã xuống màu. Toàn thể tác phẩm đó, chỉ còn lại màu xám và nâu chết.

Một họa sĩ không thể chỉ biết vẽ, phải biết cách pha trộn màu, phân

biệt được chất hóa học của từng màu và cách thức sửa soạn vải cùng vật liệu cần dùng để làm cho tác phẩm có đủ sức cầm cự với thời gian. Kỹ thuật Hội họa không phải chỉ có Bố cục, Hình họa, Màu sắc mà kỹ thuật là tất cả mọi phương tiện để hoàn thành tác phẩm. Nếu biết được như thế, chúng ta tránh được bao nhiêu phiền phức, tức giận, khi nhìn thấy tác phẩm của mình, sau ít lâu màu sắc đã giảm bớt sự chân thành lúc ban đầu mong ước. Tác phẩm là một trường cửu. Nó không thể thay đổi dễ dàng khi ta muốn. Khi đã trao vào quyền sở hữu của người có tiền và ưa thích, cũng như còn nằm trong xưởng vẽ, nó phải có bảo đảm về kỹ thuật chuyên môn. Nhiều người yêu Mỹ-thuật đã tỏ vẻ nghi ngờ và hối tiếc khi chót mua nhầm bức tranh không có bảo đảm về nguyên liệu, vì qua một thời gian, màu sắc bạc phếch, hoen ố, mặt vải nhăn nhoe lệch lạc.

Về khả năng diễn tả họa sĩ có thể

dựa vào thiên bẩm phần nào, nhưng kỹ thuật nhất định phải do kinh nghiệm cùng học hỏi tạo nên. Họa sĩ Greco chỉ dùng từ 4 đến 6 màu để vẽ. Nghiên màu (palette) của ông ta trông bình dị, khoáng đạt mà chứa đựng sức sống mãnh liệt của màu sắc — những màu tìm tòi chọn lọc. Do đó, không nên quan niệm phải dùng nhiều màu trong khi vẽ, trái lại phải nghĩ, nên dùng màu đúng chỗ. Một màu đặt xuống mặt vải, màu ấy đã được cân nhắc kỹ càng để đi sâu vào những màu bên cạnh. Hội họa không cho phép dùng màu « bần » (ton sale) vào tranh, mà là màu « trong » (ton fin) dù rằng ở tác phẩm diễn tả cảnh bùn lầy, nhầy nhụa, ngập rác rưởi — nhưng màu bùn lầy, rác rưởi đó không có nghĩa là « bần ». Người họa sĩ phải nói lên từng độ màu và nói bằng ý nghĩa sâu xa của phương pháp dùng màu. Họa sĩ Maurice Utrillo vẽ một cái ngõ hẻm của xóm Montparnasse, ở đấy, người ta nhìn thấy những cống rãnh ngập ống bơ sữa bò, bã cà-phê, bùn rác, tường vôi loang lổ, xiêu vẹo. Ánh đèn vàng vọt hắt sâu vào ngõ hun hút bần thiu đến ghê rợn. Mấy gã say bá vai nhau đi khật khuõng mồm ngậm tàu thuốc trông tối tệ, quần áo lôi thôi không hơn gì cái ngõ, mà vẫn đẹp, đẹp lắm, vì Utrillo đã dùng đúng độ màu « trong » để tả cái « bần » thấy bằng mắt. De Lacroix nói : « Hãy cho tôi vốc bùn, để mặc tôi lộ điếm theo ý muốn, tôi sẽ vẽ Vệ-

nữ Thần ». Do đấy, sự hợp tấu của màu bắt buộc phải cân nhắc. phải pha trộn đúng độ và căn bản nghề nghiệp phải nắm vững trong tay đề tung hoành trên mặt vải, khơi nguồn cái Đẹp của hồn mình.

Trong màu sắc, có nhiều màu tương tự mà sắc độ của nó không phân hơn kém nhau mấy, thí dụ như màu Rouge de Venise (1) và màu Rouge de Pouzzoles hoặc Laque de Grance foncée. Sự thực, cũng dễ nhận thấy về điếm này, vì khi các nhà hóa học tìm kiếm hóa chất để tạo ra màu cho họa sĩ dùng, họ không có định kiến gì về màu sắc cả, họ chỉ biết « Tim », phần quan trọng ở người dùng sự « Tim » đó. Khi dùng màu, họa sĩ nên hiểu đặc tính của từng màu, sự giúp ích của nó cho tác phẩm cùng động tác của thời gian. Màu Vert Véronèse là màu xanh được nhiều người ưa dùng. Nó tươi sáng, rực rỡ như ánh nắng mai trên ruộng lúa non, nhưng màu xanh trong vắt điếm ảo ấy đã làm cho nhiều họa sĩ phải thất vọng khi đem pha trộn với một màu nào khác, nó sẽ đen sẫm trong ít lâu. Màu xanh đó chỉ được dùng riêng biệt, không pha trộn. Màu Vermillon nếu đem trộn với Blanc d'Argent thời gian cũng làm cho biến chất, muốn không có phản ứng chỉ được pha với Blanc de Zinc. Tốt hơn hết, khi bắt buộc phải dùng đến màu đỏ nên thay vào bằng

(1) Tên màu đề nguyên bằng chữ Pháp cho dễ hiểu vì sự quen dùng trong nghề nghiệp, và còn là tên gọi chung của Thế giới Hội họa.

màu Rouge de Cadmium clair. Phần nhiều những màu vàng lấy ở chất cây ra đều không nên dùng vì sẽ bị phai nếu đem ra ánh sáng. Những màu vàng dùng tạm được như Jaune de Cadmium clair hoặc foncé và Jaune Indien, màu này hơi khó tìm, rất quý, dùng nó chỉ nên dùng một mình như màu Vert Véronèse. Riêng có màu Laque de Garance cũng chế tạo bằng chất cây nhưng dùng được, không nghi ngờ. Nó có thể pha trộn với bất cứ màu nào cũng tươi đẹp, giữ nguyên chất. Thứ màu này lâu khô nên dùng cẩn thận. Muốn có màu đen nhánh như nhung, không sợi mốc, người ta có thể pha trộn Bleu d'Outremer foncé với ít Terre de Seine brûlée. Trong các màu, màu đen là màu dễ bắt ẩm nhất, nó sẽ bị mốc trước tiên nếu gặp hơi nước và lan dần sang màu khác làm hỏng tranh rất dễ. Tác phẩm nào vẽ nhiều màu đen, phải treo ở chỗ thoáng gió, cao ráo và phải lau luôn bằng nước hành tây. Không nên vẽ màu đen đè lên màu vàng, lúc khô màu đen sẽ nứt rạn.

Hội họa chia ra nhiều môn phái và đường lối tạo tác khác nhau. Người ta có thể vẽ bằng bút lông, bằng dao, bằng bàn chải, bằng ngón tay nghĩa là người ta làm việc với tất cả khả năng để diễn tả rung động bằng màu qua tốc độ thần kinh. Nhưng, đứng trên nguyên tắc dùng màu, nhìn cách thức trình bày trên nghiên màu (palette) của một họa sĩ, người ta đoán được họa sĩ đó thuộc «hạng» nào cùng tâm hồn ra sao? Những bậc «thầy»

quen đặt trên nghiên màu năm bảy màu dần dị mà sự hợp tấu của những màu đó trở thành muôn vạn sắc quý giá tùy theo sự thay đổi do trạng thái tâm hồn. Nếu kỹ thuật Âm nhạc có hòa âm, tiết tấu và nhịp điệu, thì ở kỹ thuật Hội họa cũng bắt buộc phải có màu sắc, hình thể và cân đối. Một đàn là âm thanh phát ra tiếng động, một đàn là màu sắc rung lên sắc độ của suy nghĩ. Sở dĩ họ có thể trở thành bậc «thầy», vì không những bút pháp của họ riêng biệt, căn bản nghề nghiệp vững chắc, thêm vào đấy kinh nghiệm đã dẫn đường cho họ đi vào chiều hướng đặc thù của kỹ thuật Tạo Hình. Ở họ, mỗi người mang một sắc thái, một khuynh hướng không ai bắt chước được, vì họ vẽ do «cảm hứng thực» ở tâm khảm, cùng trí óc tinh vi phân chất màu đúng độ, ăn khớp vào nhau, đồng ca bản hợp tấu Sắc Màu trên khuôn vải. Họa sĩ Braque đã trộn cát vào sơn để đắp lên mặt vải trông sù sì như gai đá, gây cho người xem cảm giác nổi hình trong tranh. Phương pháp này không được hoan nghênh lắm vì khi sơn khô, có thể nứt ra rời khỏi mặt vải.

Một màu đứng riêng biệt không bao giờ đẹp cả. nếu ta thấy đẹp, chính vì sự hòa hợp xung quanh nó — và cũng nhờ ở cái xung quanh mà thị giác xoay tròn theo từng khoảng liên tiếp của bức tranh không muốn rời đi, đó là cái «đạt» của phương pháp diễn tả. Kỹ thuật sơn dầu không phải chỉ có thế, nó có nhiều

hình thức mà chính họa sĩ ít khi nghĩ tới, chẳng hạn như phương pháp chọn lọc khung, vải — sửa soạn một miếng vải thành một nguyên liệu cần thiết cho công việc đặt màu. Thời thượng cổ các họa sĩ chưa biết dùng bút, hoặc chưa làm được bút cùng vật liệu để vẽ. Họ khắc bằng dao trên mặt đá, ở những động thiên nhiên trong núi. Bắt đầu từ thế kỷ thứ 5 trở đi (1) người ta mới làm việc bằng bút lông đuôi ngựa và những màu bằng lá cây, vỏ cây để vẽ lên tường trong Thánh đường truyền bá đạo Cơ đốc và Gia tô bằng Hội họa. Thời kỳ ấy Hội họa chưa phổ biến đến nhân dân. Dần dần, theo với văn minh và luật tiến hóa, ảnh hưởng Hội họa với kỹ thuật của nó được các nhà quyền quý ưa chuộng rồi đưa nó vào địa vị xứng đáng. Nhưng, cũng từ đấy, tiếc thay Hội họa chỉ làm công việc chuyên vẽ chân dung đức Vua, cùng những vị đeo dây « mề đay » trên ngực áo. Theo cuộc Cách-mạng 1789, Hội họa Âu Châu bước vào thời kỳ cực thịnh. Các họa sĩ tân tiến quan niệm Hội họa không đóng khung trong mình bằng tốt nghiệp hoặc « giải thưởng La-mã ». Thời ấy, họ hay dùng vải to thô, nồi cát để vẽ, sơn pha thêm dầu đay, vẽ rất mỏng, còn nhìn thấy thớ vải nổi dưới mặt sơn, cho tới cuối thế-kỷ thứ 19, đầu thế-kỷ 20 họ lại ưa dùng vải nhẵn mặt, tới bây giờ họ lại thích vẽ trên gỗ hoặc bìa giấy ép (carton isorel). Họa sĩ Pablo Picasso ưa cái sơn dầu còn thích vẽ đồ gốm. Có lẽ nhà danh

họa, người con cưng của nghệ thuật Hội họa mới thấy chất sơn dầu không bền, có thể bị thời gian làm chết màu sắc tươi đẹp trong một ngày nào đó, xa hay gần — nên muốn gửi hồn mình vào chất men mong tồn tại mãi mãi, không thay đổi, mục nát, trừ gặp tai nạn.

Muốn có miếng vải tốt để vẽ, các bậc nhiều kinh nghiệm khuyên chúng ta nên tự sửa soạn lấy, không nên mua ở các hiệu bán sẵn, vì nhà buôn họ làm từng cuộn dài hàng trăm thước, để lâu vải bị hấp hơi, hơn nữa những chất họ phết lên mặt vải bằng nguyên liệu hóa học làm vải khô giòn dễ gãy khi căng lên khung gỗ. Chúng ta nên dùng vải dệt bằng sợi đay mịn mặt, căng bằng đinh đồng có tán, rồi quét lên mặt vải lớp còn da trâu, chờ khô lấy giấy nhám chà cho nhẵn mặt vải, xong phủ lên trên lớp còn một lượt sơn trắng mỏng trộn bằng dầu đay. Lớp còn da trâu (colle forte) là lớp ngăn cho dầu khỏi ngấm vào vải làm dễ gãy sau khi khô. Nhưng còn da trâu hay bắt ẩm, đem hơi nước vào vải làm tranh dễ mốc. Nếu không muốn dùng thứ còn đó, người ta thay bằng thứ còn chế theo phương pháp sau đây :

Nước	100 grammes
Caséine	20 —
Alcali	4 —
G'lycérine	10 — (1)

Cách pha trộn thứ còn đó : ngâm chất Caséine vào nước độ 15 phút

(1) Những thứ này mua ở hiệu Bào-chế.

trước, rồi đổ dần dần Alkali vào, quấy đều với chiếc bay con bằng gỗ (không được dùng bay bằng sắt) tiếp theo ngay là Glycérine. Người ta phải dùng trong 24 giờ, nếu để lâu hơn, nó không còn tốt nữa. Chờ khô, cũng phải phết lên trên một lớp sơn trắng trộn bằng dầu đay và miết bằng dao (couteau à palette) cho sơn dàn đều trên mặt vải lấp đầy những lỗ vải. Thế là đã có một khung vải với sự bảo đảm khi đặt màu.

Nghệ thuật sơn dầu, Nghệ thuật lâu đời và thuần túy của Hội họa Âu-châu. Các họa sĩ phải dám làm và tận tâm tìm kiếm để hiểu thấu sự vật cùng cái Đẹp của sơn đã qua con mắt Đông - phương. Thời xưa, người họa sĩ phải tự làm lấy đồ dùng, tự pha chế thuốc màu, nhất nhất cái gì cũng do tay làm ra. Ngày nay, trong khung cảnh khác, xã hội được tổ chức chu đáo, tất cả mọi ngành hoạt động trên thế giới đều phát huy theo con đường chuyên nghiệp. Chúng ta, đã có người làm hộ bút, pha chế hộ màu, mọi đồ dùng thuộc về Hội họa đều có đủ mỗi khi cần đến, nhưng, đồ dùng chỉ là phương tiện mà biết sử dụng đồ dùng đó mới thật là cứu cánh của Nghệ-thuật.

Theo với tiến hóa và cũng để phù hợp với chiều hướng sáng tạo của nền Hội họa mới, hiện nay, các nhà chuyên môn cung cấp chất liệu cho họa sĩ, đã sáng chế ra nhiều phương tiện thích hợp hơn, nhằm giúp các nghệ sĩ dễ dàng trong việc sáng tạo.

Ở bên Nhật, ngoài các khung vải bán sẵn, họ vẽ lên miếng tôn đặc biệt có thớ, hết thớ vải, rất nhẹ, và cứng không sợ thời gian làm mục nát.

Ở Mỹ họ chế ra thuốc vẽ mới, loại Thủy thái họa (aquarelle nhưng có đặc tính như sơn dầu, khi khô, ngâm nước không phai, gọi tên là Liquitex (Acrylic Paint System).

Có nhiều họa sĩ không dùng sơn đặc pha chế riêng cho ngành Hội-họa mà lại dùng sơn xe hơi để vẽ, như danh họa Pollock (đã mất) của Mỹ. Nói tóm lại, kỹ thuật sơn dầu thay đổi và biến chất qua nhiều tìm tòi và phát huy theo khả năng của mỗi họa sĩ cũng như sự tìm kiếm của các chuyên viên hóa học đã làm cho phương pháp cổ điển lui dần vào dĩ vãng, nhưng người sành thưởng ngoạn Mỹ-thuật vẫn ưa chuộng những tác phẩm được thực hiện bằng phương pháp xưa, dù họa phẩm đó thuộc trường phái nào.

Kỹ thuật sơn dầu còn nhiều phiền phức khác—ở đây, chúng tôi chỉ nêu lên và dám nói đến vài điểm, cũng là điểm then chốt để bảo vệ tác phẩm được trường cửu.

(còn tiếp 1 kỳ)

TẠ TỶ

Kỳ tới : Kỹ thuật sơn mài



THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói: 25 861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

Chơi câu đối tết

Đối với người Việt - Nam Tết ngoài ý nghĩa về tôn giáo, ngoài ý nghĩa mọi vật đối mới từ tinh thần đến vật chất, còn là một dịp để người ta nghỉ ngơi và giải trí. Trong các thú giải trí có thú chơi câu đối.

Những người hay chữ, nhân khi Tết đến Xuân về thường nghĩ một vài đôi câu đối, viết vào giấy dán lên cột để thưởng xuân ; những người không biết chữ cũng không bỏ qua thú chơi câu đối ngày Tết. Không nghĩ được câu đối, không viết được câu đối, họ đành nhờ người nghĩ hộ viết hộ, và tiện hơn nữa họ kiếm mua mấy đôi câu đối viết sẵn bán sẵn mang về dán trong nhà, dán ngoài hiên và dán cả ngoài ngõ. Câu đối đỏ đã là một trong những đặc điểm của ngày Tết Việt Nam ; cũng như bánh chưng xanh, như tràng pháo nổ, như ngọn nêu cao :

*Nêu cao, pháo nổ, bánh chưng xanh,
Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ.*

Chính vì những người chơi câu đối Tết, mà mỗi độ xuân sắp về tại các lễ đường tỉnh, tại các chợ quê lại có các ông đồ bày hàng bán chữ, viết những đôi câu đối, có khi viết sẵn theo trong sách, có khi viết theo khách hàng đọc ra.

Câu đối viết trên giấy hồng điều, chữ mực tàu đen nhánh hoặc chữ kim vàng óng ánh. Cũng có khi câu đối được viết trên giấy đỏ có dát vàng lốm đốm.

Ngày Tết, thiếu câu đối chưa là đủ Tết. Trong nhà dù trang hoàng thế nào, thiếu những đôi câu đối đỏ, Tết vẫn phảng phất thiếu một cái gì.

Chơi câu đối, người ta chọn từng đôi cho hợp với cảnh, bởi vậy, nhiều người tự nghĩ lấy câu đối, viết lấy hoặc thuê các ông đồ viết giúp.

Câu đối cũng như tranh Tết, người ta dán từ ngoài cổng vào đến trong nhà.

Ngoài cổng ngõ, câu đối được dán hai bên trụ cổng.

*Môn đa khách đáo thiên tài đáo.
Gia hữu nhân lai vạn vật lai.*

Lược dịch :

*Cửa nhiều khách đến nhiều tiền đến,
Nhà có người vào lắm vật vào.*

Đôi câu đối trên thường được dán ở nơi cổng ngõ và nói lên lòng hiếu khách của người dân Việt-Nam. Người ta mong có khách để được tiếp đãi, không phải vì khách sẽ mang tài lợi lại, nhưng khách tới trong nhà sẽ có vẻ tấp nập và sự vui mừng, đó là biểu-hiệu của sự thịnh-vượng.

Bước qua khỏi cổng, vào tới trong sân, đến trước hiên nhà. Nơi đây có hòn non bộ, có vườn hoa cây cảnh, hoặc không có gì nữa thì ở ngay hai bên cột hai hàng hiên cũng có dán một đôi câu đối :

*Sơn-thủy thanh-cao xuân bất tận,
Thần-tiên lạc-thú cảnh trường sinh.*

Lược dịch :

*Phong cảnh thanh cao xuân mãi mãi,
Thần tiên vui thú cảnh đời đời.*

Đôi câu đối nói lên về thanh-nhàn của chủ-nhân, nhưng thực ra có khi chủ nhân vẫn quanh năm đầu tắt mặt tối. Chủ nhân chơi đôi câu đối này chỉ vì sự cảm-thông với đất trời khi xuân trở lại, vì xuân năm nay đi, sang năm lại còn xuân khác, và xuân còn đến, tại sao chủ nhân không hưởng cái lạc-thú trường-sinh của đất trời.

Rồi vào đến trong nhà, dịp Tết, nhà nào ít nhất cũng có đôi ba đôi câu đối, hoặc viết trên giấy đỏ, hoặc viết trên những đôi liễn giấy bồi có vẽ hoa cỏ hoặc chim phụng chim loan.

*Thiên tăng tuế-nguyệt, niên tăng thọ
Xuân mãn càn-khôn, phúc mãn đường.*

Lược dịch :

*Trời thêm năm tháng, tuổi thêm thọ.
Xuân khắp đất trời, phúc khắp nhà.*

Ý-nghĩa đôi câu đối trên thật giản dị và hợp với tâm hồn chất phác của dân.

Và đôi câu đối sau đây, ta thường thấy ở nhiều gia-đình :

*Tổ công tôn đức thiên niên thịnh,
Tử hiếu tôn hiền vạn đại xương.*

Lược dịch :

*Công đức tổ tôn nghìn năm thịnh,
Hiếu hiền con cháu vạn đời xang.*

Vì xuân đến cùng với Tết, nên nhiều đôi câu đối nhắc đến xuân.

*Xuân như cầm-tú, nhân như ngọc
Khách mãn gia-đình, tửu mãn tôn.*

Lược dịch :

*Xuân như cầm tú, người như ngọc,
Khách chật trong nhà, rượu hết chung.*

Có khi nhắc đến xuân lại là một câu đối nôm :

*Ngoài cửa mừng xuân nghênh Ngũ-
Phúc.*

Trong nhà chúc Tết hưởng Tam-Đa.

Cũng có đôi câu đối, tuy nhắc đến xuân, nhưng vẫn nói tới phúc lộc và lễ-nghĩa là những điều cần trọng trong nền luân-lý Á-đông, mà dân - tộc Việt-Nam luôn-luôn gìn-giữ :

*Phúc sinh lễ-nghĩa, gia-đường thịnh,
Lộc tiến vinh-hoa, phú-quý xuân.*

Lược dịch :

*Phúc đem lễ-nghĩa cho nhà thịnh,
Lộc nảy vinh hoa, phú quý xuân.*

Xuân đến người dân quê cầu một mùa xuân như ý, cũng như hàng ngày người ta mong mỗi sự bình an. Một đôi câu đối có thể nói lên sự cầu mong này :

*Niên niên như-ý xuân,
Tuế tuế bình-an nhật.*

Lược dịch :

*Năm năm xuân như ý,
Tuổi tuổi ngày bình-an.*

Lại cũng có đôi câu đối có giọng tăng bốc chủ nhân và khen chủ nhân

chỉ có những khách tài ba tới
mừng xuân :

*Nhập môn tân thị kinh-luân-khách,
Mãn tọa dai đồng cầm-tú nhân*

Lược dịch :

*Vào cửa toàn khách kinh luân
Ngồi chơi toàn người cầm tú.*

Chơi xuân, tiếp khách, nhưng
người dân Việt Nam bao giờ cũng
nhớ đến trên tồ, lo điều nhân-đức,
cũng như nghĩ đến cháu con, làm
điều tốt-đẹp. Bác cụ xưa sợ con cháu
quên những diêm này, nên có đề lại
đôi câu sau đây ta thường bắt gặp
tại những gia-đình đạo-đức : miền quê,

*Niệm tiên-tồ, duật tu quyết đức,
Khải hậu-nhân, trường phát kỳ tường*

Lược dịch :

*Nhớ tiên-tồ, đẹp điều nhân-đức,
Tin cháu con, bền sự lạ hay*

Cùng với ý-nghĩa trên liên quan tới
việc lo điều nhân đức, nhiều nhà treo
những đôi câu đối sau :

*Thảo ốc an-cư, tích kim-quang đắc đức,
Bổ y tùy-phận, cầu phúc-đức lai tài.*

Lược dịch :

*Nhà cỏ ở yên, tích kim quang, được đức.
Áo vải an thân, cầu phúc đức, đến tài*

Với đôi câu đối trên ta thấy dân
ta luôn luôn chú trọng tới phúc-
đức. ở nhà cỏ, mặc áo vải, muốn có
tài phải cầu phúc đức.

*Thiên-địa vô-tư, tích thiện tự nhiên
thiện.*

*Thánh-hiền hữu giáo, tu thân khả dĩ
vinh*

Lược-dịch :

*Trời đất vô tư, làm điều thiện tự-nhiên
được thiện
Thánh hiền có dạy, lo tu thân có thể
được vinh*

Cầu phúc-đức phải lo làm điều
thiện, và làm điều thiện lại gặp đều
thiện, cũng như muốn được vinh-hiền
thì phải tu thân. Người dân quê Việt-
Nam, trong khuôn-khò đạo đức luôn-
luôn lo tu thân tích-thiện.

Treo đôi câu đối trên trong nhà,
cha mẹ muốn răn dạy con làm điều
lành và cần phải sửa mình luôn luôn.

Và những người biết tích-thiện tu
thân tự nhiên sẽ gặp những điều tốt
đẹp. Với năm mới sẽ được hưởng
sự bình an hạnh-phúc với ngày
xuân, điều vinh-hoa phú quý sẽ lại.
Những điều may-mắn trên, bình-an
và phú-quý ai không mong-mỏi, và
cầu-chúc cho nhau. Bởi vậy, tại nhiều
nhà thường treo đôi câu đối.

*Tân-niên hạnh-phúc bình-an tiến,
Xuân-nhật vinh-hoa phú quý lại.*

Lược-dịch :

*Năm mới, hạnh-phúc bình-an đến
Ngày xuân, vinh hoa phú-quý về*

Người dân quê cho rằng nếu họ
được hạnh-phúc bình an và vinh-hoa
phú quý đó là do Trời Đất thương
mà ban cho. Người ta không quên
Trời Đất, và dưới đây là một đôi
câu đối nhắc đến sự rộng lượng của
Đất, Trời :

*Địa sinh tài, thế-nghiệp quang-huy
Thiên tứ phúc, gia thanh hiền-thái*

Lược-dịch :

*Đất sinh tài, nghiệp đời sản lộc,
Trời ban phúc, nhà tiếng tốt tươi.*

Khi đã được Đất, Trời ban tài cho phúc, sự phú quý vinh hoa sẽ gia tăng với phúc đức :

*Phúc mãn đường, niên tăng phú quý
Đức lưu quang, nhật tiến vinh-hoa*

Lược-dịch :

*Phúc đầy nhà, năm thêm giàu có,
Đức ngập tràn, ngày một vinh-hoa.*

Ngoài những đôi câu đối nhắc nhở đến đạo-đức như trên, có những đôi câu đối đề cập tới những cảnh trước nhà với những cây mai cây trúc báo điềm tài lợi lộc-quyền là điều người ta hằng chờ đợi :

*Trúc bảo bình an, tài-lợi tiến,
Mai khai phú quý, lộc-quyền lai.*

Lược dịch :

*Trúc giữ bình-yên, thêm tài-lợi,
Mai khai phú-quý, lại lộc quyền.*

Trúc với mai là hai cây cảnh thường được trồng trước cửa nhà. Với xuân sang lá trúc xanh tươi, hoa mai trắng toát điểm trang cho vườn cảnh trước nhà, và với lá trúc xanh, hoa mai nở, người dân Việt Nam tin rằng năm mới sẽ thêm tài lợi và lộc quyền.

Đại để, những câu đối xuân thường luôn luôn mang ý nghĩa tốt đẹp, và đôi khi nhắc nhở con người ta đến điều đạo-đức. Trên đây chỉ là một số những đôi câu đối được đan cử trong hàng trăm nghìn

đôi câu đối cổ khác.

Ngoài ra, đôi khi vào một gia đình mà tổ-tiên trước đây đã có một sự-nghiệp, ta có thể được đọc một đôi câu đối trong đó con cháu đã khéo léo ghi lại sự nghiệp của ông cha và tỏ ý muốn noi theo nghiệp nhà :

*Tiên-tổ phượng danh lưu quốc-sử
Tử-tôn tích học hiền gia-phong.*

Lược dịch :

*Tiên tổ danh thơm ghi sử nước,
Cháu con tích học nối cơ nhà.*

Câu đối thường treo ở hai bên bàn thờ gia-tiên nhưng nếu trong nhà có thờ Phật, thờ Thần, mỗi bàn thờ đều có đôi câu đối riêng : Dưới đây là một đôi câu đối treo hai bên bàn thờ Phật.

*Liên-tọa đài tiền hoa hữu thực
Bồ-đề thụ thượng quả thanh nhàn.*

Lược-dịch :

*Tọa sen đài trước hoa đầy đủ
Cồ thụ bồ đề quả thanh nhàn*

Và sau đây là đôi câu treo bàn thờ Thờ công :

*Thờ năng sinh bạch ngọc
Địa khả xuất hoàng kim*

Lược-dịch :

*Đất hay sinh ngọc trắng,
Đất khả có vàng ròng*

Với đôi câu đối này, người ta có ý mong Thờ công, Thờ-địa sẽ phù trợ cho gia đình đắc tài sai lộc.

Trên đây phần nhiều tôi mới nhắc tới những đôi câu đối chữ Hán. Dưới đây là mấy đôi câu đối nôm

xin nhắc lại đề bạn đọc cùng biết.

Câu đối con cháu thờ ông bà cha mẹ :

*Ơn cao quá núi đôi ngàn trượng,
Nghĩa nặng hơn sông mấy vạn lần.*

hoặc :

*Lễ sớm hương hôm lòng hiếu kính
Non cao biển rộng đức sinh thành.*

Câu đối thờ cha mẹ :

*Hiếu đạo chưa đền ơn các đức
Khuất còn thêm tội phận làm con.
Câu đối vợ chồng thờ lẫn nhau:
Âm dương chia cách đàn ông đôi ngã,
Nặng nợ tào khang một tấm lòng.*

Chồng thờ vợ

Trăm năm ân ái nay ly-biệt

Hôm sớm vào ra bắt bóng hồng

oOo

Câu đối đỏ tăng vẻ tung bừng cho ngày Tết và đem màu sắc lạn trong nhà trước cảnh Xuân. Người dân quê đón Tết với hương-hoa, bánh trái nhưng không bao giờ họ quên câu đối đỏ.

Nhưng ngày Tết, cũng có nhà khi bước chân vào, trước đây ta không thấy câu đối đỏ, mà chỉ toàn câu đối trắng viết chữ đen. Đây là những gia đình mới có tang! Tết vui của thiên hạ, nhưng càng tăng sự đau đớn cho những ai mới mất người thân. Nếu màu đỏ tăng sự vui vẻ thì màu trắng trong trường hợp này đã an ủi lòng người nhớ thương.

TOAN ÁNH

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

BNP

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Quang Trung

trên sân khấu V.N?

hay vấn đề Ngụy, Tà trong tuồng thời Gia Long, Minh Mạng (1)

Nhân vật tuồng thời Gia Long, Minh Mạng có hai loại, chia ra hai phe Chính và Tà (2) nhưng hơn bất kỳ hồi nào, nó không hề đặt nhẹ, coi thường đối phương. Đó là một đặc điểm khiến nó cao hơn các vở tuồng sau này. Trong các hồi Tam quốc chẳng hạn, Tào Tháo tuy là đại chính trị gia, nhưng muốn đề cao quá mức Quan Công người ta đã phải biến Tào thành tên hề lỗ bịch. Hoặc nếu Quan Công có những kẻ đối thủ tài năng phi thường thì cũng không ai có bản lĩnh đặc biệt như kẻ Tà Ngụy trong Sơn Hạo. Muốn rõ điều này, phải xem tuồng bản và xem cả sự xuất hiện của Tà Ôn Đình trên sân khấu! Ôn Đình là em Tà Thiên Lăng, tức em kẻ cướp ngôi. Vậy mà suốt bản văn, không một chỗ nào cho ta thấy ông hờ hững, non kém, hấp tấp, buồn cười. Trái lại, bất kỳ nơi nào ông xuất hiện là cũng xuất hiện luôn thần sắc, hào quang của đúng một đại anh hùng. Cho đến nỗi có lần tôi hỏi một diễn viên được xem như số một tại tỉnh nhà: "Ông thấy đóng Tà Ôn Đình có khác gì đóng Quan Công không?" — Ta nên nhớ đóng Quan Công, nghệ sĩ phải có một thái độ, một tư thế vô cùng nhọc nhằn.

Chẳng hạn mặt phải nhìn thẳng, mắt phải trực thị, càng không nháy càng tốt (suốt mấy giờ) bộ điệu luôn luôn chừng chặc oai nghiêm, nghĩa là phải giống hệt bức tượng Quan Công trong đền thờ — ông ta đáp là ông thấy không thiếu điểm nào cả! Nghĩa là phải hoàn toàn giống hệt nhân vật đã được tuyệt đối thần thánh hóa mà đến nhà vua cũng phải cung kính và nghệ-sĩ trước khi đóng có người tắm rửa, không dám ăn nằm với vợ, không uống rượu, ăn thịt chó, không nói nhảm, đề tập trung tư-tưởng, tình cảm và trước khi ra sân khấu, thôi thì cúng lạy van vái liên miên vì sợ Thánh vật chết tươi. Ấy thế mà ông Nguyễn văn Quý còn cho rằng: trên sân khấu cổ truyền, vai Ôn Đình khó hơn hết vừa dữ vừa oai, vừa nghiêm. Dữ như Võ văn Thành Đô trong Tùy Đường, oai nghiêm như Quan hầu trong Tam Quốc. Không

(1) Xin xem thêm của Nguyễn văn Xuân ở Tân Văn số: Thế kỷ XIX, Thế kỷ Văn học trình diễn và Sử Địa số Nam Tiến.

(2) Nhiều người hề nói tới hát bội là nói Trung với Nịnh. Sự thật, suốt thời kỳ này chưa thấy Trung Nịnh mà chỉ thấy Trung chính và Tà ngụy như phản ảnh của thời đại.

Vài nét về Sơn Hậu, vở tuồng lừng lẫy gần hai thế-kỷ trên sân khấu V.N.

Hồi I :

Nước Tề có trung thần Phàn Định Công, Triệu Khắc Thường, Đồng Kim Lân, Khương Linh Tá, Lệ Tử Trình hết lòng giúp vua. Phàn Định Công đem con gái yêu gả cho vua (Bà thứ Phàn Phụng Cơ) để vua có con giữ cơ nghiệp. Rồi vua băng, bọn Ngụy Tà Tà Thiên Lãng cùng các em Tà Ôn Đình, Tà Lôi Nhược đứng lên cướp ngôi. Trong gia đình Tà, Chánh cung Tà Ngọc Dung theo các em, trái lại bà Tam cung Tà Nguyệt Kiều (hay Hạo) có Phật tính, chống lại, hết lòng giúp Tề phản Tà. Rồi Phàn Định Công đã đi trấn thủ Sơn Hậu thành, nên hàng ngũ ngụy tà thành công. Bọn trung thần bị giết chết, phần giả qui hàng chờ cơ cử sự.

Hồi II :

Tà Thiên Lãng lên ngôi, sai bắt giam thứ hậu (con Phàn Định Công) rồi sai sứ ra chiêu dụ họ Phàn. Phàn Công chém sứ lấy huyết để cờ, cử binh về đánh Tà. Nửa đường, ba lần thò huyết chết nên con là Phàn Diệm phải tạm lui binh. Tà Thiên Lãng muốn giết Thứ hậu, nhưng nhờ bà Nguyệt (Nguyệt Kiều) cứu. Rồi sau nhờ các trung thần Khương Linh Tá, Đồng Kim Lân giúp hai mẹ con (lúc ấy bà Thứ đã sinh nở xong) bốn ba trốn về Sơn Hậu. Binh Tà Ôn Đình rượt theo

phải nóng nảy như Trương Phi hay vụt chạc như Hạng Võ (Đồng Nai 13).

Vai Tà Ôn Đình trong tuồng bản và trên sân khấu là một sản phẩm độc đáo và tuyệt hảo của ngành hát bộ đầu thế kỷ XIX và chắc tác giả cùng đạo diễn đã có liên lạc chặt chẽ với nhau để có thể sáng tác và tạo nên vai tuồng gần như vô song trong tuồng bản và sân khấu Việt.

Tôi trình bày dài giòng Tà Ôn Đình không phải không có mục đích biện minh cho điểm nêu trên kia: Vở tuồng này có thể chỉ xảy ra vào thời Gia-Long, Minh Mạng vì cái vai trò kỳ dị phi thường như Ôn Đình khó có thể không do một hình ảnh vĩ đại của chính thời đại ấy tạo nên! Tác-giả Việt-Nam không có đủ óc tưởng tượng vượt khuôn khổ văn học Trung hoa để tạo một nhân vật cỡ ấy nếu không có hình ảnh vĩ đại kia đã từng nổi lên như một bó đuốc giữa đêm tăm tối, làm tăm tối bao nhiêu bộ mặt trung nịnh khác. Sự thật là thế! Hình ảnh đó có thể rút từ Quang Trung, kẻ đối thủ đáng sợ, đã làm ngửa nghiêng triều Nguyễn, triều Lê, làm khiếp đảm quân Thanh, quân Xiêm, rung động một trời Đông Nam Á. Nhưng có những điểm nào để dám gợi ý tưởng so sánh kia, Tà Ôn Đình là con thứ tư của giòng họ Tà cho nên gọi là «Yên» Năm, em các bà Chánh hậu Tà Ngọc Dung, bà Tam cung Tà Nguyệt Kiều (Hạo) (1) và Thừa tướng Thiên Lãng. Sau Ôn Đình còn một đoàn những Lôi Nhược, Lôi Phong,

(1) Cũng gọi bà Nguyệt

Lôi Văn.. Gia đình ấy đông như thế, nhưng ngoại trừ 2 người đàn bà được đưa vào tường cốt để làm nổi bật một tình cảnh éo le: chị thì mong cướp ngôi cho Tà, em thì chống Tà, luôn luôn tìm cách cứu lại giang sơn cho Tề; còn các vai kia, chỉ có ba người được khán giả biết tới: Tà Thiên Lăng, Tà Ôn Đình, Tà Lôi Nhược.

Nhưng Tà Thiên Lăng đâu dám cướp ngôi nếu không có Đình. Chỉ vì có Đình nên Thiên Lăng mới liều lĩnh thực hành công việc mà y rất ham muốn, song không đủ khả năng. Còn Đình tuy có tất cả ba em, nhưng tất cả khán giả, gần như chả ai biết Phương và Văn. Có khi có những lớp ban hát giảm luôn cả các vai kia đi vì thừa Riêng người ta biết có Lôi Nhược vì vai này thường cặp kè với Đình, hơi khiếm nhược (như tên) nhẹ dạ và thường bị các diễn viên biến thành hề, nhiều khi hơi quá đáng. Rốt cuộc chúng ta chỉ còn ông vua Thiên Lăng ít mưu trí, tiên phong Nhược thiếu thao lược, cùng Tà Ôn Đình với "Tài hay quá hải đoạn kinh. Sức biết ven mây xa nhận", có đủ mưu cao, chí lớn, quyết đoán can cường, trí xảo đến nỗi những tướng tá của Tề, kẻ chức Long Xa, người chức Ngự Mã, uy phong dũng lược mà Đình đánh tan như "xua kiến đuổi ruồi". Cơ nghiệp nhà Tề mà không còn 2 tướng ấy thì chỉ trông vào Phan Định Công. Nhưng Công đã học máu chết khi ruồi dong trên đường về Phạt Tà⁽¹⁾ Nhưng may sao "Định Công

rất gấp. Khương Linh Tá phải chận đánh và hy sinh. Nhưng chết rồi, kẻ trung thần vẫn xách đầu chạy theo giúp Chúa và chính nhờ hồn chàng giúp đỡ qua đèo núi hiểm trở canh khuya nên Kim Lân mới đưa được Hoàng tử về Sơn Hậu thành, cùng cậu (Phan Diệm) sau khi lạc mẹ giữa đường.

Hồi III :

Bà Nguyệt xuống tóc xuất gia, nhờ cọt linh đưa về Tây Sơn tự. Nơi đó bà gặp được Thử phi đang bị ác tăng làm nhục. Về sau, Phan Diệm và Đồng Kim Lân cứu được hai người. Bà Nguyệt ở lại tu, bà Thử về cùng con. Sau đó Diệm phát binh phạt Tà. Nhiều cuộc chinh chiến xảy ra, Tà Ôn Đình đánh bại Kim Lân nhưng rồi bị Diệm đâm trúng vai, phải rút lui. Đình biến Kế, sai đi bắt mẹ Kim Lân về hành hạ, buộc Lân phải đầu hàng. Lân suýt đầu hàng, nhưng nhờ mưu Diệm và bà Nguyệt (với sự ưng thuận của bà) đòi bà cho mẹ Kim Lân (Đồng mẫu). Chinh chiến lại nổi lên. Kim Lân giết Lôi Nhược. Còn Ôn Đình bị hồn Linh Tá chém treo đầu nơi cây.

Hoàng tử hồi cung và nhà Tề lại hưng thịnh.

(1) Tuy tác giả không nói ra, song ta hiểu là bố trí đoạn này rất tài tình. Nhờ đó mà ta được lòng tận trung Cẩn tể của Phan Định Công và cũng nhờ tình tiết ấy mà bà thử Phan Phụng Cơ cùng Hoàng tử khỏi bị giết trong lãnh cung để trừ hậu loạn nếu Công sống về cướp lại chính quyền.

có một người con trai: Phàn Diệm! Diệm với chí lớn tài cao do cha để lại, đã đủ sức đâm một thương trúng vai, khiến Đình phải lui quân. Nhưng không biết có phải ngọn bút của kịch tác gia phan phước, hay chính ông không chống nổi với ám ảnh của hình ảnh vĩ đại của người bị gọi *Tà* khuấy động đất trời kia mà ảnh hưởng sự thắng bại lại thường đi ngược. Phàn Diệm là cậu bé lẳng xẵng, đánh hay, đâm giỏi, nhưng chẳng mấy khán giả đề ý nhắc nhở, mà người ta chỉ đề ý đến Tạ Ôn Đình. Đạo diễn cũng chỉ đề hết thiên tài vào việc trình diễn Ôn Đình nên dù khi chiến đấu, dù khi lừa Phàn Diệm sa vào thế Hồi mã thương và đặc-biệt khi bị thương, khán giả chỉ chú ý theo dõi Đình. Chỗ này, đạo diễn đã dàn ra một cử chỉ tuyệt hảo: khi bị thương, Đình không chút xao xuyến lạnh lẽo tuyệt vời lấy hia đá hắt giáp lên che ngay chỗ vết thương. Cái đá giáp tài tình này có lẽ đã đi vào thành-ngữ hát bộ, cho đến nỗi môn hát này đã trở thành một nghề mang một cái tên khác là «phun râu đá giáp» chẳng? Và tôi hỏi nhiều người thì ai cũng cho nó là cử chỉ độc đáo dành cho Đình (1) và do đó đóng vai Đình cũng rắc rối hơn lên. Mà rồi cuối cùng Phàn Diệm cũng không giết nổi viên tướng cao cường mưu lược, tài trí đó. Không ai trên thế gian này có đủ tài sức giết Ôn Đình. Phải một người trong thế giới bên kia, thế giới của thần linh hay của tượng tượng: Khương Linh Tá! Anh *kép* xéo xấu xí, với lòng trung vô hạn độ, khi bị Đình chém đã tự *xách*

đầu chạy theo phò Kim Lân và hoàng tử qua đèo tìm về Sơn Hậu, đã hoạt động trong cõi vô hình để đuổi Đình. Bây giờ cũng trong cõi vô hình anh đã chém người hữu hình và chỉ kẻ kia mới chém nổi người này thôi! Thế thì *thần-linh-hóa* Khương Linh Tá đâu phải chỉ vì Tá mà chính vì tính cách vô địch của Tạ Ôn Đình!

Vậy Đình giống Quang Trung điểm nào? Ta không biết Quang Trung có các chị không mà có lẽ hai vai chị này đưa vào tuồng chỉ cốt để dựng những tình tiết éo le hợp thời thượng, được khán giả tán thưởng và ta có thể kiểm soát dễ dàng trong hai tuồng sau: Ở Sơn hậu thì chị là Ngọc Dung *Tà* em là Nguyệt Kiều hay Nguyệt Hạo *Chính*; ở Tam Nữ (2) thì Tạ Ngọc Lân *trung* mà con là Tạ Kim Hùng *phản*; ở Dương Chấn Tử thì cha là Tạ Hồ Sur *phản* mà con gái là Mai Hương (vợ Triệu Luông) và Thiên Hương vợ Bạc Hồ (Nịnh) lại *trung*... tình tiết của thời này còn xây dựng nhiều trên cái tương phản như thế giữa anh em cha con, vợ chồng và về sau nó đã thành cớ lỗi, không mấy ai dựng tuồng mà đặt cơ sở trên loại mâu thuẫn ấy. Nhưng chính những tình tiết đó

(1) Tôi dò các bài của ông Nguyễn văn Quí về Tạ Ôn Đình, nhưng không thấy ông nhắc đến đá giáp lưng danh này. Cũng nên nhắc là muốn đá diễn viên phải mang một cái giáp phía dưới khá nặng để khi đá, giáp sẽ bay ngược lên.

(2) Tam Nữ đồ vương hay Khuê các anh hùng truyện.

của các loại tuồng cổ kia luôn luôn hấp dẫn và làm say mê khán giả. Vậy tạm gác bỏ hai vai thời thượng Tạ Ngọc Duy và Nguyệt Hạo ra, ta còn lại ba người : Thiên Lăng, Ôn Đình và Lôi Nhược. Thiên Lăng kiêu căng là hình ảnh của Nguyễn Nhạc, không có bao tài năng chỉ tiếm ngôi nhờ công các em. Lôi Nhược là hình ảnh của Nguyễn Lữ, tầm thường, vô mưu. Nhưng Ôn Đình, vị chiến tướng làm chói sáng sân khấu kia phải chăng chính là Nguyễn Huệ ? Nguyễn Huệ đã đánh bay các lực lượng của chúa Nguyễn chạy như gió bão ?

Sau đây ta thử xem qua Đình có đáng mặt là đại tướng cương nghị và mưu trí không. Đó là lúc Khương Linh Tá đã bí mật ủng hộ Kim Lân phò Thứ phi Phàn Phụng Cơ trốn về Sơn Hậu. Tá đề Lân đi trước, còn mình theo chặn đoạn hậu. Quân Đình, Nhược, Phương, đuổi theo gặp Tá, Tá tìm cách lừa phỉnh. Ở địa vị đại tướng thân tín như Tá, sự lừa phỉnh đó dễ thành công với Tiên phong Nhược, nhưng không với Tổng tư lệnh Đình :

TÁ : Thừa chào tam vị

ĐÌNH : Nhược, hỏi nhà Tá, cử binh mã đi mô ?

TÁ : Tá vưng tân chánh lệnh truyền, ăn tiên phong về Tá.

Tá xin đoạt lộ gắng sức xu bù

Chém Kim Lân lấy quách đem về,

Tru Phàn Thị, hồi dâng công bộ.

NHƯỢC : — Anh Năm !

Nhà Tá nói rằng ăn tiên phong về Tá rồi. Thôi anh em mình giao cho nhà Tá, anh em mình về.

ĐÌNH : Nhược ! Hỏi nhà Tá đi có chiếu hay không ?

NHƯỢC : Anh Năm ở nhà hỏi nhà Tá đi có chiếu hay không.

TÁ : Có, có mà không. Khi đức lệnh tân chánh sai tam vị đi rồi, còn một mình Tá, xớ rớ trước sân châu. đức lệnh tân chánh quở Tá sao không quản binh mã theo tiếp cùng tam vị. Bởi vậy cho nên :

Khẩu chiếu truyền truyền chẳng kịp lời.

Hạ bút viết, viết sao cho kịp ?

NHƯỢC : Anh Năm ! Nhà Tá nói phải, ở trước sân châu, đức lệnh thiên tử quở Tá sao không đem binh mã tiếp anh em mình, khẩu chiếu truyền, truyền chẳng kịp lời, Hạ bút viết, viết sao cho kịp⁽¹⁾. Anh em mình không có chiếu hướng chỉ là Tá, giao rồi đi về anh Năm !

ĐÌNH : Mưu này yên⁽²⁾ biết : Linh Tá giúp Đồng Kim Lân.

NHƯỢC : Nhà Tá lên ngựa rồi bỏ yên Năm yên Năm⁽³⁾.

(1) Lối lặp lại y lời Tá một cách ngây ngô này rất khéo, giống hết những vai trào phúng các tuồng Âu-Mỹ.

(2) «yên» là anh.

(3) Xem động tác dồn dập, tình tiết thay đổi, lời văn súc tích, tâm lý nhân vật ba người, ba cá tính linh hoạt của riêng một đoạn này, ta thừa hiểu tại sao Sơn Hậu được tôn làm tuồng thầy !

ĐÌNH : Quả một đảng phản thần
Dối rằng vưng lịnh thánh !

TÁ : Khen ba người lạnh tánh.
Sớm biết mỗ phản thần.
Tận kỳ trung, khôi phục Tề đồ.
Thủ kỳ nghĩa, lấy đầu ba gã

ĐÌNH : Tài chi Khương Linh Tá.
Dám bẻ nạng chống trời !
Quyết chém đầu Khương
Kẻ lòn oai Tạ (khẩu chém Tá)

ĐÌNH : Chém Linh Tá đầu sa xuống
đất.
Xách lấy đầu dõ chạy đường
tên

Xem thấy bản nhờn nhờn
Phút mình hòa mọc ốc !
Luận như đứng kim cồ dĩ
thường.

Quyết bỏ họ Khương (các em)
Truy lai họ Đồng

Bởi vậy, Đình dám hiu hiu tự
đắc :

Chém Linh Tá, đường xưa bằng kiến !
Đuổi Kim Lân khác tợ đuổi ruồi.

Hai chức Long xa, Ngự mã là
hai chức quan trọng bậc nhất của
Triều đình về võ bị mà Đình xem
như «thảo giới», thì còn ai dám
đương nổi với Đình ?

Hình ảnh cậu bé Hoàng-tử con thứ
phí (bà thứ) Phan Phụng Cơ được
Kim Lân mang trước bụng (1) chạy
khắp núi rừng, suýt bị giết mấy lần,
phải lạc mẹ, về tìm nương náu quốc

cựu (cậu) Phan Diễm ở Sơn Hậu rồi
về sau nhờ Diễm cùng Kim Lân mang
quân về đánh lại họ Tạ, có thể là hình
ảnh Nguyễn Ánh. Xét tiểu sử Ánh thì
lúc Nguyễn Vương chết, Ánh còn ba
cùng các tướng, bị Tây Sơn đuổi
gấp khiến mẹ con phải lạc nhau, Ánh
chạy bán sống, bán chết khắp xứ, ra
đảo, vượt đại dương ra ngoại quốc,
cuối cùng chờ khi Nguyễn Huệ bận
việc miền Bắc mới mang quân về Gia
Định ở Nam Việt (Sơn Hậu là một
cái tên giả, cũng thuộc miền Nam
nước Tàu (2). Mà thời Ánh mới khởi
lên ở Sài-côn thì ông cũng chỉ là một
cậu «hoàng-tử» mới mười bảy tuổi,
không lớn hơn hoàng tử Sơn Hậu lúc
khởi nghĩa bao nhiêu. Với Nguyễn Ánh
lần này ngai vàng có vẻ vững vàng
hơn, nhờ bọn tướng tá giúp rập rồi
mẹ con lại trùng phùng... Nhưng thật
khó biết thời cơ, thời cuộc sẽ chuyển
ra sao nếu Nguyễn Huệ còn sống mà
không bị anh là Nguyễn Nhạc chặn
mất đường can thiệp vào Miền Nam !
Sau đó, Quang Trung chết, Ánh mới

(1) Thường diễn viên lấy ông Làng thờ
trên trang ra, mang nơi dây lưng. Vì ông
Làng tương truyền cũng là hoàng tử (quá mê
hát mà chết) nên thay mặt hoàng tử thật
cũng chẳng có gì lạ. Có lẽ xưa kia, Vai Làng
chỉ dành riêng cho các ông Hoàng rồi sau
mới trở thành con bá tính. Bây giờ, thay
vì ông Làng, diễn viên mang một... búp bê
Tây-phương !

(2) Tương cũng nên nhắc : Sơn Hậu là
tuồng đồ, mô phỏng kiểu Tàu và do người
Việt Nam sáng tạo, sáng tác chứ không
phải là tuồng Tàu phóng tác hay phiên
dịch nên mang bản chất và bản sắc Việt
Nam sâu đậm.

mang quân ra Trung, Bắc. Trong Sơn Hậu, sau khi mẹ con Hoàng tử trùng phùng thì Phàn Diệm cùng Kim Lân mới thừa lệnh cậu-vua-con nhất tề tấn công họ Tạ.

Việc cho Phàn Diệm đảm một thương trúng vai Tạ Ôn Đình là một hành động cần thiết của tác giả để gỡ thế diện cho phe chính thống (Kim Lân, Linh Tá bị đánh giết như ruồi). Nhưng sau sự gỡ thế diện ấy, không thể đẩy tới việc Phàn Diệm chém Đình — một việc quá lỗ, cho nên phải mượn hồn Linh Tá (có lẽ có ý nghĩa linh hồn phò tá chăng?) ở trong thế giới vô hình chém Đình! Đình gần như một thần tượng bất tử đối với khán giả. Tuy nhiên, so với Sử nhà Nguyễn thì điềm này cũng không sai. Nhiều tài liệu vẫn chép là Nguyễn Huệ chết cách này hay cách khác, nhưng Sử nhà Nguyễn thì bảo Huệ chết trong một cơn mê: "...một buổi chiều, Huệ đang ngồi, bỗng mắt mờ, đầu choáng và thấy một ông lão tóc bạc từ trên không hiện xuống, mình mặc áo trắng, tay cầm dùi sắt, mắng Huệ rằng: Tồ phụ nhà ngươi lúc sinh thời ở đất của vua, đời này sang đời khác làm dân của vua, sao ngươi lại dám phạm đến tôn lãng? Đoạn lấy dùi đập vào trán, Huệ bổ xuống, hôn mê, giây lâu mới tỉnh và đem chuyện ấy nói lại cho Trần văn Kỳ biết, từ đó bệnh trở nên nguy kịch (Liệt truyện chính biên sơ tập quyển 30, trang 42 (1)).

Nhưng những điềm gặp nhau của lịch sử và tuồng bản đó còn có thể

thâu nhận, bác bỏ vì chỉ là suy luận thiếu căn cứ đích xác, chứ như khi đã thấy Tạ Ôn Đình xuất hiện ở Hồi ba trên sân khấu (2), thấy cái bộ uy nghi, dữ tợn với thần sắc hùng dũng, ngang tàng phi thường đó trong vai *tà, nguy* như chưa từng bao giờ xảy ra trên sân khấu — đúng là vô tiền, tuyệt hậu — ta sẽ nghĩ thế nào? Đề cho biết thần sắc Ôn Đình trông oai vệ ra sao, tôi nhắc lại một đoạn của Mịch Quang (trong cuốn *Tìm hiểu nghệ thuật Tuồng*):

Ngày xưa, ở Bình Định có ông Nhưng Sung nổi danh vai Tạ Ôn Đình trong tuồng Sơn Hậu thứ 3. Có lần một tên Thợ thợ ở Huế vào, nghe tiếng ông, hẳn cho mời ông đến diễn cho hắn xem. Ông thưa:

— Bầm cụ lớn, con hát thì được, chỉ sợ không có ai đánh châu.

Tên Thợ thợ trợn mắt.

— Mầy khinh tao không đánh được châu cho mầy hát à?

Văn bình tĩnh, ông Nhưng Sung thưa.

— Bầm, cụ lớn đánh châu sợ lắm chớ,

(1) Dẫn theo Bửu Kế, Bách Khoa số 10² trang 68.

(1) Trong Nam, người ta đi xem Hồi này là cốt đề xem vai Tạ Ôn Đình và bà Nguyệt. Một nhà x b trong Nam cũng lấy tên Tạ Ôn Đình đặc ngay dưới tên Sơn Hậu, như thế Đình là linh hồn của tuồng Miền Trung, người ta đi xem Hồi ba này còn vì Kim Lân trong vai kếp lớp Đồng Mầu thượng thành, bị đốt và Lân phải đầu hàng Tạ. Lớp này Đào Tấn (miền trung) thêm vào vài đoạn bi lụy và vô cùng khàn trượng, vai Kim Lân bê hĩa rất náo nùng trên sân khấu.

nhưng sợ lúc con ra tuồng thì cụ lớn không cầm được roi chầu mà đánh.

Hắn tự phụ bảo:

—Được, mấy cú đóng đi rồi sẽ hay.

Quả nhiên, đến lúc ông Nhưng Sung uy nghi trong bộ trang phục Tạ Ôn Đình bước ra sân khấu vừa mới xóc giáp, trợn mắt, mà thần sắc của ông đã làm tên Thượng thư khiếp đảm, run tay, rơi roi chầu xuống đất.

Trong hai tuồng thời danh khác cũng có những vai tà, ngụy khét tiếng. Ở Tam Nữ, vai Tạ Kim Hùng thật nghênh ngang, uy dũng, có pha sắc thái Trương Phi nhưng chưa hơn nổi Trương Phi trong Thủ Cờ Thành, vở tuồng đã làm anh chàng nóng nảy đòi Hán lừng danh. Tạ Kim Hùng có vẻ bất hiểu và ngỗ nghịch, bị vai trung Tạ Ngọc Lâm (cha Hùng) lấn át phần nào. Trong tuồng Dương Chấn Tử, Bạc Hồ được xem như có mình đồng da sắt, vì khi roi tiên của Chấn Tử đánh vào thì y đã không hộc máu chết ngay mà còn:

Đánh một roi, lửa dậy hòa mình

Quả Bạc Hồ thiết bì thạch cốt (1)

Nhưng trong tuồng này, chỉ có hồi *nịch tử* (nhận chìm hoàng tử (giả) xuống nước) là hay còn các vai đều trung bình dù trung (Triệu Luông, Chấn Tử) dù nịnh (Bạc Hồ) cũng đều không có những nét độc đáo của Tạ Ngọc Lâm (Tam Nữ) Tạ Ôn Đình (Sơn Hậu).

Như thế, ta có thể có một cái nhìn bao quát về tuồng thời kỳ này cùng

những vai trò đặc biệt cũng những tuồng thày (Sơn Hậu, Tam Nữ) chưa thấy hai lần trong lịch sử văn học và nghệ thuật trình diễn của sân khấu Việt Nam. Ta nhìn Đình cử động, nghe Đình nói thông thả, dần từng tiếng, xem thần sắc của con người kiêu dũng bậc nhất đó, bị những kẻ theo triều Nguyễn liệt vào giòng cướp nước nhưng chỉ kính, chỉ sợ chớ không dám khinh lờn, không dám nhìn tận mặt ấy, ta phải tự hỏi: Đình là ai? Tên *ngụy tà* nào mà ghê gớm đến thế? Ghê gớm như chính bậc trung chánh vô song là Quan Công cũng không hơn được. Người ta sợ Đình khi Đình thẳng đã đành. Người ta cũng khiếp sợ khi Đình thua, thua đến cái độ Lôi Nhược phải hoảng hốt la lên về sau (vì Nhược cũng tưởng anh sắp thẳng lớn):

Đương thuở hùm rồng vùng vẫy

Thế em người ngựa chưa suy.

Chớ sao anh nương gió chạy đi,

Binh ta đồ như mưa đường ấy?

Ấy thế mà đại tướng tiên phong mưu lược, uy dũng là Kim Lâm cột trụ của nhà Tề, khi thấy Đình rút lui (2) (bị Diêm đâm trúng vai tả chuẩn bị rượt theo) đã hoảng hồn hoảng vía, xách thương ra đánh nhau với Phàn Diêm để can ngăn không cho đuổi, chớ biết chắc không thể dùng những lời nói đầy cảnh giác sau đây là đủ giữ Phàn Diêm ở lại:

(1) Như: da đồng mình sắt.

(2) Nhờ cái đá giáp tài tình che vết thương, không cho đối phương biết là mình bị thương ở vai.

Quốc cữu đình bộ,
 Tạ Ôn Đình tôi luận
 Thị quý kế đương du
 Tôi xem mấy binh chẳng phải lẽ thua
 Xin trở ngựa kéo lăm mưu Tạ.

Vậy con người khí dũng, tài trí có thừa ấy phải là ai? Tạ Ôn Đình hay Quang Trung có thể chỉ là một. Nhưng là một dưới con mắt sử thần hay văn sĩ, kịch tác gia thời Nguyễn như nhà đại chính trị Tào Tháo dưới con mắt bất công của tác giả Tam Quốc Chí, chủ quan thiên lệch vì quá yêu chuộng Hán triều.

Thật tình, tôi đã đọc ít nhiều tác phẩm bằng tiếng Việt, do người Việt sáng tác hay phóng tác của Trung hoa. Tôi cố tìm hình ảnh nào gần thời Tây Sơn còn mang ít nhiều dấu vết Nguyễn Huệ. Tôi nghĩ tới chinh phu trong Chinh phụ ngâm với chí lớn:

Thành liền mong tiến bệ rồng
 Thước gươm thề quyết chẳng dong
 giặc trời.

Tôi lại nghĩ tới con người lý tưởng mà Nguyễn công Trứ hằng tôn thờ.

Vòng trời đất dọc ngang ngang dọc,
 Nợ tang bồng...

Nhưng không thể được. Họ đều là những kẻ sinh ra để làm hạng vi thần chứ đâu dám hiên ngang nghĩ tới vi quân (Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi Thần). Làm sao so sánh với con người.

Mà nay áo vải, cờ đào,
 Giúp dân, dựng nước biết bao công
 trình.

Tôi đưa tâm trí tìm hình dáng râu hùm cằm én uy nghiêm của Từ Hải với chí :

Vẫy vùng trong bấy nhiêu niên
 Làm nên động địa, kinh thiên ùng ùng.

Nhưng... cái hạng anh hùng mới nghe đàn bà thuyết phục mà đến đổi:

Nghe lời nàng nói mặn mà
 Thế công Từ mới đổi ra thế hàng
 Chinh nghi, tiếp sứ vôi vàng
 thì với một chữ vôi vàng, tôi tưởng Nguyễn Du hạ nhục họ Từ quá cỡ rồi, cần gì phải :

Tin lời thành hạ yêu mình
 Ngọn cờ ngơ ngác, trống canh trè
 tràng (2)

Sao mà Từ Hải ngơ ngác đáng thương. Ôi, anh hùng mạt vận.

Như thế, chỉ còn hình ảnh duy nhất, có những nét đặc thù, cá tính lộ lộ trong *Hoàng Lê nhất thống chí*? Nhưng tiếc thay, Quang Trung ấy lại viết bằng chữ Tàu; một bức tường gương (chữ của Vicki Baum) ngăn trở giữa chàng và chúng ta.

Phải chăng chỉ còn mỗi một hình ảnh hiên ngang, oai vệ khác thường trong tuồng mà mỗi khi xuất hiện — từ gần hai thế kỷ nay, qua bao nhiêu vạn lần trình diễn — còn làm cho trẻ em hoảng sợ, người lớn ngại nhìn và những kẻ mũ cao áo dài nhất triều đình « chính thống » vẫn còn hồi hộp vì cái uy thừa... của một thứ nguy tà nhìn qua lăng kính kẻ « được làm vua. »

NGUYỄN VĂN XUÂN

(Lược sử văn học trình diễn)

(1) Cũng như Quang Trung, Ôn Đình nay là ngự đệ của Tạ Thiên Lăng, nhưng trong thực tế, Đình lẫn át ảnh hưởng của vua mới này.

(2) Xin xem thêm : Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc của Phan Huy Ích, Nguyễn Xuân phát giác—Lá Bối ấn hành, sắp bán.

ĐẠI - Á NGÂN - HÀNG

Trụ-sở chính : 61-63, Hàm-Nghi Saigon

Đ. T. 98.460 — 98.700

Chi nhánh Chợ Lớn : 47-49 Tòng Đốc Phương

ĐT 51.047

Chi nhánh Cầu Ông Lãnh : 21, Bác sĩ Yersin

ĐT 99.386

Chi nhánh Gia-Long : 121-123, Gia-Long

ĐT 96.827

Chi nhánh Biên Hòa : 10, Nguyễn Hữu-Cảnh

ĐT 36

Chi nhánh Ban mê thuật : 16, Amatrang-Long

ĐT 148



— Thực-hiện tất cả mọi nghiệp-vụ
ngân - hàng :

*Nhận tiền ký-Thác, chuyển-ngân, Trương-mục
tiết - kiệm, Nghiệp - vụ tín - dụng, Hối - Đoái,
Xuất-nhập-cảng v.v...*

— Phục-vụ thân-chủ trong tôn chỉ :

LỊCH-THIỆP — NHANH CHÓNG

CHÍNH XÁC — KÍN ĐÁO

Các phương pháp nhịn ăn để trị bệnh ở Việt - nam

Theo lời yêu-cầu nồng-nhiệt của một số độc-giả muốn áp-dụng hữu-hiệu phép tuyệt-thực và sự khuyến-khích của ông Chủ-nhiệm Tạp-chí Bách-Khoa, tôi xin sưu-khảo trình-bày vài ba lối thực-hành tuyệt-thực có tiếng-tám ở Việt-nam ta từ trước đến nay.

...Theo bản tính kín đáo của người Á-Đông, ngày xưa phép tuyệt-thực chỉ được âm-thầm thực-hành trong các chùa chiền, đền miếu nên không được phổ-biến rộng-rãi trong quần chúng.

Bác-sĩ Moller trong dịp tiếp-xúc với một nhà sư trong một ngôi chùa đã có duyên lành được vị sư này truyền cho bí-pháp tiết-thực dự-bị cho những cuộc tuyệt-thực trường-kỳ, một bí-truyền mà các Đạo-gia tu khổ-hạnh ở Trung-hoa tuyệt đối không bao giờ tiết-lộ cho người ngoại-đạo !

« Muốn luyện tập dần-dần một cuộc tuyệt-thực dài hạn nhà sư chế ra một hỗn-hợp gồm có 3 cân Anh (453 gr) bột cây gai (lin) và 3 cân Anh đậu xanh (pois vert) bỏ vào hông nấu trong 3 ngày, để nguội rồi bỏ vào cối quết nhuyễn, cán mỏng, phơi trong im. Sau vài ba hôm phơi khô, thứ bột chế-tạo này ngả sang màu nâu lợt : nhà sư muốn tuyệt-thực chỉ cần ăn một bụng thật no thứ bột này. Nếu ăn được khoảng 1 cân rưỡi nhà sư có thể nhịn ăn một cách dễ dàng khoảng 3 tháng. Người hành-giả sẽ không thấy đói nếu mỗi tuần chỉ

uống một ít nước trong. Một khi tất cả số bột được ăn kia đã tiêu-hóa sau 3 tháng, cảm-giác đói bụng sẽ xuất hiện trở lại. Nhà sư nếu muốn tiếp-tục tuyệt thực chỉ việc ăn thêm một bụng nhưng ít thua và có thể lại tiếp-tục nhịn ăn thêm một thời-gian như trước.

« Ăn thức ăn đặc-biệt này, các cơ-quan vị-trường, nhất là gan thu nhỏ dần dần và nhà sư chỉ còn là một bộ xương linh-hoạt bọc da khô và giống như giấy da : chỉ có phổi và tim tiếp-tục hoạt-động điều-hòa. Những kỳ tuyệt-thực hàng 2 năm không phải là hiếm. Tuy vậy đôi khi, nếu nôn-nóng luyện tập cấp-tốc quá thì đôi khi có thể nguy đến tính-mạng. Và dường như sau đó kim thân của vị sư viên-tịch đó được bảo-tồn như một xác ướp thiêng-liêng và thể-xác thanh-khiết nhờ tuyệt-thực của nhà sư sẽ không bao giờ bị hư-thối cả. »

Để làm tài-liệu đối chiếu về thứ bột dùng để ăn trước khi tuyệt-thực của bác-sĩ Moller nói trên, tôi xin đưa ra đây một đoạn khảo-cứu trong sách « Zen và ý-thức mới về ăn chay » của ông Thái-khắc-Lễ như sau :

« Năm thứ hai, thời-Vĩnh-Ninh nhà Tấn, vua Huệ-Đế, có ông Lưu-cảnh-Tiên làm quan Thị-lang ở Hoàng-Môn dâng bài biểu tâu vua rằng :

Kẻ hạ-thần được gặp một người Ấn-thị ở núi Thái-Bạch-Sơn truyền cho bài « Tế cơ tịch cốc tiên phương ». Lúc bấy

giờ ở trong nhà kẻ hạ-thần lớn nhỏ có hơn 70 miệng ăn mà thật sự không có ăn vật gì khác, chỉ dùng một phương thuốc này thôi, nếu không đúng như vậy hạ-thần xin chịu tội.

Bài « *Tễ cơ tịch cốc tiên phương* » ấy như sau :

« Dùng đậu đen (hắc đậu) 5 đấu (1 đấu bằng khoảng 1 lít) đãi sạch bỏ vào hông chưng chín và phơi khô đủ 3 lần, bỏ vỏ. Dùng hạt mè (vừng) 3 đấu ngâm 1 đêm rồi cũng hông và phơi khô đủ 3 lần rồi đãi lấy nhân. Hai thứ trộn chung quết nát thật nhuyễn cho đều vắt lại thành một khối bỏ vào hông chưng lại chừng 9 giờ đồng hồ nghĩa là từ giờ Tuất đến hết giờ Tý thì thôi để đấy. Sang đến giờ Dần thì lấy ra phơi khô, làm ra bột, ăn khô, ăn cho no cũng được nhưng sau đó cần phải kiêng không được ăn nhất thiết bất kỳ một thứ gì khác.

Lần thứ nhất ăn nó rồi có thể nhịn đói được 7 ngày ; lần thứ hai ăn lại nhịn được 49 ngày không đói ; lần thứ ba ăn lại có thể nhịn 300 ngày không đói. Lần thứ tư ăn lại, nhịn 2.400 ngày không đói, về sau không cần phải ăn cũng không đói nữa.

~ Không cứ người già hay trẻ theo y cách thức trên làm mà ăn thì con người vẫn khỏe mạnh, dung-mạo trắng-trẻo không sút kém tiểu-tụy chi cả. Nếu có khát nước thì đã hạt mè nấu nước mà uống để cho nó tự-nhuận tạng-phủ. Nếu muốn ăn các thứ khác thì dùng Quì-tử 7 bát nghiền bột, nấu nước uống nguội thì sẽ đi sông ra như sắc vàng, từ đó muốn ăn gì thì ăn, không kiêng cử gì nữa. »

(*Sách Nông Thư của họ Vương*)

Ngày trước Ông Tri-huyện Tùy Châu là Chu-Tụng dạy dân dùng phép ấy thấy có hiệu-nghiệm cho nên ông mới chép hết đầu đuôi khắc vào phiến đá ở đất Hàn-Dương, núi Thái-biệt-sơn gần chùa Thái-bình hưng quốc tự.

Trong tờ Tuần-báo Định - Mệnh số 11 ra ngày 14 - 10 - 1971, Đông-y-sĩ Trác Lâm cũng có đưa ra một toa thuốc « *Tịch cốc phương* » như sau, tôi xin chép lại đây để quý độc-giả tiện bề nghiên-cứu :

Tịch cốc phương

1. Đậu đen nửa thăng (sao thơm) bỏ vỏ.
2. Chi-ma nửa thăng (sào chín)
3. Bạch-linh 4 lạng (bỏ vỏ)
4. Quảng-trọng 4 lạng (rửa sạch, thái vụn)
5. Gạo nếp nửa thăng (sao chín).

Các vị tán nhỏ, mỗi lần uống 3 tiền với nước, ngày uống ba lần.

Không thấy nói rõ uống như vậy trong bao nhiêu ngày và thời hạn tuyệt thực là bao lâu !

Phép tuyệt-thực về sau nhờ báo chí phổ-biến rộng rãi được quần chúng ở nước ta cũng như khắp thế-giới lưu ý kể từ khi Thánh Gandhi áp - dụng để cầu nguyện cho quốc-gia và truyền-bá cho những nhà ái quốc dùng làm lợi khí tranh đấu bất-bạo-động giành độc lập cho nước Ấn-độ.

Phép tuyệt thực trước đây ở nước ta tuy được khá nhiều người

lưu tâm nhưng không được tổ chức đại qui-mô thành những « Trung tâm Tuyệt-thực » những « Viện Tuyệt-thực » hoặc những « Bệnh viện Tuyệt thực » như ở Âu-Mỹ được các y-sĩ lỗi lạc hướng dẫn và chăm sóc mà chỉ được thực hành lẻ tẻ từng nhóm nhỏ do các nhà tu hành có chút ít kinh nghiệm hướng dẫn cũng đã gây khá nhiều tiếng vang tốt đẹp vì đã chữa lành được một số bệnh nan-y mà các bệnh-viện đành thúc thủ.

Theo tài-liệu ghi chép trong sổ tay của một tu sĩ cho chúng tôi mượn để tham khảo thì cách đây mấy chục năm phép tuyệt thực trước hết do ông Lê-Thành-Thân một tu sĩ ở Vĩnh-Long đã tìm ra và phổ biến để giúp đời đã có đăng trên báo Anh Sáng nhưng không được mấy ai tin tưởng. Sau này có ông bác-sĩ Trương-ngọc-Hơn ở đường Cống Quỳnh, Sài Gòn, nhịn ăn thử 7 ngày theo phương pháp dưới đây, thu hoạch kết quả mỹ mãn nên có viết về sự huyền diệu của phép tuyệt thực này trong tờ nguyệt-san của Công-dân-vụ.

Lại nữa, kỳ thí-nghiệm lần thứ hai cô Ngọc-Liên-Hoa nhịn ăn trên 60 ngày có bác-sĩ Cao-sĩ-Tấn ở đường Mạc-đĩnh-Chi, Sài Gòn, trông nom và có trình diện với 108 nhà trí-thức ở thủ-đô sau khi nhịn xong (tài-liệu về biên-bản hiện còn lưu trữ tại Saigon nơi nhà bác-sĩ Tấn).

Sau này cô Ngọc-Liên-Hoa còn nhịn thêm một lần nữa trên 200 ngày mà vẫn khỏe-mạnh như những lần trước.

Phép tuyệt-thực này được chỉ-dẫn như sau :

Phép nhịn ăn nhưng không đói và không mệt :

Tăng sáng sớm uống thuốc xổ, xổ cho tới trưa cho sạch ruột.

Trưa giờ Ngọ : Ngồi xếp bằng theo kiểu kiết-già, bán già hoặc xếp bằng thường cũng được, chân mặt để lên chân trái, Hai bàn tay xỏ chéo để trên hai chân, hai ngón tay cái phải cho đụng nhau theo kiểu ấn tam-muội. Ngồi thật ngay lưng (xương sống thật thẳng chớ đừng khum). Đầu hơi khum tới trước một chút xíu. Hai mắt nhắm lại. Hai môi ngậm lại (đừng mím môi). Hai hàm răng vừa khít (đừng cắn răng quá). Lưỡi co để trên ổ gà. Nói giây lưng quần ra để luồng điện chạy thông-thả. Ngồi ngay- ngắn xong xuôi rồi bắt đầu thở. Thở theo hai đường công phu Hậu-thiên và Tiên-thiên như sau :

Đường công phu Hậu-thiên :

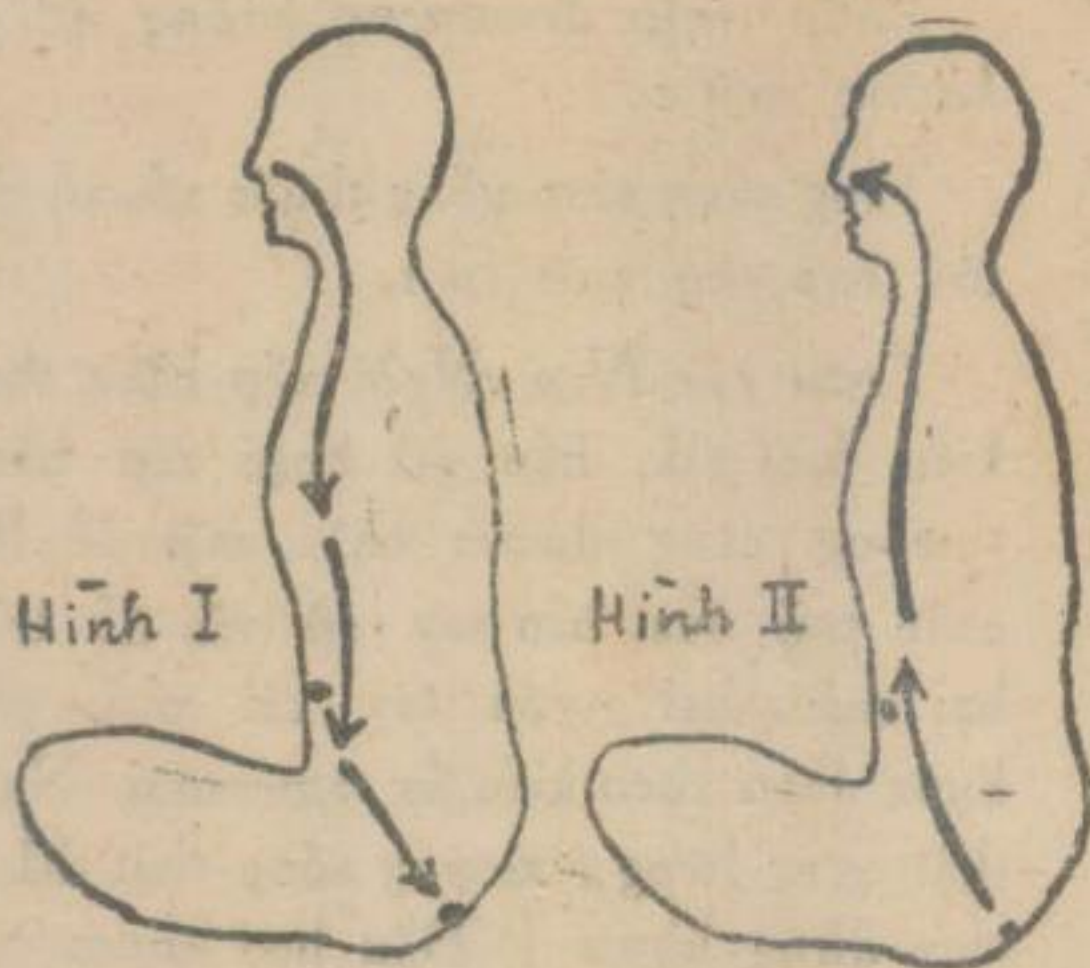
(Đường phía trước)

Hơi thở chia ra làm 3 đoạn :

1.- *Hít vô :* Hít vô từ từ và dùng tư-tưởng dẫn hơi thở đi từ lỗ mũi xuống tới dưới rún một chút (dưới chừng 3 phân) và từ chỗ dưới rún dùng tư-tưởng đem hơi thở hít vô đó đâm ngang qua bụng và đi xuống chỗ cục xương khu, ở chót xương sống (theo lần mũi tên hình I).

2.- *Nín thở :* Nhú hậu-môn (như lúc mình đi tiêu nhú hậu-môn để cho cục phân chót rớt xuống) và dùng tư-tưởng đưa từ cục xương khu trở lên trên rún một chút (xem mũi tên hình II)

3.- *Thở ra :* Đem tư-tưởng đưa lên



tới trên rún rồi thở ra. Làm như vậy
lối 7 lần là hết đỏi. Khi nào thấy đỏi thì
làm lại vài lần nữa.

Đường hơi thở phía trước này kêu
là đường công-phu Hậu-thiên dùng để
giúp cho hết đỏi.

Khi làm xong lối 7 hoặc 9 lần thì
hành qua đường công-phu Tiên-thiên
cho hết mệt. Nhớ khi hít vô thì phình
bụng ra và khi thở ra thì bóp bụng lại.

Đường công-phu Tiên-Thiên :

(Đường phía sau)

Đường công-phu Tiên-thiên cũng chia
làm 3 đoạn : Hít vô, nín thở và thở ra.

1.- *Hít vô* : Trong lúc hít vô, dùng
tư-tưởng đem hơi thở xuống khỏi rún
và đâm qua cục xương khu như kiểu
nơi hình I.

2.- *Nín thở* : Nín thở nhiều hậu môn
và dùng tư-tưởng đưa đi theo đường
xương sống thẳng lên trên đầu (xem
hình III)

3.- *Thở ra* : Dùng tư-tưởng đưa
hơi thở khi đạt đến đỉnh đầu rồi thì thở
ra.



Tiếp-tục hít vô, dùng tư-tưởng đem
xuống cục xương khu, nín thở, nhiều
hậu-môn, đưa lên đầu và cứ liên-tục
như vậy cho đủ 108 lần.

Trưa giờ Ngọ (giờ mới : 12 giờ
đến 2 giờ). Chiều giờ Dậu (6 giờ đến
8 giờ). Khuya giờ Tý (24 giờ đến
2 giờ sáng). Sáng giờ Mẹo (6 giờ
đến 8 giờ sáng).

Trong 4 buổi này phải hành đường
công-phu Tiên-thiên 108 lần như vậy.
Ngoài ra khi nào thấy mệt, làm thêm
vài chục lần cũng được.

Còn khi nào thấy đỏi thì hành đường
công-phu Hậu-thiên nói trên lối 7 lần
hay 9 lần là hết đỏi.

Trong lúc nhịn ăn phải uống nước
lạnh (từ 1 đến 3 lít) hoặc nước cam,
chanh đường cho thật nhiều và thường
đi tắm cho bớt nóng, vì hành phép này
trong mình nóng lắm. (Đi tiểu nước
vàng là nóng, hãy uống thêm nước.)

Lối 3 ngày hoặc 4 ngày sau phải uống
thuốc xổ. Hành phép này uống thuốc xổ
càng thấy khỏe chớ không mệt đâu mà sợ.

Nhịn ăn 7 ngày gọi là 1 thất

Nhịn ăn 14 ngày gọi là 2 thất

« 21 » » 3 thất v.v...

Khi ăn lại không nên ăn cơm liền, phải uống nước cơm vài ngày, rồi ăn cháo lỏng vài ngày, ăn cháo đặc 1, 2 ngày, kể đó sẽ ăn cơm nhưng 1 chén mà thôi, nhai cho thật kỹ rồi vài giờ sau sẽ ăn thêm 1 chén nữa, chớ nên ăn nhiều trong 1 lần. Ăn như vậy sợ sau này sẽ đau dạ-dày.

Nếu nhịn ăn lâu ngày, khi ăn cần phải kéo dài thêm thời-gian uống nước cơm, ăn cháo lỏng v.v...

Hành đúng phương-pháp như kể trên sẽ thấy không đói và rất khỏe-khoắn, khỏi cần phải có người tiếp điện gì cả, vì nếu có người tiếp nhân-diện cho mình thì sau này khi mình hành một mình, ai sẽ tiếp điện cho?

Phép nhịn ăn chữa được nhiều bệnh nhất là bệnh nhức mỏi, tê-bại, đau bao-tử v.v. . . nhưng chỉ là trợ duyên trên con đường tu-hành mà thôi. Vì phép này do một tu-sĩ tìm ra nên khi phổ-biến ông khuyên chúng ta sau khi hành pháp này thấy có kết-quả phải ăn chay niệm Phật, làm lành, lánh dữ và nhứt là phải truyền ra cho mọi người chứ đừng giữ kín làm của báu riêng cho một mình mình.

Như đã nói trước, tôi trình-bày trung-thực lại phương-pháp tuyệt-thực trên đây theo lời ghi chép trong sổ tay của một tu-sĩ không muốn tiết-lộ danh-tánh.

Nhận-xét phương-pháp tuyệt-thực, trên, ta thấy tu-sĩ đã lưu ý đến phép khí công nhiều hơn đến loại nước được dùng trong lúc tuyệt-thực khi đề cập đến vấn-đề *mệt* hoặc *đói* trong thời-gian tuyệt-thực. Ông chỉ khuyên uống nhiều nước nhưng lại để tùy-tiện người hành giả muốn dùng nước trong; nước cam hay nước chanh đường cũng được. Nhưng trong sự nghiên-cứu ta cần có sự phân-định minh-bạch.

Trên phương-diện chính-danh thì tuyệt-thực hay nhịn ăn (Jeune) là không

ăn một thức gì bất cứ dưới hình-thức đặc hay lỏng mà chỉ uống nước trong thuần-túy mà thôi. Có nhiều thức ăn đặc, khô có một độ tan rất lớn trong nước như các chất keo, bột, sữa, đường v.v... Chúng ta từng dùng sữa bột sữa đặc chắc đã thấy rõ điều này. Mọi người đều biết rằng 1 ki-lô 800 đường cát trắng hòa trong một lít nước chỉ cho ta một thứ si-rô ngọt 35 chữ. Uống những chất lỏng này dĩ nhiên không ai chấp-nhận là tuyệt-thực được!

Trên quan-điểm khoa-học thì ngoài nước, các muối khoáng và vi-ta-min thì 3 thức ăn chính của con người là glucít (đường, bột...), li-pít (chất béo béo), prô-tít (chất đạm), như vậy uống nước đường (hoặc tiêm serum ngọt), uống sữa hoặc nước trái cây, xúp lê-ghim v.v... không thể gọi là tuyệt-thực được, mà chỉ nên gọi là tiết-thực có nghĩa là giảm bớt đồ ăn, kiêng một số thức ăn vì bệnh hoặc xì thuốc; chỉ ăn một hoặc nhiều loại thức ăn lựa chọn với một mục-đích nào đó.

Trên phương-diện sinh-lý-học thì cơ-thể trong trường-hợp tiết-thực và tuyệt-thực có những phản-ứng cơ-thể khác nhau. Ví dụ trong cách tiết-thực uống nước đường thì chỉ có dạ-dày và ruột được giảm-thiểu công-việc tiêu-hóa nhưng đường vẫn được tiếp-tế đầy-đủ để nuôi-dưỡng cơ-thể. Còn trong phép tuyệt-thực thì mọi nguồn thực-phẩm đều bị đình-chỉ. Cơ-thể phải vận-dụng mọi khả-năng để tự-túc, tự-dưỡng, phải tự phân-hóa các thực-phẩm dự-trữ trong tế-bào, do đây tiêu-hóa các mô bất-thường, bệnh-hoạn, đào-thải, bài-tiết các độc-tổ tích-lũy, tu-bổ các cơ-quan hư-hỏng, nhờ vậy nên cải-tạo được sinh-lực con người.

(còn tiếp I kỳ)

VÕ-THỊ THANH-ROÒN

☐ Tủ sách **THỜI MỚI HẠT TIÊU** với chủ trương :

- Chọn lọc các tinh túy cô đọng nhất của mỗi tác giả.
- Đưa ra những tác phẩm hay, khuôn khổ nhỏ, giá rẻ.
- Phổ biến những tuyệt tác vừa tầm tay và túi tiền mọi người.

☐ Đầu tháng 4-1972 sẽ phát hành tác phẩm đầu tiên :

THƯ VỀ ĐƯỜNG SƠN CÚC

Truyện của HOÀNG NGỌC TUẤN

Tựa của VÕ PHIẾN

- Một lá thư tình gửi đến mọi thiếu nữ đến tuổi yêu đương.
- Một bài thơ rạo rực về TÌNH YÊU và THIÊN NHIÊN.

THUỐC THƠM BẠC HÀ (Menthol)



BẦU LỘC ĐIỀU DÀI
Thượng hảo hạng

Thong mùi - mát cổ - thơm dịu

CHINH PHỤ BÂY GIỜ

Truyện ngắn của LÊ-VĂN-THIỆN

Tôi ra bến xe thì trời u ám, mây từ đâu mọc ra từng mảng, từng đụn lớn, mây sà thấp, choán đầy bầu trời. Tôi từ chối không chịu để ba tôi cùng đi theo lên đường nhựa đón xe, tiễn chân tôi. « Ba ở nhà, gió lạnh thế này. Đi, không khéo gió đẩy ba té xuống ruộng, rồi trở về không nổi » Ba nói, buồn: « Ba đâu tề tới mức đó, nhưng anh không muốn thì thôi ». — « Không phải con không muốn ». Gió mạnh thật, trời rất lạnh, như trời mùa đông ngoài Bắc độ: thấy trong các bài văn, trong truyện sách. Cây cối ngoài vườn ngã nghiêng. Đám chuối tả tơi, không thể nào tìm thấy một mảnh lá còn lành, dù chỉ một mẩu nhỏ bằng bàn tay. Đất úng nước, cỏ úa vàng chết rục. Đã bốn hôm nay, mưa gió dầm dề. Nghe nói có bão ở miền ngoài, Quảng-tín, Quảng-nam.

Tôi lên đến tỉnh, xuống bến xe thấy mưa đã ngớt, nhưng chưa dứt. Bây giờ mưa nhẹ, đều đều, gió vẫn tiếp tục quạt, mang theo những cơn lạnh và thối tung cùng khắp. Đường phố vắng, buồn hơn đêm ba mươi Tết. Tôi ghé vào một tiệm bách-hóa trú mưa.

Lúc lên xe tôi thấy ba tôi nhìn theo một chặp, rồi ông cúi đầu đứng yên. Chiếc áo mưa cũ ép sát người ông, tà áo quật ra phía sau phất bay từng hồi theo gió. Không chừng ba khóc. Ở nhà một mình quanh năm chẳng sao, nhưng mỗi khi tôi về thăm, rồi

ra đi là ba lại buồn, và thường khóc « Có lúc ba như đàn bà vậy, kỳ kỳ, » chính ông nói, ngượng ngập. « Anh đi hoài, mãi rồi tôi không biết phải làm sao, chỉ còn biết cúng vái cầu trời cho anh... Tôi mới tập ăn chay, tháng tám ngày. » — « Dạ, con cũng nhờ vào phúc đức ông bà, và ba... Nghe nói cũng sắp ngưng chiến rồi, có nhiều dấu hiệu... » — « Thì vẫn nghe nói như thế, từ hai ba năm nay ». Ba tôi năng cúng kính từ ngày tôi ra đơn vị tác chiến. Lũ trẻ hàng xóm ủng hộ công việc này kịch liệt. Không nhờ chúng nó thì những hoa quả, chè cháo, xôi bánh cúng xong chẳng biết để vào đâu. Đêm đến lũ trẻ vẫn nhớ kéo tới ngủ với ba tôi, cho có bạn: Khi thì một tốp đông, khi thì hai ba đứa. Chúng mang đến cho ba tôi hơi ấm của người, và cái sinh khí khỏe mạnh cần thiết. « Không có chúng chắc ba không chịu nổi, đhu ồm vì sầu buồn... ước chi anh cưới thật nhiều vợ, mỗi năm một cô, đem cả về đây thì vui biết bao. Tôi sẵn sàng nuôi hết, bắt chấp bao nhiêu con dâu, bao nhiêu cháu. » Ba đùa, cười, phô rõ hàm răng trên trống mắt những chiếc răng giữa. Nhưng đó còn là điều mơ ước, tôi chưa lấy vợ, chẳng có một cô con dâu nào về với ba tôi cả.

Ba tôi gần như đã sống một đời đơn độc dài đằng dặc, từ bé đến giờ. Tôi chỉ sống với ông lối bảy tám năm, vừa học lên lớp ba tôi đã lên tỉnh,

vì ở quê không có trường. Ngày đó, hai tuần tôi về thăm cha một lần, đi bằng xe lửa miễn phí, ở lại với ông một đêm thứ bảy và nửa ngày chủ nhật. Về sau, học khá hơn, lớn hơn, thì một tháng một lần, rồi hai ba tháng một lần. Thời gian nghỉ cũng thu gọn lại, còn một đêm thứ bảy thôi. Sáng chủ nhật là tôi đã nhấp nhòm thu dọn xách, vật dụng, náo nức ngóng cò nhìn về phía nhà ga, xong vụt một cái chạy tìm ba, tôi chào gấp rút một hai câu, ông chưa kịp nói gì, tôi đã chạy ra đường, bay biến. Ở tỉnh vui hơn nhà, náo nhiệt, có nhiều thứ quyến rũ tôi mạnh hơn... Và nay, ra đời, với một túi gạo, một bồn phận lạ lưng lớn lao, một cây súng, những túi đạn nặng, tôi đi biệt. Một năm, hai năm hay nhiều năm không chừng, tôi mới chịu về nhà một lần. Tôi về thật bất chợt, đi cũng bất chợt. Mỗi lần về như vậy nhiều lắm tôi chỉ ở nhà chừng ba hôm. « Con đi lâu quá, về ba mừng, không ở chơi với ba được tuần lễ sao ? » Tôi chẳng biết nói sao, đành lờ đi, dù thấy rõ là ba tôi buồn. « Cha con mà, chắc ba chỉ buồn chốc nhất rồi thôi. » Trên tỉnh, vẫn ở trên tỉnh, có những đối tượng, hình ảnh khác thu hút tôi. Trên ấy có một rừng người tràn sức sống, vui tươi, nhiều màu sắc, một không gian rực rỡ luôn đổi mới, và nhất là có Hà Xuyên. Không như ngoài nhà chỉ có những đêm tối vắng tanh, gió rít lạnh, giun dế kêu than, và một ông già — ba tôi, còm cõi héo khô, vào ra như chiếc bóng...

« Trưa con lên tỉnh, ba à. » — « Ủa, anh đã phải đi à, mới ba hôm, ủa... hai hôm mà ? » — « Dạ không, con chưa về đơn vị đâu. » Tôi đặt tay lên vai ông, vỗ vỗ nhẹ. Tôi thấy hai mắt ông nhìn thẳng vào tôi, và những tia buồn vừa hiện ra trong đó. « Con lên tỉnh chơi vài bữa, đầu tuần sau mới lên đường lặn. » Ba tôi « à ». Ông nhìn xuống đất, rồi nhìn ra cửa. « Vài tháng nữa con lại về, chừng tám chín tháng thôi, ba thấy không... » — « Nhưng anh mới ở chơi có hai ngày. » Tôi « dạ, dạ » nho nhỏ. « Anh có ghé đăng bác chín Cầm không. Cô Xuyên gì... » — « Dạ, con sẽ lại đăng đó. Xuyên mới ở Sài-gòn về trước con mấy ngày. » Ba tới ngồi ghé xuống mép di-văng. Tấm hình lớn của ba trên tường bỗng như rực sáng, lớn hơn thường ngày. Hồi đó ba trẻ, lớn hơn tôi bây giờ chút ít, nét mặt tươi trẻ, nụ cười nhỏ nép kín bên mép, chiếc mũi đẹp, những ngón tay dài chất chứa một sức mạnh. Và mái tóc, cái tấm gương soi thời gian ấy, còn tươi mượt, đen, bóng cao. « Anh coi cô Xuyên thế nào, có tiến được chút ít... » Tôi vội cười : « Dạ, vẫn như xưa nay, Hà Xuyên thích con, hai bác ấy vui vẻ lắm. » — « Anh coi mình có thể nhắm... » — « Ba, hai đứa con vẫn thương nhau lắm, không có lo đâu, dù mấy năm con tin Hà Xuyên vẫn chờ... » — « Ba biết, nhưng cô ấy nay cũng đã lớn, dường như ba nhớ... coi, hai ba hai bốn chi rồi, ba muốn... » Tôi lại cười, và a tới ngồi bên ông, lấp liếm : « Ba không phải

lo, con sẽ tính mà. Hà Xuyên được lắm, nhắc ba hoài đó... Thôi con đi nha. » Tôi cầm lấy mũ, nhìn về phía chiếc xách nhỏ đặt trước thềm. Tôi chỉ cần đứng lên, cầm lấy chiếc xách là xong. đi ngay, gọn gàng mau lẹ. Nhưng tôi chưa đứng dậy được. Ba tôi ủ rũ, tay chân ông như mềm đi, vừa được nói dài thêm, nằm thõng không động đậy, mặt ông tối sẫm. Không khéo ba lại khóc.

Năm xưa, khi tôi còn ở trong một đơn vị chiến đấu trấn đóng trên Cao nguyên tôi đã làm ba tôi khóc nhiều lần. Những lần ấy không phải vì tôi về chơi rồi ra đi đột ngột khiến ông khóc, mà vì mấy lá thư của tôi. Thời gian đó tôi ít được về nghỉ. Chiến trường rừng núi Cao nguyên khác hẳn ở đồng bằng. Trên ấy nhiều khi một hai năm tình hình rất êm dịu, không đụng độ một lần nào cả. Chúng tôi đi hoạt động, buồn và cực nhọc, nhưng an toàn, đi không về rồi, đi bao nhiêu về đủ bấy nhiêu. Nhưng lúc có chuyện, khi địch chịu ra mặt, thì những trận đánh diễn ra tức khắc, lớn, mãnh liệt, rung chuyển núi đồi. Tôi có góp mặt trong vài trận lớn... Những lúc đó, ở nhà, một nơi nằm ven biển cách xa trận địa trên hai trăm cây số, ba tôi cũng góp công sức của ông cho chiến trường: những giọt nước mắt và các lời nguyện cầu. Khi trận đánh tàn, đơn vị về hậu cứ nghỉ, không hiểu sao tôi lại viết thư về nhà, kể rõ cho cha nghe những sự việc vừa xảy ra trong vùng đất chết. Kể dài, và rõ nhiều chi tiết. Tôi biết làm như vậy ba tôi sẽ buồn, lo lắng cho tôi không nguôi,

và có thể làm ông sầu lo đến phát bệnh. Nhưng bạn bè tôi đã chết quá nhiều, hình bóng những thầy ma vương vãi trên cây, ngã dưới gộp đá tối, hay trong lòng mấy lỗ bom rộng... những ngày đêm mất ăn mất ngủ, những cơn hải hùng kinh sợ làm con người dờ dẩn gần như mất trí, làm lòng tôi nhụt yếu đi. Bằng những dòng chữ gầy gáp, run như chữ của đứa trẻ học lớp hai viết, tôi thuật rõ cảm tưởng của mình trong những lần chạm trán sự hiểm nguy. Tôi nghĩ là mình còn bình yên có lẽ nhờ một phép lạ, những kẻ khuất mặt, nhờ phước nhà, phước đức cha mẹ ông bà. Tôi căn dặn ba tôi nhớ sấm ngay mâm cổ cúng tạ, tạ đất trời, tạ tất cả các nguồn quyền phép đã phù hộ cho tôi còn sống đến bây giờ. Ba tôi đọc thư và khóc mũi. Sau đó ông chạy đi, tức tốc mua phẩm vật về lo lễ cúng. Ông mang lá thư của tôi ra đọc cho cô bác, anh em, những bà con hàng xóm tới chung vui, nghe. Vừa đọc ông vừa sụt sịt khóc, mọi người buồn lây, và có khi còn khiến cho vài chị đàn bà mũi lòng khóc theo.

Ba tôi luôn gặp những điều buồn khổ, vì cái số ông khổ. Trời làm ông khổ, và tôi đưa con đọc nhất cũng góp phần làm ông khổ thêm một bức. Cho tới nay ba tôi vẫn không biết cha ông là ai, chỉ biết mẹ là mẹ. Mẹ ông, bà nội tôi, sinh ông ra trong một cuộc tình vụng trộm, đen tối. Bà đem con đi cho một người lạ nhờ nuôi dùm, lâu lâu bà mang tiền và gạo đến cho ân nhân, và thăm con

chốc lát. Năm ba tôi sáu tuổi bà tôi chết. Từ đó đứa bé khốn khổ, ba tôi, đã sống những ngày dài tối ám. Nó từng mặc một chiếc áo mỏng dài tới gót chân, của mẹ nuôi cho, suốt mấy năm liền. Mùa đông, chịu không nổi với cái lạnh chết người, đêm đêm nó mò xuống bếp, chui vào chiếc bao bố cũ, xù lông đầy bụi tro, ngủ chung với hai con chó săn. Và những ngày đói khát nó còn phải ra sức tranh giành chắt vật với hai con chó ấy để giắt lấy những bát cơm. Một ông trời nhiều quyền năng nhưng vô tình, mấy chiếc bao bố dơ bẩn, và những bát cơm khốn cực như thế đã nuôi sống thằng bé... Rồi lớn lên, ba tôi trôi giạt khá xa khá nhiều lần, hết làm con nuôi nhà này lại vào làm con đỡ đầu nhà khác. Cho đến khi tự nuôi được mình, biết đời, lấy vợ, ba tôi đã là một người trẻ có một dĩ vãng cực nhọc, đặc biệt. Phải kể cho thành thật, ba tôi cũng được sống qua một thời gian vui sướng, là những ngày sống với mẹ tôi. Thời gian này ngắn ngủi, y hết những ngày phép đối với người lính chiến. Mà tôi bệnh và chết khi tôi bốn tuổi. Ba tôi đã điên cuồng, đập phá đồ đạc, nhà cửa, và gần như mất trí trong mấy năm liền. Nhờ vào những bất hạnh to lớn dồn dập của cha, tôi trở thành một đứa bé cực kỳ sung sướng. Tất cả mọi sự tốt đẹp ở đời, nếu có thể hái lấy được, ba tôi gom cả lại, đem nhồi nhét vào tay tôi. Có lẽ tôi nhận được tình thương gia đình nhiều không thua bất cứ một đứa trẻ nào trên đời. Ba tôi không mong ước chi nhiều, ông

muốn cha con luôn luôn ở liền bên nhau, như cặp nhũn tình khăng khít thương yêu nhau nhất. Ba cho tôi đi học, ông ước, cái ước mơ nhỏ nhoi, tôi đã được một mảnh bằng cử nhân, đủ để vào trường sư phạm học lấy một nghề, nghề dạy học. Rồi khi ra trường xin được về quê, đi dạy, ngày hai buổi, nhàn nhã đều đặn bình thường, không cần danh giá tiền bạc chi lắm, miễn là tôi khỏe, và cha con hôm sớm thấy nhau. Và sau đó, tiến xa hơn nữa, tôi sẽ cưới một cô vợ, đẻ ra cho ông vài tí cháu.

Nhưng ở đời không phải việc gì người ta muốn là đều đạt được. Tôi có đi học, có thi đậu. Nhưng tôi không vào được trường sư phạm, không đi dạy học, và không được sống gần ba tôi. Tôi đi lính từ năm 19 tuổi. Tôi đi khắp hai miền, thuộc lòng tên và độ cao nhiều ngọn núi xa xăm thăm u. Nhớ tên những chiến trận. Đếm xác những tháng ngày rụng rơi từng loạt vôi vàng, xác quân thù và bạn hữu. Thuộc tên và chiều dài độ rộng của hàng ngàn kinh rạch sông suối, những chiến thuật chiến lược, cách giết chóc tàn phá cao kỳ, lạ lùng, mới mẻ của phe này và phe kia. Tôi đi, nhìn ngắm, đếm, và thuộc những thứ không cần thiết lắm cho đời. Tôi đi hoài, năm này sang năm khác. Trong khi đó, ở nhà ba tôi sầu buồn, ngày một gầy tóp vôi vàng, và khóc luôn. Ba tôi, một hình ảnh của người chinh phụ thời xưa. Tôi vẫn lo ngại một ngày nào đó ông sẽ gục mẹp trong bệnh hoạn, cô đơn, chết một mình như một con muỗi trong đầm

hoang, nếu ông không lên núi đứng
trơ vơ, như người xưa, rồi hóa đá.

.

—Thôi, con đi nha ba.

—Ừ.

Tôi xịu mặt, giả vờ hờn:

—Ba ừ mà ba không vui.

Ba tôi nhoẻn cười, một cái cười
lệch lạc:

—Thì nè, vui rồi đó.

—Con sẽ viết thư về — Tôi chup
mũ lên đầu, bước tới lệ làng hôn lên
má ba tôi hai cái.

—Á! Cái thằng này, sao mầy hun
ba? Ba tôi kêu lên, ngạc nhiên.

—Tây Mỹ thương nhau họ thường
làm như vậy đó! Con thương ba.

—Nhột, khéo bày!

Tôi cười dòn, quay ra cửa, tóm
chiếc xách nhẩy vội xuống sân, chạy
hai ba bước ra đường. Trông tôi có lẽ
giống dáng điệu một đứa trẻ gặp
chuyện vui mừng, hí hửng, nhưng tôi
thấy rõ trong lòng mình đang hiện ra
một nỗi buồn.

...Trời vẫn mưa đều, theo đà này
thì chắc đến mai, mốt vẫn chưa dứt
mưa. Mấy chiếc xích lô từ bến xe chạy
ra, chậm chạp, xe được che kín bốn
bên không thấy chở gì bên trong. Tôi
khoác tấm áo mưa nhỏ lên người.
Chiếc áo ngắn, chỉ che được đến thắt
lưng, đề thể này mà đi dưới mưa thì
chỉ một thoáng là ướt cả, sẽ lạnh run.
Nhưng vẫn không thấy một chiếc xe

nào còn trống. Tôi ra đường, len đi
dưới các hiên nhà, các tàn cây rậm.
Qua được hai phố tôi bắt đầu thấy lạnh,
nước mưa thấm ướt tóc, nhỏ xuống
cổ, phần dưới người được tắm thỏa
thuê. Qua một hiệu sách, một nhà
thuốc tây, một trường Trung học.
Nhiều đoạn đường nước ngập ú, nếu
có ghe thả lên chèo đi thì thuận tiện
hơn đi xe nhiều. Tôi tiếp tục vượt
qua mấy dãy phố, những tiệm tạp hóa,
một cái chùa nhỏ — thứ chùa chiến
trơ trên giữa phố, một khách sạn, lại
một tiệm thuốc tây ... không nhà nào
mở cửa, không thấy một người đi bộ.
Đường Đồng Nai, đường Hồng Bàng,
Ký Con, các con đường thân quen
của tôi — những đêm khuya tôi cặp
tay Hà Xuyên đi về. Những kỷ niệm.
Lạnh quá. Tôi nhìn xuống đường, tôi
nhớ mong lung, nhiều chuyện... gương
mặt ấm nóng của Hà Xuyên. Tôi
không còn nhớ gì về ba tôi nữa. Ba
tôi thường nói, chỉ có mẹ cha mới
thương yêu con thấm thiết. Con cũng
yêu cha mẹ, nhưng là yêu theo lối của
con, không sâu đậm đến mức như
cha mẹ nghĩ, cũng như nước thường
không chảy ngược về nguồn... Ba!
Hiện giờ cha con mình đã xa nhau
trên trăm cây số.

Tôi đến ngang rạp hát bỏ hoang,
rạp này bị sụp đổ từ cái Tết giặc già,
chợt trông thấy một người đứng trước
hiên rạp đưa tay ngoắt tôi. Tôi ghé lại.
Ông già, người gọi tôi, mừng ra mặt.
Ông hỏi mượn hộp quẹt. Mặt ông
tím ngắt, hai tay che gió quẹt lửa run
lạt bặt. Điều thuốc ướt bập mãi

không cháy. Tôi moi túi tặng khách một điều thuốc khô, và thơm. Ông lão bán hàng rong, mâm hàng đặt dưới chân còn mấy cái bánh ngọt iu xiu và nửa nải chuối Mưa tạt mạnh vào. Ông lão chăm được thuốc, rít mấy hơi liền. Nước mưa trên tóc ông nhều xuống ròng ròng, có những giọt nước lăn nhanh trên má, xuống miệng. Ông lão chớp mắt, như khóc. Nhưng không phải,

vẫn chỉ là nước mưa, và mặt ông trông có vẻ tươi lên. Đàn ông, chỉ có ba tôi là thường khóc hơn hết. « Ba ! » tôi kêu nho nhỏ. Ông già không nghe thấy, ông đưa tay áo lên quệt mắt. Tôi trở ra, bước đi nhanh hơn, lướt qua những cửa nhà sơn xanh, những hàng quán, đến cuối đường Ký Con, sang Bạch Đằng. Trời xám ngắt, sù sù, thật buồn.

LÊ VĂN THIÊN

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP. B2 - B6 - B12



- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CÙNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CÙNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.

MÙA LẠNH

Tôi gặp P ở quán T. lúc hơn tám giờ tối. P hỏi chừng nào mới đi, Tôi nói cứ chờ vậy thôi, chắc không lâu. Huế mùa này mưa lạnh ghê gớm, ham đi làm gì cho sớm. Y ngồi sau quầy đang bực hoáy ghi chép trên cuốn sổ. Ánh đèn chụp soi đường sống mũi thẳng láng bóng. Tôi hỏi Y :

— « Mới đi đâu về hả ? »

— « Sao biết ? »

— « Ờ ! đoán vậy »

— « Giỏi nhỉ ? »

— « Thấy cô đẹp hơn mọi ngày ».

— « Uống gì không ? Không tính tiền đâu mà sợ »

— « Như thế lại thêm một cử chỉ đẹp nữa »

— « Khỉ... ! »

Mười ngày phép đã gần hết. Những ngày phép rất buồn bằng những buổi tối rất buồn. Không dung có những buổi tối gió lạnh hiu hắt. Lá rụng nhiều trong những đường phố đêm khuya và sương đêm bay ẩm trong các đám lá. Giống như tối qua khi đi qua công trường chiến sĩ tôi chợt ngửi được mùi thơm nồng của những trái bàng rụng ở đâu đó. Mùa thu như tuổi thơ dễ nhớ, dễ thèm. P nói lâu lâu mới được ngày lạnh. Tôi nói ờ nhớ Hà-nội ghê. Hà-nội giống như một cái bệnh (Bệnh-Hà-nội cứ gọi như vậy) lâu lâu nó hành hạ một lần, nổi nhớ nhung, lan man

thăm vào trí tưởng, như những giọt nước óng ánh trắng trên cánh lá non làm nổi lên cái màu xanh ngọt nồng, cho nghe ra tiếng sóng vỗ của những giòng sông, hơi thở rì rào của gió lùa trong nắng hanh trên những cánh đồng lúa chín, mùi ẩm mốc của bàn ghế trong lớp học ngày tựu trường, hơi thở trắng làm ố mặt kính, con chim sẻ, quen với sự vắng lặng của những ngày hè, bay đậu trên bờ cửa rồi lại hốt hoảng vụt bay đi, ngơ về thăm thăm hàng tre và lá rụng đầy trên lối đi lồi lõm vết chân trâu... Tôi nói với P là mùa Thu cũng giống như cái tuổi ba mươi nhìn đâu cũng thấy buồn cả. P nói quanh quẩn mãi ở Sài-gòn lại càng chán hơn. P chợt nhớ ra được điều gì « Có tin này liên quan đến anh, nhưng người ta nói đừng cho anh biết sợ anh buồn »

« Gì vậy ? »

« Sương nói cuối tháng này ở Đalat có một đám cưới »

« Tôi biết từ lâu rồi. Dù sao thì cũng đến lúc phải như vậy. »

« Lý do gì ? »

« Tụi này không tìm ra cái lý do nào đã đưa đẩy để được yêu nhau thì cũng chẳng nhất thiết phải tìm cái lý do lúc bỏ nhau »

« Thì như vậy cũng là một lý do rồi còn gì ».

Cái cách nói của P cũng giống như

khi Uyên nói—Một ngày nắng xanh biếc trên cái rừng thông dưới thung lũng, gió thổi quăn quít lấy tóc Uyên bám lên cổ tôi khi tôi hôn nàng — *Em sợ lắm*

Anh yêu em — Đó là điều làm em sợ, có lúc em đã hiểu ra em yêu anh nhiều hơn là em ghét, như thế sẽ có một lúc em phải bỏ anh — Đừng nói với anh nữa — Thật đấy mà anh! Chỉ có cách đó là em sẽ không còn sợ hãi mất anh nữa — Lý luận nhảm nhí! Này hơi thở em có mùi thơm như trái thông — Như vậy em là cây thông à? đứng giữa trời mà reo một mình vậy — Anh yêu em... — Thôi đừng nhảm nữa ông... Về thôi, chiều lạnh ghê rồi đó thấy không?

Những ngày lạnh như thế đã mất dần mòn tiếp nối bằng những ngày những tháng, những sáng, những chiều... Tưởng đến những ngày mưa mù ở Huế tôi thật tình không muốn ra lại Huế nữa. Nhưng không còn cách nào khác. H cho tôi ở nhờ trên căn gác nhỏ dưới Ba-Vinh. Mỗi buổi chiều trở về mưa che mờ trên mặt nước sông và gió lạnh hú trên các sợi giây điện vọng xuống. Chuyển xe lam muốn cố chạy mau trên con đường ổ gà làm nước bắn tung sang hai bên. Bụi nước lạnh ngất phả lên da mặt đôi khi làm tôi rùng mình nổi da gà trên hai cánh tay. Tôi vẫn thường nói với Uyên tôi không thể ở lâu Đalat được. Tôi không chịu nổi mùa lạnh. Rồi tôi đâm ra sợ những buổi chiều lạnh như thế, về đến nhà, leo lên gác bằng những bậc thang gỗ dầu đã ọp ẹp, thay quần áo, rửa mặt với những vốc nước lạnh ngất, leo lên giường đắp chăn đến cổ cho ấm lại đôi chút. Căn mưa tẩm đẫm bên ngoài như thở ra bóng tối ẩm lạnh xóa mờ dần ánh

sáng trên các ô kính cửa sổ. Khoảng ánh sáng vuông vức hiu hắt ấy cứ thu nhỏ dần lại, nhợt nhạt rồi lịm đi. Có lúc tôi đã tưởng ra đôi mắt của một người bệnh nặng đang từ từ khép lại. Cũng có khi tôi ngủ thiếp đi một lúc, giấc ngủ không được bình yên, thường là ú ớ mê sảng nhảm nhí. Một lần Chuyên đến thăm đã phải đánh thức tôi dậy. Nàng nói:

«Hồi nãy trông anh có vẻ bệnh»

«Xin lỗi Chuyên! hôm nay dậy nhiều giờ quá thành thử ngủ quên chẳng biết trời đất gì. Chuyên đến lâu chưa?»

«Mới độ năm phút, thấy anh ngủ say quá nên để cho anh ngủ».

«Có lẽ tôi không chịu được lạnh».

«Huế buồn quá phải không anh?»

«Có lẽ ở lâu rồi cũng quen»

«Mai Chuyên đi Saigon»

«Tôi tưởng đến hết tháng này chứ. Tại sao Chuyên lại xin đổi vào Saigon?»

«Chuyên muốn sống khác đi một chút xem sao. Ở mãi Huế buồn quá!»

Nàng ngồi im lặng trên chiếc ghế, đầu hơi cúi xuống, hai vai gầy gò nhô lên trong chiếc áo dài màu tím nhạt trông tội nghiệp. Trong ánh sáng mờ của ngọn đèn chụp vài giọt nước mưa còn óng ánh trên mái tóc thả ẩm xuống lưng. Chuyên không nhìn lên. Dáng nàng như đang khóc. Tôi cắm bếp điện đun nước pha hai tách trà. Sau đó chúng tôi chẳng biết đem chuyện gì ra nói với nhau nữa. Trong im lặng là nỗi bất an, sự chờ đợi. Chuyên muốn tôi nói điều mà tôi không thể nói dối. Hoặc giả tôi không nói gì cả mà trong sự gằn gù gang tấc kia đủ để với

tay ôm nàng vào lòng. Yêu được nhau quả là khó hơn bỏ nhau nhiều. Tốt nhất là chẳng nên nói gì hết, tôi nghĩ vậy, cho đến lúc Chuyên ra về. Câu nói cuối cùng của nàng trước khi bước lên xe là chừng nào anh về Sài Gòn nhớ ghé thăm Chuyên.

Y rời quầy ra bàn ngồi xuống. Tôi nhìn ra ngoài cửa kính. Hình như trời lất phất mưa hay có nhiều sương mù thì phải. Ngọn cây ngoài đường dày kín nhưng đám sương mưa ẩm đục. Băng nhạc đang phát một ca khúc nói về buổi chiều. Giọng người ca sĩ như lời tình tự một mình. P nói bạn S ca bài này hay quá. Y nói tôi thích giọng hát của ông ấy. Tôi nói giọng S nghe dễ tủi thân. Y đùa :

« Anh nghe ra nhiều thứ quá vậy ? »

« Chưa bằng Toại đâu. Hôm qua bọn này đi câu với nhau suốt ngày, mãi tận Phú Lâm »

« Đạo này anh ấy ít lại đây. Các ông gặp nhau chắc lại nói xấu tôi chứ gì ? »

« Toại nói mấy ngày nay nhớ Y quá, có lúc đã nhìn ra thấy Y dưới những đám bèo tằm »

« Khỉ... ! »

« Tôi nói anh thử nhấc cần lên xem đã mất mỗi chưa ? »

P cười hề hề. Y then nói :

« Các ông cứ điếu tôi có ngày các ông biết tôi ».

« Cái đó Toại nhìn ra được chứ không phải tôi »

« Thì cả anh Toại nữa ».

« Cách trừng phạt cuối cùng là cô lấy hấn là ghê gớm nhất thôi chứ gì »

« Khỉ... ! »

P. cười cười nói :

« Nay Y đổi tên quán đi ! đặt là quán Rừng nghe hợp lý hơn »

« Sao vậy anh ? »

« Vì nãy giờ *khỉ* nhiều quá ».

« Tôi định đổi là quán *Cây Đa* vì Toại hẹn *cuối* lần này là lần thứ ba rồi ».

« Thế ra hôm nay có hẹn đấy à ? »

« Toại hẹn bảy rưỡi đến, bây giờ là gần tám rưỡi rồi ». P nói thế nào anh ấy cũng đến mà. Toại cũng hẹn với tôi ở đây. Y hỏi tôi :

PHÂN ƯU

Được tin CỤ BÀ TAM LANG VŨ ĐÌNH CHÍ đã tạ thế ngày 29-2-1972 tức là ngày 15 tháng Giêng năm Nhâm-Tý tại tư thất, Cư-xá Cogido,

Chúng tôi xin chân thành phân ưu cùng nhà văn Tam-Lang anh Vũ Kiện và tang quyến, và xin cầu nguyện linh hồn Cụ Bà sớm tiêu điều miền Cực Lạc.

Ông Bà TỪ TRÌ (TỪ MINH) và các Văn-hữu trong tạp chí BÁCH-KHOA

« Sao anh không lấy vợ đi? »

« Thỉnh thoảng tôi cũng tự hỏi như vậy. »

« Thỉnh thoảng thôi à? »

« Ừ! Thỉnh thoảng thôi! Nhất là vào những ngày lạnh như thế này. »

« Đàn bà tại tôi đâu phải là cái chặn »

« Thế là cái gì? »

« Một chỗ để trở về. »

Một chỗ để trở về. Có lẽ Y nói đúng. Hình như chỗ của bà mẹ vẫn thiếu cái gì đó, trống trải buồn phiền như khoảng thời gian giữa ngày và đêm mập mờ lạnh lẽo. Những ban đêm nhìn bé Uyên-Chi ngủ co bên bà nội của nó, những buổi sáng bố con ngồi đối diện ở bàn ăn. Nó có lỗi ngược nhìn lên giống in như Uyên. Những câu hỏi ngây ngô của đứa con làm tôi vừa xót xa vừa bức tức.

« Mẹ ở đâu hở bố? »

« Mẹ con ở Đà Lạt ».

« Đà Lạt ở đâu hở bố? »

« Ở xa lắm ».

« Có sông với cái cầu sắt không bố? »

« Đà Lạt không có sông chỉ có hồ và suối, có cầu xi măng thôi ».

« Sao bố không ở Đà Lạt hả bố? »

« Tại mẹ con không muốn. »

« Sao mẹ không muốn hở bố? »

« Thì... Tại mẹ con không muốn. Con ăn đi chứ hỏi nhiều quá. »

Đứa nhỏ im được một lát.

« Sao bố không ở nhà với nội? »

« Bố phải đi làm. »

« Bố đi làm, làm gì hả bố? »

« Bố đi làm để mua gạo cho con ăn »

« Mẹ có đi làm không bố? »

« Có chứ ».

« Mẹ đi làm, làm gì hở bố? »

Những câu hỏi như thế thì tôi chịu. Tôi chỉ biết lắc đầu mà chẳng thể giận dữ với nó. Nó có lý để hỏi những câu hỏi như thế. Những câu hỏi của con tôi đều đúng cả và, nếu như vậy, bố mẹ nó đã sống sai. Có lần Uyên-Chi hỏi :

« Tại sao mẹ không về thăm con hả bố? »

Câu hỏi đã tự nhiên làm tôi giận dữ. Tôi trừng mắt nhìn đứa nhỏ quát.

« Hỏi vớ vẩn mãi. Ăn đi! »

Nó cúi đầu nhìn miếng bánh mì trát bơ lem nhem trên đĩa, nước mắt long lanh. Tôi chợt ân hận lạ lùng. Tôi ôm nó vào lòng cố tìm cách trả lời câu hỏi của nó — một cách nói dối, ngụy biện dĩ nhiên:

« Mẹ con bệnh nặng lắm, phải ở xứ lạnh mới hết bệnh, về Saigon với con cũng được nhưng con thấy không, trời nóng thật là nóng như thế này mẹ con đâu chịu nổi. Chừng nào khỏi bệnh mẹ con về với con »

« Mẹ bệnh gì hả bố? »

« Bố không biết! »

« Bố không biết hả bố? »

« Ừ! Bố không biết ».

Tôi cũng tìm thêm ra được một điều là cứ việc nói mình không biết thì trẻ con sẽ không tiếp tục hỏi nữa, cũng như tôi luôn luôn phải tránh né những

câu hỏi của con tôi vì bình như câu hỏi nào rồi cũng sẽ dẫn đến một số câu hỏi khác về mẹ nó. Còn tôi lại sợ phải trả lời những câu hỏi đại loại. Như một lần khác đứa nhỏ chỉ một cô ca sĩ trên màn ảnh truyền hình hỏi:

« Cô kia có đẹp không bố? »

« Cô đó không đẹp đâu con. »

« Mẹ có đẹp không bố? »

« Đẹp! »

« Mẹ đẹp làm sao hả bố? »

Tôi cứng họng không trả lời được, lại phải nói qua quýt:

« Bố không biết! Kìa con xem mấy đứa nhỏ lớn hơn con chút xíu mà nó hát hay ghê. »

« Bố cho con học hát nghe bố! »

« Ừ! khi nào con hết nói ngọng bố cho con đi hát »

« Mẹ có hát hay không bố? »

« »

P hỏi nhóm người tới trước chỉ ra cửa.

« A! đây rồi! Chú Cuội của Y đã tới. »

Toại lững thững đi vào. Y mỉm

cười. Tôi bắt tay Toại. Bàn tay người bạn lạnh khô. Toại mặc chemise trắng nhạt có những xọc xanh. Đôi mắt kính cận dày phản chiếu ánh đèn gắn trong góc tường lấp lánh trông như chàng đang cười.

Tôi nói:

« Bạn ta chịu lạnh giỏi ghê. Trời này mà không mặc áo len à? »

Toại lắc đầu:

« Không mặc để mà chết à! — Toại kéo trễ cổ áo xuống một chút — Tôi mặc bên trong. »

Y hỏi Toại:

« Sao anh đến trễ vậy? »

« Bánh xe anh cán phải đinh gặp ông thợ gà mờ, và cả tiếng đồng hồ mới xong. »

Tôi nói thôi tôi phải đi đây. Y nói ở lại chơi chút nữa đã n o hay là có hẹn hò gì thì cứ tự nhiên. Tôi chỉ cười.

P nói tôi cũng đi luôn, phải lại thăm Lan một tí, suốt tuần rồi không gặp cô ấy, anh đi với tôi luôn. Tôi nói thôi, nghĩ đến trà ướp sen ở nhà Lan thì thích lắm nhưng lại phải ngồi nghe có

ĐÔI ĐỊA - CHỈ

Các nhà văn, nhà thơ sau đây xin các thân hữu xa gần liên lạc theo những địa chỉ mới như sau:

— TRẦN HUIỀN AN, Hộp thư 64 Tuy Hòa

— LÊ VĂN TRUNG, 276, Quang Trung Quảng Ngãi.

— Quả Phụ Đông Hồ MỘNG TUYẾT THẮT TIÊU MUỘI, Úc Viên, 26/1A1. Nguyễn Minh Chiêu, Tân Bình., Gia Định. (Trên ngã tư Thoại Ngọc Hầu, ngang hông trường Tân Sơn Hòa) Giây nói: 25.861.

câu tán nhau thì chán chường. Y ôm vai Toại vênh mặt nói đùa :

« Còn hơn những người không có ai để mà tán ».

« Tôi tán tỉnh chiều chuộng tôi cũng đủ mệt quá rồi ».

Tôi rời quán, dơ tay chào bạn hữu. Toại nói với theo :

« Tối mai chưa đi thì ra Giv. »

Tôi đi bộ một quãng đường. Những chiếc xe chạy vụt qua với vĩa trên con đường nhựa lạnh vắng. Sương mù xanh biếc tụ trên những ngọn cây ở cuối phố. Trên cao tối thăm không có ngôi sao nào. Chắc là mây đã phủ kín và gió lạnh như thổi từ những đám mây đó xuống. Tôi kéo cao cổ áo lạnh, chiêm một điệu thuốc khi tới một góc phố chờ xe.

Về đến đầu ngõ tôi nhìn đồng hồ ; mới hơn chín giờ. Tôi ghé tiệm bán thực phẩm còn mở cửa mua cho Uyên Chi một gói bánh ngọt nhỏ.

Hai bà cháu đang ngồi xem kịch trên Ti-vi. Con nhỏ reo mừng :

« Bố mua bánh bà ơi ! »

Mẹ tôi ngược nhìn. Tôi thấy rõ những nếp nhăn nheo hằn sâu trên trán và gò má. Hình như mẹ già đi nhiều trong vài năm sau này. Uyên-Chi đeo lỉnh cổ tôi. Nó mặc mỗi cái áo vải mỏng. Tôi nói :

« Sao con không chịu mặc áo len. Lạnh thế này nhớ ốm chết ».

« Trời lạnh không có bệnh đâu bố. »

Tôi hôn con rồi như nói thầm với chính mình : Bố không còn cách giải thích nào khác.

ĐÌNH-NGUYỄN

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 — 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE LA
CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

Cát rừng

Thơ TRAN HUIỀN AN

Những mùa Xuân... thuở rừng còn xanh tóc
Rừng bao dung ôm ấp biết bao tình
Rừng huy hoàng khi nắng thức bình minh
Rừng u mặc nhen bếp chiều lên khói
Tôi tám tuổi đã nhập dòng trời nổi
Theo cha anh tha thiết níu tay rừng...

Biết bao lần trên đỉnh nắng dừng chân
Quê hương đó trùng trùng mây tiếp núi
Thoi thóp đồng tranh gió nồm vờn vờn
Mầu lam xa lên bát ngát lưng trời
Tôi chút lòng bé bỏng bổng chơi vơi
Trong ngày ngất vạn niềm thương ý nhớ...

Biết bao lần lửa hồng vươn rực rỡ
Suối rì rào nghiêng trở giấc bình yên
Đầu gối tay, tay tựa cát êm hiền
Bờ sỏi sạn hơi sương chùng lạnh thoáng
Tôi hạt cát giữa đàn anh sỏi sạn
Giăng cánh đời xin được nhuộm rêu phong...

Giờ nhìn mùa Xuân sao thấy nắng phai hồng
Rừng phai biếc, suối khô lời tâm sự
Anh như cánh chim trời bay biệt xứ
Chòm cây xưa mỗi nhánh ngóng tin về
Cha già nua hiu hắt bóng chiều hoe
Mắt yếu đuổi hững hờ nhìn gang tấc...

Ôi ! Kiếp ngựa nào muôn vàn yêu gió bắc
Giữa quê hương mà ngỡ mất quê hương
Hạt cát rừng khuya lăn lóc bụi đường
Gieo tâm thức xuống lạc loài vô dụng
Bút không sắc, mực mài lâu đã ứng
Gươm không ngời thì tốt vô mà chi !...

Chí dời sông cam phạn mảnh Tấm kỳ
Câu chuyện cổ gặt gù chung rượu nhạt
Cười thiên hạ những bày trò đời chác
Để quên mình hèn yếu cũng hư sinh
Duy chút lòng chung thủy vẫn theo anh
Về phương ấy với cội nguồn gió lạnh...

1. 72

(Gởi Anh N. H. T.)

Giọt nước mắt mùa Xuân

Thơ LÊ VĂN TRUNG

Chị ở Hà Lam qua Đại Lộc
Mười năm cơ cực trữu vai gầy
Chồng đi chinh chiến không về được
Ngày xuân lạnh lạnh mưa bay bay
Vách đất lều tranh nhờ xir lạ
Ngược xuôi không đủ sống qua ngày
Con nhỏ tong teo bằng que củi
Chị bỗng e lợt mắt trên tay

Tiếng súng đồn xa buồn lạc giọng
Như đêm mòn mỏi điệu ru hò
Gió hắt đìu hiu qua kẽ vách
Chị lau nước mắt nhìn xa xôi

Hai mươi năm qua lòng thiếu nữ
Cơ hồ không có một mùa xuân
Đời chị đã trăm chiều lận đận
Nhìn con lòng chị buồn lằng lằng

Bây giờ thêm một năm chờ đợi
Chồng đi chinh chiến vẫn chưa về
Con nhỏ thiếu cha buồn biếng nói
Lòng sầu thiếu-phụ, giọt mưa khuya

Rồi bỗng một đêm tin đứt ruột
Người đi, bỏ xác giữa rừng xanh
Chị òa lên khóc ôm con dại
Tay nư trời cao « sao nữ đành ! »

Người đã đi rồi như giấc mơ
Rừng xanh ai đắp nắm hoang mồ
Ngàn năm thôi hết chờ mong nữa
Người đã đi rồi như giấc mơ

Hà Lam, ôi lửa rực một trời
Nào cha, nào mẹ, nào em ơi!
Ai về qua bến đò Giao Thủy
Nhìn nước Thu Bồn quện máu trời

Chị ở Hà Lam qua Đại Lộc
Quê người xuôi ngược mãi gian nan
Ngày xuân hiu hắt màn mưa bụi
Lạnh lẽo hương phai, ngọn nến tàn.

LÊ VĂN TRUNG

(Bên trời cổ xứ)

Hóa kiếp tôi

Thơ ĐOÀN BẰNG HỮU

hai tám ngàn bốn tám dài
tôi hà hục đóng quan tài cho tôi
khuya nay khâm liệm con người
tôi làm con thú nói cười huyền thuyên
bò lê lét đủ trăm miền
cần chi cơm áo bạc tiền thanh danh
cần chi lo chuyện chiến chinh
chuyện thương thuyết chuyện yên bình vu vơ
tôi làm con thú khù khờ
vẫy đuôi hạnh phúc bên bờ vực sâu

Ngày Xuân thiêng

Thơ VŨ HỮU ĐỊNH

Nắng dậy xanh mơ rừng buổi sáng
Nẻo xuống làng xa chim liu lo
Ta đi, đời gió sương mù ướt
Lòng nhớ bao la — xót hẹn hò

Năm xưa, em vẫn thơ ngây quá
Tiễn đưa ta chẳng biết xót đau
Phơi phơi tình thơm trang cổ tích
Bởi yêu em ta chẳng bước mau

Làm sao em hiểu đời tao loạn
Nghĩa của ra đi chẳng hẹn về
Buổi sáng dò qua sông bến lặng
Em đưa ta, chèo dạt trắng quê

Năm năm chắc hẳn sâu đã chín
Em bỏ quê từ buổi giãc về
Ta vẫn cột đời trên núi thẳm
Mơ thấy em bèo dạt sắt se

Năm năm ta sống như loài thú
Có lúc quên xưa để hận thù
Máu lửa ngày chan chan máu lửa
Trong chuồng sinh tử đốt thiên thu

Năm năm chỉ có mùa băng giá
Có buổi tàn sương dợn nắng hanh
Thấp thoáng làng buôn xa hút nẻo
Đau lòng ta, mắt mỗi long lanh

Sáng nay nắng dậy vàng mơ núi
Ngày đầu năm ngưng trận chiến dài
Ta thấy linh thiêng vừa trở lại
Đường rừng hiu hắt nở hoa mai

Nắng dậy rừng Xuân thay áo mới
Mơ xưa hồn chợt trở lại người
Thương em, nhớ một thời xuân cũ
Ta ngắt cành hoa núi tặng ai?

Bình minh những quái nhân

Truyện ngắn Nhật-bản sau đây đã được dịch ra Pháp ngữ và đăng trên tạp chí Preuves số đề nhất Tam-cá-nguyệt 1972. Câu chuyện chứng tỏ rằng cái kỷ niệm hãi hùng về những quả bom nguyên tử do Mỹ thả xuống hai thành phố Hiroshima và Nagasaki vẫn còn ám ảnh tâm trí người dân Nhật.

Vào lúc 2 giờ sáng. Không khí ban đêm thực giá lạnh trong phòng đợi của nhà ga nhỏ. Bốn có ghế đặt quanh một lò sưởi không có lửa. Từ trên trần cao treo một bóng đèn trần trụi 40 watts tỏa một ánh sáng ghê rợn.

Trên ghế hai người đàn ông ngồi đối diện, một mập, một ốm; Từ lúc tới đó đến giờ họ chưa hề mở miệng, người này quan sát trộm người kia.

Thấy người ốm đốt điếu thuốc, người mập khẽ dướn người lên nói: « Xin lỗi, ông có thể cho xin chút lửa? ». Người ốm chìa điếu thuốc lá của mình cho người kia.

Một chuyến tàu hàng đi qua ga. Một luồng gió lạnh từ sân ga lùa vào làm rung mình hai người và họ phải mở cao cổ áo khoá lên.

Người mập bỗng hỏi, dáng điệu lo lắng: « Ông đi xa không? » Một lát yên lặng.

« Tôi phải dời tàu vào trạm ngưng thứ ba ». Người ốm có giọng nói âm u. Hắn quan sát người mập một lát rồi nói tiếp: « Ông thuộc cơ quan Cảnh sát? »

« Hả? » Cả một đám khói thuốc bao

phủ người mập. « Sao ông biết vậy? »

« Tôi thấy ngay. Đâu có gì khó lắm »

« Thật ư? » Lại một đám khói thuốc nữa. Người mập dường như khó chịu.

« Ông đương công tác? »

« Chừng vậy. » Người thám tử vứt bỏ điếu thuốc lá như không muốn dấu diếm hành tung nữa: « Tôi đang theo dõi một vụ. Cướp của giết người. »

« Và kẻ ông theo dõi ở đâu đây? »

« Có thể như vậy lắm ». Hai người nhìn nhau chăm chú. « Một tên nguy hiểm, mưu mẹo, tàn bạo, nhưng lại dễ nhận ra. »

« Nhận ra thế nào? » Người ốm tỏ ra hết sức tò mò. « Có dấu tích gì riêng biệt không? »

« Hơn thế nữa » người thám tử dường như cũng bàng hoàng « Hắn có 3 cánh tay và mỗi bàn tay 6 ngón ».

« Thực vậy! như thế, tôi hiểu rồi. »

« Mỗi bàn tay 6 ngón, thì ai cũng thấy hàng ngày; Nhưng người có 3 cánh tay không phải lúc nào cũng đi khơi khơi ngoài phố ».

« Tôi hiểu. Công việc của ông giờ

đây phải dễ dàng hơn trước. Người Nhật bây giờ không phải ai cũng như ai như ngày xưa.

«Đúng vậy. Từ khi có các cuộc thử bom khinh khí, cách đây năm chục năm, những hạt di-thể trong con người đều rối loạn và ngày nay người ta gặp thấy nhiều kẻ khá dị dạng. Thành ra những cuộc thử bom nguyên tử này đã làm cho các cuộc điều tra phạm nhân thêm tiện hơn trước.

«Nhân đây, tôi cũng có ba cánh tay và mỗi bàn tay sáu ngón đây này» người ốm vừa nói vừa chìa bàn tay về phía anh thám tử.

«Đâu có thế! À mà có thật này. Nhưng người tôi kiểm còn có một dấu tích khác biệt nữa là có một mắt ở giữa khuôn mặt». Và người thám tử nhìn thẳng vào con mắt kẻ đối diện ở đúng giữa hai lông mày.

«Tôi biết rằng ông nghi tôi. Phải thế không?» Và người ốm nhún vai. «Nhưng, theo báo chí thì có phải nhân chứng duy nhất của cuộc án mạng cho rằng kẻ sát nhân có ba bàn tay? Thí dụ hắn có bốn bàn tay mà một bàn tay không ai trông thấy thì sao?»

«Ông muốn đi tới đâu?»

«Rồi ông sẽ hiểu». Và cái quần của người ốm mở ra, cúc quần được cời từ bên trong. Một bàn tay từ đó thò ra cầm khẩu súng. «Cánh tay thứ tư của tôi từ đây mọc ra, đúng ngay ở dưới rốn. Ông đã thiếu khôn ngoan. Đáng tiếc cho ông»,

«Thực vậy ư? Ông cứ khỏi quá.

Tôi xin ngả nón chào ông». Đúng vậy, cái nón của người thám tử bay lên không, để lộ một bàn tay mọc từ sọ hắn. Bàn tay này cầm súng.

Nhanh như chớp, nó bóp cò làm bị thương cái bàn tay thứ tư của kẻ sát nhân, đánh buột khẩu súng. Người thám tử với bàn chân thứ ba của hắn đá bay khẩu súng xuống cuối phòng, rút trong túi ra hai cặp còng cùm trên một giây xích, hắn khoắc thật lẹ khóa lấy 4 bàn tay của kẻ sát nhân. Làm xong, khoái trá về thủ đoạn của mình, hắn phá lên cười, ba cái miệng hắn mở rộng, một ở bên trái, và hai miệng khác ở giữa má.

Tiếng cười điệu cợt của người thám tử còn vang vọng ở cái nhà ga thăm nảo nhỏ nhoi khi chuyển tàu kế đi vào trong ga.

YASUTAKA TSUTSUI

Sách mới

— Bóng tối cuối cùng truyện dài của Nguyễn thị Hoàng do Giao Điểm xuất bản và gửi tặng. Tác phẩm thứ 19 của tác giả được ấn hành, dày 270 trang bìa của Nguyễn Đồng. Giá 300đ.

— Bảng hữu số 2 tháng 12-71 Tập chí văn chương nghệ thuật do Thái Hồng, Hiếu Thư, Thiếu Luận, Võ ka Giao, Nguyễn Tường, chủ biên. Tòa soạn. Nguyễn Công Trứ Qui Nhơn Mỗi số dày 80 trang, gồm những bài biên khảo, thơ và truyện. Giá 70đ.

Thời sự thế giới

● TỪ MINH

Trong những tuần qua người ta đặc biệt chú ý tới 3 vấn-đề chính là các khó khăn của Anh quốc, tình trạng phức tạp tại Trung Đông và việc xét lại chính sách đối ngoại của Nhật.

Tại Anh quốc chính phủ thuộc đảng Bảo-thủ do ông Edward Heath cầm đầu đã vấp phải nhiều khó khăn. Tại quốc nội các công nhân mỏ than đình công, nên việc cung cấp điện bị trở ngại. Tại quốc ngoại vấn đề Bắc Ái-nhĩ-lan vẫn là một căn bệnh nan-y của chính-trị Anh.

Trong khi đó tình hình Trung-Đông hết sức khốc liệt. Bang giao giữa Ai-cập và Nga-sô càng ngày càng căng thẳng. Nhưng ông Sadat, Tổng-thống Ai-cập vẫn không ngừng bác bỏ cái đề nghị hòa bình của Mỹ.

Tại Nhật người ta cũng đang gặp khó khăn sau chuyến đi Bắc-kinh của ông Nixon. Đề trả đũa chính phủ Nhật đã áp dụng một loạt biện-pháp ngoại giao mới.

Những khó khăn của Anh Quốc :

Thủ-tướng Anh Edward Heath lên cầm quyền sắp được hai năm. Di-sản mà chính-phủ Lao-động của ông Harold Wilson để lại là một tình hình kinh tế vô cùng rối loạn. Ông Heath đã cố gắng sửa chữa nền kinh-tế khó khăn của Anh bằng cách xin gia nhập khối Thị-trường chung Âu-châu. Ông đã được Quốc - hội ủng - hộ

trong vấn-đề Thị-trường-chung vào cuối năm 1971. Vì vậy mà ông Heath đã ký hiệp-ước gia nhập tổ chức nào vào tháng 1-1972.

Nhưng ngay sau đó, khi ông Heath xin Quốc-hội cho phép tiếp tục hoạt động để gia nhập Thị-trường chung thì chính - phủ của ông suýt bị lật đổ. Vì vậy ông đã phải dọa là nếu bị lật đổ ông sẽ giải tán Quốc-hội. Và cũng vì sợ bị loại khỏi chính quyền, đảng Bảo thủ đã xiết chặt hàng ngũ nên ông Heath mới chiếm được một đa số mỏng manh là 309 phiếu thuận so với 301 phiếu chống.

Cùng một lúc với các khó khăn tại Quốc-hội, ông Heath lại phải đối phó với một cuộc đình công của công nhân mỏ than. Đây là lần đầu tiên từ 46 năm qua mà công nhân hầm mỏ phát động một cuộc đình công rộng lớn trên toàn quốc. Điện bị "cúp" nên tại Luân-đôn, ngay tại các vùng luôn luôn được chiếu sáng, như Piccadilly Circus và Hoàng-cung Buckingham, dinh Thủ-tướng, cũng chìm vào bóng tối. Các hoạt động kinh-tế trong nước bị ngưng trệ và số thất nghiệp lên tới 2,5 triệu người. 280.000 công nhân mỏ than đình công đòi tăng lương lên 25%. Ông Heath đã phải chấp thuận tăng từ 18 tới 20%. Nhưng tỷ-lệ tăng lương này sẽ làm cho nền kinh-tế khó khăn thêm lên vì giá cả sẽ tăng theo.

Trong khi đó vấn đề Bắc Ái-nhĩ-lan đã làm cho ông Heath nhức đầu hơn

nữa. Sau vụ quân-đội Anh đàn áp phe Công-giáo Bắc Ai-nhĩ-lan, tổ chức khủng bố Quân-đội Cộng-hòa Ai-nhĩ-lan (IRA) đã đặt một quả bom 140 ký trước câu-lạc-bộ sĩ-quan tiểu-đoàn nhảy dù 16 của Anh tại Aldershot. Kết quả là 7 người thiệt mạng trong đó không có một người lính Anh nào mà chỉ có 5 người đàn bà làm việc trong bếp, một người làm vườn và một tuyên-úy Công-giáo bị chết.

Xúc động mạnh mẽ vì những người Công-giáo Ai-nhĩ-lan đã hoạt động khủng bố ngay trên đất Anh, Chính phủ Anh đã ra lệnh bắt giữ hết tất cả những người tình nghi thuộc tổ chức I.R.A ở Luân-đôn về thẩm vấn. Đồng thời ông Lynch, Thủ-tướng Ai - nhĩ - lan cũng ra lệnh bắt hết các lãnh tụ của tổ-chức này. Nhưng tổ-chức IRA đã phản ứng lại bằng cách mưu sát ông Taylor, Thủ-trưởng Nội-vụ Ai-nhĩ-lan, khiến ông này bị thương nặng.

Anh - quốc hiện thời đang qua một giai đoạn khủng hoảng nội bộ rất trầm trọng. Người ta không biết ông Edward Heath có vượt được những khó khăn này không.

Tình hình Trung Đông vẫn rối loạn

Từ đầu năm nay bang giao giữa Nga và Ai-cập bỗng nhiên trở nên căng thẳng. Vì ông Sadat không được Nga tiếp tục cấp viện trợ quân sự nên thái độ của chính phủ Ai-cập càng ngày càng lạnh nhạt với Nga. Các cố vấn của Nga càng ngày càng bị

sĩ - quan Ai - cập tẩy chay. Chỉ vì nói rằng: «Ai cập là một cô nhân tình không trung thành» mà một viên tướng lãnh người Nga bị Tướng Sadek, Tổng-trưởng Quốc - phòng Ai - cập, trục xuất ngay trong 24 giờ đồng hồ.

Tờ Al Ahram, báo chính-thức của chính quyền Ai-cập đã lớn tiếng tố cáo là Nga ngăn cản Ai-cập tấn công Do-thái. Khi sang Nga, Tổng-thống Ai - cập Sadat còn khước từ không chịu sử-dụng phi-cơ của Nga. Trong khi ông Sadat sang Nga thì ở nhà 8 sĩ quan Ai-cập đã âm mưu giải thoát cho Cựu phó Tổng - thống Ali Sabri, một nhân vật thân Nga, đã bị Tổng-thống Sadat bắt giam từ tháng 5 năm ngoái.

Trong tình-trạng bang - giao hiện tại giữa hai nước, tại Ai-cập người ta càng ngày càng nói tới việc đuổi 20.000 cố vấn quân-sự Nga trở về, trong khi các cố-vấn quân sự Nga lại đòi Tổng-thống Sadat phải cách chức Tướng Sadek, Tổng-trưởng Quốc-phòng và ông Heikal, chủ nhiệm tờ báo Al Ahram.

Chính-phủ Ai-cập đã bán chính thức thăm dò phản ứng của Mỹ để biết Mỹ có muốn thay thế Nga để viện trợ cho Ai-cập vào trường hợp Ai-cập tuyệt giao với Nga hay không. Hình như chính-phủ Ai-cập sẵn sàng cộng tác với Mỹ miễn là Mỹ buộc Do-thái phải trả lại bán đảo Sinai cho Ai-cập.

Nhưng ngoài mặt ông Sadat lại bác bỏ mọi đề-nghị « ận-đàm » (Proximity talks) của Mỹ mà trước đây chính

ông đã chắt thuận. Tân Tổng-Thư-ký Liên-Hiệp-Quốc, Kurt Waldheim, cố gắng làm sống lại vai trò hoà-giải của ông Jarring bằng cách gửi ông qua Le Caire, Amman và Jérusalem, nhưng đi đến đâu ông Jarring cũng bị thất bại trước thái độ bất nhượng bộ của các chính-phủ liên-hệ.

Trong khi đó các cuộc đụng độ giữa Ả-rập và Do-thái vẫn tiếp diễn. Không quân Do-thái luôn luôn tấn công các chiến-khu của du-kích-quân Palestine ở Liban. Ngược lại phe khủng bố Palestine cũng tiếp tục cướp các phi cơ. Một chiếc phi cơ Boeing 747 của hãng Hàng không Đức Lufthansa đã bị 5 người Palestine bắt đòi 5 triệu Mỹ kim tiền chuộc, trong số hành khách bị bắt có cả người con trai trưởng của cố nghị-sĩ Robert Kennedy. Máy bay Đức luôn luôn bị bắt vì những người Palestine muốn trừng phạt Đức đã không ngừng viện trợ cho Do thái. Sau khi nhận được 5 triệu tiền chuộc những người khủng bố đã được chính phủ Nam Yemen đề cho tự do đi lại mà không làm khó dễ.

Như vậy người ta thấy vấn đề Trung Đông còn ở trong một tình trạng bế tắc không lối thoát.

Nhật điều-chỉnh chính-sách đối ngoại

Tháng 7-1971 Thủ-tướng Sato đã bị coi là bị ông Nixon hạ nhục khi ông Nixon quyết định sang Bắc-kinh mà không thông báo trước cho chính-phủ Nhật. Tháng 2-1972 khi ông Nixon sang Trung Cộng, ông Sato đã theo

dõi chuyển đi này qua các đài vô-tuyến truyền-hình với một vẻ hết sức bức tức. Khi được hỏi ông nghĩ sao về lời tuyên bố của Tổng thống Nixon theo đó chuyến Hoa du là một sự kiện lịch sử quan trọng, ông Sato đã khinh miệt trả lời rằng : « Nếu ông Nixon nói như vậy thì chúng ta cũng khỏi phải cãi lại làm gì ».

Tuy không công khai cãi lại, nhưng ông Sato đã cố gắng có một thái độ độc lập với Hoa - kỳ. Cuối tháng 1 - 1972 ông đã tiếp Ngoại trưởng Nga Gromyko và cả hai bên đồng ý thương thuyết đề ký kết một hiệp ước chấm dứt tình trạng chiến tranh giữa hai nước. Vì tuy hai bên trao đổi Đại sứ nhưng từ năm 1945 tới nay chưa có một văn kiện nào chính thức chấm dứt tình trạng chiến tranh giữa hai bên.

Sau đó ông Sato lại gửi một phái đoàn thương mại tới Bắc Việt. Hơn nữa không tham khắc ý kiến trước với chính phủ Hoa-định-đầu, chính phủ Nhật thừa nhận Bangla Desh, một quốc gia mà Hoa kỳ cố tình không biết đến. Chính phủ Nhật còn trao đổi Đại sứ với Ngoại Mông và đồng thời tiếp xúc với Bắc Cao. Tất cả những hoạt động này đều chỉ có nghĩa là làm áp lực với Hoa-kỳ để Hoa-kỳ tiếp tục bảo vệ an ninh cho Nhật mà thôi. Thực ra thì Nhật không muốn bắt tay với phe Cộng sản và cũng chưa muốn đóng vai trò thống trị ở Á châu. Sau những thất bại nặng nề vào năm 1945, Nhật không muốn tái vô trang mà chỉ muốn tiếp tục xử

dụng chiếc dù nguyên tử của Mỹ mà thôi.

Ngoài ra Nhật còn muốn giao thương với Trung Cộng để chiếm thị trường của nước này. Nhưng cho đến tận ngày nay Bắc kinh vẫn từ chối không đáp ứng với nguyện vọng của Nhật. Do đó Nhật muốn tỏ ra độc lập với Mỹ và

thân hữu với các nước Cộng sản Á châu để Trung Cộng bằng lòng giao thương với Nhật.

Nói tóm lại, hiện thời các hoạt động ngoại giao của Nhật về phía Cộng sản có tính cách thương mại nhiều hơn là chính trị.

TỪ MINH

Đón đọc :

TƯ TƯỞNG

CƠ QUAN LUẬN THUYẾT CỦA VIỆN ĐẠI HỌC VĂN HẠNH

Số 1, Năm Thứ Năm

Phát hành ngày 25-3-72

với nhiều cải tiến quan trọng từ nội dung đến hình thức

Cadao mới phát hành:

— NIETZSCHE, CUỘC ĐỜI VÀ TRIẾT LÝ

của Felicien Challaye — Mạnh Tường dịch

Sách in lần 2 có thêm gần 40 trang trước đây bị kiểm duyệt bỏ.

— THÂN PHẬN, Thơ Hoài Khanh

in lần thứ 3, toàn giấy trắng, mẫu bìa và phụ bản của Nguyên Khai.

— CUỘC ĐỜI CỦA ĐẠI NHẠC SĨ BEETHOVEN

của J.W.N. Sullivan — Mạnh Tường và Quế Thanh dịch

THỜI SỰ KHOA HỌC

Quả tim và việc làm tình

Trong một cuộc họp thường niên của Hội y sĩ Nữ ưóc, một nữ bác sĩ trẻ tuổi đã lên tiếng an ủi các thân chủ về bệnh tim của bà: «Làm tình cũng như leo lên hai bậc thang, chẳng mệt nhọc gì và do đó cũng chẳng có hại gì cho trái tim cả».

Bà bác sĩ Zohman cho biết: trong một cuộc làm tình nhịp tim đập nhanh hơn lúc bình thường, chừng 117 nhịp 1 phút và chỉ kéo dài chừng 10 tới 30 giây đồng hồ lúc tình dục lên tới cực điểm. Thời gian kéo dài nhất trong cuộc làm tình là phần dẫn đầu, tuy nhiên bà Zohman đã nghi ngờ sự kéo dài của khoảng thời gian này và cho rằng nó chỉ có trong tiểu thuyết còn trên thực tế người Mỹ của bà rất vội vã, thiếu kiên nhẫn trong việc làm này. Việc làm tình do đó rất chóng vánh và ít có ảnh hưởng tới quả tim.

Bà Zohman cho biết tiếp đó là những điều bà ghi lại ở những cuộc làm tình hợp pháp nghĩa là giữa hai vợ chồng. Những điều đó nếu xảy ra ở phạm vi ngoài gia đình có thể đổi khác đi. Trong cuộc phiêu lưu một mình người đàn ông sẽ có mặc cảm phạm tội và việc này ảnh hưởng tới quả tim đã sẵn bệnh hoạn của ông ta không ít.

Vậy ra công trình nghiên cứu của

bà bác sĩ trẻ tuổi này có giá trị như một lời khuyên bảo đạo đức: bà khuyến khích các ông chồng yếu tim yên trí phục vụ bà xã và dọa dẫm các ông chồng có máu bông lông phải e dè.

Cánh tay nhân tạo

Bác sĩ Tatsuji Tamai, người Nhật bản đã thành công trong việc chế tạo một cánh tay giả điều khiển được bằng tiếng nói. Ba bộ máy điện tử tí hon, một đặt ở khuỷu tay, một đặt ở cổ tay và một đặt ở gốc các ngón tay có thể giúp cho cánh tay nhân tạo thực hiện được những cử động chính yếu của một cánh tay. Ngón tay có thể kẹp lại được và có thể nhặt một vật nặng 4 ký lô. Cánh tay có thể co duỗi, dơ ra phía trước hoặc phía sau và có thể nâng một vật nặng khoảng 12 ký.

Bộ máy này nguyên gồm hai cánh tay và một bộ phận như chiếc áo giáp dùng để mang vào ngực. Hai cánh tay giả sẽ đung đưa theo nhịp thở của người mang nhờ một bộ phận chuyển-vận đặc biệt. Người mang sẽ điều khiển tay bằng chính giọng nói của mình: sự khác nhau trong cao-độ của âm thanh phát ra và tiếng hai hàm răng khua động sẽ được truyền vào các bộ máy điện tử và làm cho cánh tay cử-động theo ý muốn. Ở đầu các ngón tay có các bọc nhỏ đựng không khí, sự đụng chạm vào đó sẽ được chuyển vào da

thịt của người mang và cho ra một hình thức nào đó của xúc-giác.

Phát minh của bác sĩ Tamai được áp dụng đầu tiên cho một em bé Nhật bản không có tay vì bị hậu quả của việc dùng thuốc thalidomide của người mẹ trong lúc có thai. Tuy nhiên quốc gia chúng ta là nước cần được viện trợ loại phát minh này hơn cả. Không phải vì lỗi các bà mẹ dùng thuốc sinh quái thai mà chính vì bom đạn đã làm cho biết bao nhiêu người bị tàn phế.

Vi trùng ăn dầu

Ở những nước mà ngành hàng hải phát triển mạnh, tàu bè qua lại nhiều, nhiều giống động vật như chim chóc, cá, hoặc các loại sống gần nước bị một đe dọa đáng kể cho sự tồn tại của chúng. Số dầu cặn mà tàu bè xả ra làm nhiễm độc cả một vùng biển, cả một nhánh sông và cá, chim biển chết vô số. Thảm cảnh làm đau lòng các nhà yêu thiên nhiên nhất xảy ra tại bờ biển Santa Barbara, nơi đây số dầu cặn tràn ngập cả bãi biển, lan ra các nhánh sông gần biển, làm các loại vịt trời, chim nước bị bắt cánh chết đuối rất nhiều. Những đoàn người, phần lớn là sinh viên tình nguyện đi cứu các loài chim đáng thương này, vớt lên những xác xác chim bị quết dính đầy dầu. Ở những chỗ dầu đặc quá, họ phải trải rơm hoặc các nhánh cây khô cho những con chim bị sa lầy có chỗ tựa để leo lên.

Người ta đã cố gắng rất nhiều để

tìm cách phá hủy các loại dầu cặn này nhưng chưa có một phương pháp nào được coi là đáng hài lòng. Gần đây, trong phòng thí nghiệm các nhà khảo cứu đã tìm thấy một hy vọng mới mà trước đây không ai ngờ tới. Đó là những loại vi trùng rất ưa chất dầu. Trong môi trường có dầu, chúng bành trướng và sinh sản rất nhanh chóng, chúng tiêu hóa các phân tử dầu và biến nó thành các loại phân tử khác nhỏ hơn, không còn độc tính.

Người cầm đầu cuộc khảo-cứu này là bác sĩ O' Neill, một nhà vi-sinh-vật-học và ông đã phân loại được 62 vi-trùng ưa dầu, trong số đó con có khả năng mạnh nhất là loại vi trùng sinh-mủ-xanh (*Pseudomonas*) ở người. Có một điều tiện lợi hơn nữa là khi loại vi trùng này sinh sôi nảy nở thật nhiều khi ăn hết dầu thì chúng sẽ thành con mồi béo bở cho các loại sinh vật lớn hơn ở biển.

Một phương pháp mới chữa bệnh nghẹt thở ở trẻ sơ sinh

Những đứa trẻ sinh thiếu tháng thường bị một chứng bệnh rất nguy hiểm : chứng phế - nang - có - màng (HMD: hyaline membrane disease), gây ra sự khó thở trầm trọng và thường là đưa đến cái chết. Trong chứng bệnh này, phế nang của trẻ sơ sinh bị bao phủ bởi một lớp màng bằng chất hyaline, màng này làm cho thành phế nang dày ra, trở thành khó co giãn và việc trao đổi dưỡng khí giữa máu và không khí bị cản trở. Phổi của đứa

nhỏ càng ngày càng xẹp lại vì trong cử động hô hấp, khi hít không khí vào phế nang không thể nở ra được và sau vài ngày đứa trẻ chết vì thiếu dưỡng khí. Các phương pháp cứu chữa hiện thời đều không có kết quả và người ta còn nhớ rằng đứa con thứ ba của cố Tổng thống Mỹ J. F. Kennedy đã chết vì chứng bệnh này.

Trong lý thuyết, như vậy màng hyaline là nguyên do chính của sự nghẹt thở. Khi giải phẫu các tử thi bị chết vì nghẹt thở bị nghi ngờ là do chứng bệnh này, người ta đều thấy có màng hvaline. Một nhà bác sĩ gây mê nhi - khoa trẻ tuổi ở San Francisco đã làm đảo lộn quan niệm này khi đưa ra một phương pháp cứu chữa mới có kết quả làm ngạc nhiên mọi người. Theo quan niệm mới thì phế-nang được làm giãn nở do một chất đặc biệt gọi là *surfactant*. Chất này là một chất mỡ, có tính chất làm giảm sức-căng mặt-ngoài ở các phế nang và do đó giữ cho nó khỏi bị xẹp lại mỗi khi thở ra. Yahi thiếu chất suifactant, phổi sẽ bị teo lại và sau đó sẽ có màng hyaline kết tụ chung quanh. Như vậy

màng hyaline chỉ là một nậu quả của một bộ phổi bị xẹp vì thiếu *surfactant* chứ không phải là nguyên do làm cho phổi bị xẹp. Phương pháp mà nhà gây mê tuổi trẻ tuổi trên tức bác sĩ George A. Gregory đưa ra là tạo một áp-xuất cao liên tục, trong đó không khí ẩm chứa 90% dưỡng khí được bơm vào phổi dưới một áp suất cao. Mục đích của Gregory là giữ cho các phế nang khỏi xẹp xuống hẳn khi thở ra và làm cho các phế nang nở rộng hơn để tăng thêm sự hấp thụ dưỡng khí. Phương pháp này phải kéo dài từ 3 tới 5 ngày cho tới lúc đứa bé khá hơn và có thể thở một mình được.

Trong bệnh viện của Gregory, khi ông áp dụng phương pháp này thì số trẻ em bị chết về bệnh này giảm xuống hẳn một nửa. Đó là một kết quả rục rỡ đối với một chứng bệnh từ lâu được coi là không có cách chữa. Tuy nhiên việc chữa trị không chỉ đơn giản như vừa mô tả, nó gồm nhiều công việc và giai đoạn khó khăn nữa, đòi hỏi rất nhiều chuyên viên và phương tiện.

TỪ DIỆP

Đã phát hành :

- ☐ THƯƠNG HOÀI NGÀN NAM
của VÕ PHIẾN (tái bản lần thứ tư)

BÚT MÁU

gồm những truyện ngắn đặc sắc nhất
của VŨ HẠNH

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

*Một tác phẩm vĩ đại của DOSTOIEVSKY
mà quý vị hằng mong đợi*

ANH EM NHÀ KARAMAZOV

Toàn bộ chia làm 3 cuốn. Cuốn Một sẽ phát hành
trung tuần tháng 4/72.

... Không một chút vừa lòng với mình, luôn luôn bất mãn, yêu sách đến độ không thể được — mà vẫn hoàn toàn ý thức được giá trị của mình, — trước khi bắt đầu viết Karamazov, một nỗi mừng run thầm kín đã báo cho ông biết trước: ông đã bắt được một chủ đề vừa với tầm vóc của ông, — tầm vóc thiên tài của ông. Dostoievski viết:

Thật hiếm khi nào tôi lại được dịp phải nói đến cái điều mới lạ hơn như thế, hoàn toàn hơn như thế, độc đáo hơn như thế.

Quyền sách đó chính là quyền sách mà Tolstoy đã lấy làm gối đầu giường khi sắp chết.

ANDRÉ GIDE

Tác phẩm độc nhất này của Dostoievski, nhà An-Tiêm đã dự trù in từ năm 1969, vừa rồi gặp nhiều trở ngại, mãi tới nay bộ sách mới hoàn thành. Nhân đây, nhà xuất bản chúng tôi xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi cùng quý độc giả đã viết thư về nhà xuất bản hỏi mua bộ Anh Em Nhà Karamazov, mà vì quá bận công việc, chúng tôi không trả lời được hết. Để đáp lại sự mong đợi đó, chúng tôi đã cố gắng hết sức để Bộ sách sớm ra đời, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn trong hoàn cảnh kinh tế hiện nay.

Nhà xuất bản AN-TIÊM

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Nguyễn Gia Trí và quan niệm về nghệ thuật

Nguyễn Gia Trí là một họa sĩ bậc thầy đã khai sinh ra ngành nghệ thuật sơn mài ở Việt-nam nhưng cũng là một người rất kín tiếng. Ông chỉ âm thầm làm việc, cứ một hai năm đột nhiên người ta lại được thấy một số tác phẩm mới của ông, nhưng ông ít khi chịu cho phỏng vấn hay tuyên bố với ai điều gì. Bởi vậy có dịp nào đàm thoại với ông hay bắt gặp ở ông lời tâm sự nào về nghệ thuật là người ta ghi ngay lại để sau này làm tài liệu khi muốn tìm hiểu về "con người và tác phẩm" của Nguyễn Gia Trí.

Với ý hướng đó Bách-Khoa đã trích đăng lá thư của ông nói về "cái nghiệp của nghệ sĩ" trên số 345 (15-5-71) Cũng trong mục thời sự văn nghệ và kỳ này lại xin phép họa sĩ Tạ Tỵ trích đăng một lá thư nữa của họa sĩ Nguyễn Gia Trí viết cho Tạ Tỵ nhân dịp nhận được tập thơ "Cho cuộc đời", có phần sau đây bày tỏ một quan niệm của ông về nghệ thuật và thưởng thức nghệ thuật:

... « Tôi không khen thơ anh hay, vì nếu tôi hiểu rõ, thì anh làm thơ để thỏa mãn một sự khát khao, xoa dịu nỗi cô đơn sâu thẳm hay uất hận của cuộc đời, của số kiếp con người. Vậy thì thi ca chỉ là một phương tiện, một thể cách của tâm hồn rung động. Bây giờ vì như anh đãi tiệc bạn bè mà người ta chỉ cứ khen chén ngọc bát vàng cùng rượu ngon cùng đồ

nhấm bầy đó, há phải đó là người tri kỷ?

« Anh tự cho rằng anh tham lam ôm đồm hay si mê gì đó thì tôi e không hoàn toàn đúng, vì đó chỉ là đứng phía ngoài mà nói. Tôi nghĩ rằng con người ta sống và hoạt động tuy nhiều hình thức, nhưng cái tâm nó duy nhất. Thói thường là phân biệt ngăn cách và, đau khổ do những "trái ngược" như anh nói, đó. Nhưng bản tính con người cũng là vượt qua những ngăn cách đó, tìm đến cái nguồn gốc của mọi sự. Cho nên mới có những hoạt động trong mọi ngành, thi ca cũng như nghệ thuật, triết lý cũng như tôn giáo, khoa học kỹ nghệ hay cả chính trị, hay thể thao, mà ai ai cũng thấy là bình thường tự nhiên, tuy không đi sâu vào vấn đề. Cho nên thói thường chỉ đề ý tới những "môn", những "khoa", những "tài" và những "sản phẩm", v.v là nghĩa thế. Nhưng tôi có thể phục tài những thi sĩ xuất khẩu thành chương, họa sĩ phóng bút như rồng bay phượng múa, biểu diễn trên sân khấu như những nhà ảo thuật, hay những trò xiếc đu bay leo dây, mà tôi chẳng thấy "rung cảm" gì ráo!

« Có một điều, vì đứng ngoài không biết rõ, anh có thấy ngôn ngữ văn tự, nhất là ở xứ mình, đã phát triển và biến đổi rất nhiều qua thời gian, anh có thấy trở ngại gì trong việc sử dụng nó không? Đã đành trong sự sáng tác của người nghệ sĩ, bất chấp bút của hay rẻ rách, Hán-văn hay

quốc ngữ, dương cầm hay thùng rỗng nhưng nếu anh đặt mục đích vào sự giao cảm với quần chúng, thì đó là một trở ngại lớn đó.

Nhưng, về thi ca thì tôi không biết thế nào, chứ về hội họa thì tôi thấy anh cũng như rất nhiều họa sĩ «mới» khắp nơi, và ngay tôi cũng có đôi chút kinh nghiệm bản thân, sáng tác với ý chí muốn tự giải thoát ra khỏi nhu cầu của quần chúng đòi hỏi hiểu biết, ý chí đó nhiều khi mang tính cách bạo liệt. Tôi rất cảm thông với điều đó, vì tôi cho rằng sáng tác thực bao giờ cũng có tính cách vật lộn, như anh nói «lặn ngụp» chẳng hạn, lý do là nghệ sĩ muốn tìm một con đường đến với đời sống «thực». Vật lộn với gì cũng không thấy, cũng không biết rõ nữa. Có lẽ là chính cái u uẩn anh nói đó, có khi nó là những trái ngược hay những chướng ngại ở chính trong cái môi trường của, hoặc thi ca hay họa hay nhạc cũng vậy, nó mắc kẹt những hình ảnh đã chết, những nhịp điệu lờ đờ. Hình như hiện tượng sinh hoạt đó là «nghệ thuật» Tôi tưởng như sinh hoạt đó không có mục đích gì, nói là xu hướng gì có lẽ đúng hơn, ngoài sự giải thoát, khi hết những vướng mắc, sinh hoạt đó được gần như tự nhiên thông thả, khi đó chắc là nghệ thuật có vẻ không mang một ý nghĩa gì hay ích dụng gì, không một chút khó nhọc gì, khi ấy là đến tuyệt mực. Khi ấy người ta không thấy là thi sĩ, nhạc sĩ hay họa sĩ gì nữa, mà là sống bình thường như hô hấp không khí, tim chạy đều đều mà chẳng để ý tìm phôi ở đâu nữa.

Tôi ráng sức, vật lộn với chủ nghĩa, ý muốn nói rằng đời sống tựa như có nhiều bình diện tuy rằng cùng một thể, thôi nói dần đi, là một. Thi ca nghệ thuật hay phương pháp gì khác nữa, khoa học hay tôn giáo hay, ma túy ! đều là do bản tính con người như vậy, sinh ở đó ra lại quay về

đó. Sự giao cảm giữa con người và con người qua thi ca, nghệ thuật v.v.. nếu có chẳng qua là những xu hướng chung. «đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu» mà thôi. Nhiều khi nghệ sĩ không thể hài lòng ngừng bước tiến và buộc mình trong đó, vì cái họ tìm đến là cái một đó, cái chung, hay là cái thanh cái khí đó, vì trong thâm tâm của họ thấy cái đó là thu hút mãnh liệt. Có thể nói đó là «hư vô»? Hư vô, tôi không hiểu nó là cái gì, nó thế nào, nhưng tôi nghĩ tại mình không hiểu nên mình sợ. Nếu mình thấy sự hấp dẫn của nó thực, không có chướng ngại gì trong tâm, thì tôi tưởng, tưởng không có hạnh phúc nào hơn !

« Bởi vì có khi là cái mặt thật của đời sống mà mình si mê mình không biết, bởi vì mình quen thói chỉ lý luận một chiều.

« Anh Tạ Tỵ, tôi đi tôi đem pha loãng thơ của anh bằng những lời vô vi. Nhưng đây không phải là lời phê bình như tôi đã nói ở trên, cũng không phải là một lối thường thức vì tôi nghĩ thường thức gì cũng vậy, trước hết phải im lặng.

« Mà nói như vậy, thành ra có khác chi nói thi ca âm nhạc hội họa hay làm gì cũng vô ích? Không phải, không phải, nói lên lời là một sự khó khăn khổ ải vì lời nói lại là cái chướng ngại rồi. Thôi thì mình cứ coi như hai anh em đào sâu vào một vấn đề như người đi tìm vàng. Chúng ta chẳng để ý gì đến đất đá sỏi cát đào lên ngồn ngang chặn lối đi nữa.

« Thôi, viết đến đây tạm ngừng vì mệt rồi. Tôi sức nhớ đến câu của Viên Chiếu Thiền Sư :

Tặng quân thiên lý viễn

Tiểu bả nhất bình trà.

« Thông cảm với người bạn ở xa ngàn dặm nhẹ nhàng như vậy, phải tu bao nhiêu đời kiếp ? »

thân mến,

Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— **Phật-giáo nguyên thủy II**, của Ô. Lê Thanh Quế do nhóm Yêu Sống chủ trương và tác giả gửi tặng. Sách in ronéo khổ 20 x 26, tiếp theo cuốn I, đánh số trang từ 67 đến 108, trình bày chương 4 : Những ý niệm căn bản tiền Phật-giáo : Nghiệp báo. Luân hồi, Giải thoát và Tôn giáo. Giá 100đ.

— **Song ngoại (Bên kia song cửa)** truyện dài nguyên tác của Quỳnh Dao, bản dịch của Liêu Quốc Nhĩ, do Khai Hóa xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 380 trang, in lần thứ 2, Vũ Dzũng trình bày bìa, tranh của Hồ Thành Đức. Bản đặc biệt.

— **Cánh hoa chùm gửi**, truyện dài nguyên tác của Quỳnh Dao, bản dịch của Liêu Quốc Nhĩ, do Khai Hóa xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 392 trang, một trong những tác phẩm thành công của nữ văn sĩ Trung-hoa. Bản đặc biệt.

— **Thoáng mây bay**, truyện của Quyên Di do Tuổi Hoa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 112 trang, thuộc loại Hoa tím (cho tuổi 16-18) ấn loát rất đẹp. Bản đặc biệt Giá 90đ.

— **Tiếng hát vánh khuyên**, truyện Thiếu nhi của Nguyễn Thái Hải do Tuổi Hoa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 124 trang, thuộc loại Hoa Xanh, trình bày đẹp. Giá 80đ.

— **Chiến tranh Việt nam và**

cõi, tập thơ của Nguyễn Bắc Sơn do Đồng Dao xuất bản và gửi tặng. Sách dày 72 trang gồm 26 bài thơ đặc sắc, trình bày đẹp. Bản qui — Giá 200đ.

— **Hồn quê**, tập thơ của Nguyễn Dân do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 40 trang, gồm 30 bài thơ, Giá 100đ.

— **Vào cuộc hành trình**, tập thơ của Khánh Linh do tác giả ấn hành và gửi tặng. Sách dày 62 trang gồm 28 bài thơ. Giá 200đ.

— **Những câu đố mới**, của Bảo Vân Bùi văn Bảo biên soạn với sự cộng tác của Trần Huyền Ân, Khánh Linh, Nguyễn văn Sơn do Nhật Tảo xuất bản và gửi tặng. Sách dày 92 trang, gồm những câu đố về Quốc sử, Địa lý, đố chữ, đố vui... đề các học sinh vừa chơi vừa học. Giá 100đ.

— **Thoát số 10** Nguyệt san ra ngày 10 mỗi tháng do Hoàng Lam chủ biên và Hoàng Yên Dy Thư ký Tòa soạn. Mỗi số khổ 21x29 dày 32 trang gồm những tiểu luận, đoản văn, truyện và thơ của Ngân Hà, Dương tình Hà, Cô Lữ, Lê tất Điều, Quỳnh Phong, Thạch Thảo w. Mỗi số 35đ.

— Ở một nơi ai cũng quen nhau tập truyện của Hoàng ngọc Tuấn, do Quế Sơn, xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm thứ 2 được xuất bản của tác giả dày 146 trang gồm 8 truyện ngắn chọn lọc, viết từ 1968 đến 1971, « tiếng cười, điệu hát, giọt lệ hân hoan của một tuổi trẻ chân thực ». Giá 160đ.

HỘP THƯ

Tạp chí Bách Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây :

Phan Cung Nghiệp (Rạp theo ngọn cỏ), Trần Ngọc Kim (thơ), Dương Trầm (thơ), Thế Lan (thơ), Tổ Dêm (thơ), Lão Lai (Cười ra nước mắt), Phạm Lê văn Duyệt (thơ), Đạm Thạch (Trái banh vô thức), Nguyễn Thương Hoài (thơ), Phú Quân (Bình an tuổi trẻ), Nguyễn Thủy (thơ), Trần thị Khánh An (thơ), Hồ Tà Dôn (thơ), Huỳnh Kim Sơn (thơ), Phạm Đình Chương (thơ), Hoàng-Th-Hiệp (thơ), Khánh Linh (thơ), Lê Thanh Ngọc (thơ), Hồ Khê Bạc (thơ), Trần Giao Hiệp (thơ), Hồng Lạp (thơ), Dương Thề Anh (thơ), Lê Vinh Nghiêm (Soi trong mắt chàng), Nguyễn Nhã Anh (Phép chụp toàn kích : một không gian mới !), Phương Hoa Sứ (thơ), Nguyễn Nhật Ánh (thơ), Lê Vũ (thơ), Lê Thanh Liêm (thơ), Luân Vũ (thơ), Nhã Nam (Chiếc lá xanh không cành), Lâm Hảo Dũng (thơ), Đinh Vũ (Một ngày khó quên), Nguyễn Đông Thạch (Có miền nào yên vui), Lê Trầm Tích (thơ), Anh-Việt-Thi (thơ).

Những bài được lựa đăng, chúng tôi sẽ liên lạc với quý bạn bằng thư riêng hoặc sẽ nhắn tin trên các số Bách Khoa tới đây.

— Ông Lê Trung Hoa (Gò Công) đã nhận được « Văn bằng trắc » của anh và sẽ đăng trên số tới đây.

— Ô. Tạ Chí Đại Trường — Đã nhận được bài của anh về Công giáo và sẽ đăng trên số tới. Đã gửi mấy số báo cũ về Võ Tánh như anh dặn trong thư trước. Rất mong có dịp gặp anh ở Tòa soạn.

— Nguyễn Năng (Đà Nẵng).— Đã gửi thư riêng cho anh về cuốn sách anh định dịch ra.

— Một nhóm Chứng sinh ở Huế :
Sau khi nhận được lá thư của các bạn do Tạp chí Bách-Khoa chuyển. Tôi đã đọc kỹ và thành thật cảm ơn về những lời trong thư mà tôi xem như một khích lệ đáng quý. Tôi cũng xin ghi nhận những điều các bạn nêu lên trong chuyện « Về cỏ » của tôi đăng ở BK số 347. Chủ ý của tôi chỉ là làm sống lại (một cách mờ nhạt) mối tình âm thầm của một cô gái trên Trầm với chàng rút chuông. Ngoài ra, tôi không có ẩn ý gì khác.

HỒ MINH DŨNG

Đã có bán :

Ở MỘT NƠI AI CŨNG QUEN NHAU

☐ Tác phẩm thứ 2 của HOÀNG NGỌC TUẤN sau cuốn Hình như là Tình yêu.

☐ 8 truyện ngắn chọn lọc, viết từ 1968 đến 1971.

QUẾ SƠN xuất bản. Giá 160 đ.